

TAM QUỐC

DIỄN
NGHĨA

Tác giả: LA QUÁN TRUNG
Dịch giả: PHAN KẾ BÌNH
Hiệu đính: BÙI KỶ

TẬP

1



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC **vh**

 **DONGA®**

BẢN ĐỒ TAM QUỐC DIỄN NGHĨA

NGUY

THỤC

NGÔ

CHÚ THÍCH

- Biên giới
- ▣ Quốc đô
- Quận
- Trường thành
- Quốc đô và châu
- Huyện ấp
- Sông
- Châu
- Nơi trọng tuyến
- Hồ nước

CHÚ THÍCH

Biên giới	Quốc độ	Quận
Trường thành	Quốc độ và châu	Huyện ấp
Sông	Châu	Nơi trọng tuyến
Hồ nước		

 Biên giới  Quốc đảo • Quận
 Thị trấn  Quốc đảo và châu • Huyện cấp
 Sông • Châu • Nơi trọng tuyến
 Hồ nước

Tác giả: LA QUÁN TRUNG

Dịch giả: PHAN KẾ BÌNH

Hiệu đính: BÙI KỶ

TAM QUỐC DIỄN NGHĨA

TẬP 1

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
CÔNG TY VĂN HÓA ĐÔNG A

Tranh bia: *Lưu, Quan, Trương kết nghĩa vườn đào.*

Bìa do họa sĩ Tạ thức Bình trình bày.

Tranh bìa và minh họa: chụp lại trong bộ tranh truyện “Tam Quốc” của hai họa sĩ Trung-quốc: Từ chính Bình và Từ hồng Đại.

LỜI GIỚI THIỆU⁽¹⁾

Tam Quốc diễn nghĩa là một pho tiểu thuyết lịch sử ưu tú của nền văn học cổ Trung-quốc.

Trong suốt 120 hồi, ngòi bút của nhà văn La Quán Trung đã làm sống lại được cả một thời kỳ hỗn loạn khoảng 100 năm trong lịch sử Trung-quốc: vua quan ngu muội tàn bạo, nhân dân khổ cực trăm bề. Tác giả đã nói lên lòng tha thiết của nhân dân mong muốn được sống một cuộc đời hạnh phúc thanh bình, thống nhất, đồng thời đã dựng nên được những nhân vật lịch sử điển hình của thời đại như Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi, Gia cát Lượng, Tào Tháo, Đổng Trác, Tôn Quyền, Chu Du v.v...

Lời văn *Tam Quốc* giản dị sáng sủa. Những cảnh tuyệt ở Ngọa-long-cương, nước ở Đàn-khê, lửa ở Xích-bích, khói ở Hoa-dung đều được vẽ thành những bức tranh tuyệt diệu.

Truyện *Tam Quốc* được nhân dân vô cùng ưa thích. Những vở kịch, tuồng, chèo cổ soạn theo truyện *Tam Quốc* được diễn đi diễn lại rất nhiều lần. Từ xưa ở Trung-quốc đã có những người chuyên sống bằng nghề kể chuyện *Tam Quốc*.

(1) Đây là *Lời giới thiệu* của bộ *Tam Quốc diễn nghĩa* được NXB Phổ thông - Bộ Văn hóa ấn hành trong hai năm 1959-1960, một bản in được coi là tuyệt tác trên phương diện dịch thuật, được hiệu đính kỹ lưỡng và được rất nhiều bạn đọc yêu quý, sưu tầm. Chính vì vậy, chúng tôi quyết định tái bản lại bản in đó trên tinh thần giữ nguyên nội dung cũng như hình thức trình bày nhằm dành tặng những người yêu mến *Tam Quốc diễn nghĩa* một món quà ý nghĩa (ĐÔNG A).

Ở nước ta trước đây Tam Quốc diễn nghĩa đã được dịch ra nhiều bản nhưng có bản của cụ cử Phan kế Bình được hoan nghênh hơn cả. Tiếc rằng bản dịch này dựa theo nguyên bản Tam Quốc diễn nghĩa cũ trong đó có những điểm không được chính xác. Vì vậy in ra lần này Nhà xuất bản Phổ thông đã mời cụ phó bảng Bùi Kỳ hiệu đính lại bằng cách đem đối chiếu với bộ Tam Quốc diễn nghĩa mới nhất của Nhân dân Văn học xã xuất bản năm 1958⁽¹⁾, câu nào rườm rà thì gọt lại, chỗ nào sai thì sửa đi cho đúng với nguyên bản.

Về giá trị của bộ Tam Quốc, qua các thời đại, đều có rất nhiều nhận xét. Chúng tôi có gửi thư sang Hội Nhà văn Trung-quốc đề nghị cung cấp những tài liệu phê bình đánh giá bộ tiểu thuyết lịch sử giá trị này. Hội Nhà văn Trung-quốc đã gửi cho bài "Lời nói đầu" của Bộ biên tập Nhà xuất bản Nhân dân Văn học (Trung-quốc) viết cho bộ Tam Quốc sắp tái bản trong năm 1959⁽²⁾. Chúng tôi rất cảm động trước nhiệt tình của các đồng chí bạn. Chúng tôi xin trân trọng gửi lời cảm tạ các đồng chí, đồng thời xin dịch nguyên văn bài "Lời nói đầu" đó để giới thiệu với bạn đọc Việt-nam. Đây là một bài phê bình giới thiệu văn học rất công phu, rất quý báu, nội dung gồm có phần giới thiệu tác giả, phần tóm tắt chia đoạn, và chủ yếu là phần nhận xét, phân tích, đánh giá truyện Tam Quốc và các nhân vật chính như Lưu Bị, Tào Tháo, Quan Vũ, Gia cát Lượng v.v... giúp cho bạn đọc có thể thưởng thức được những cái hay trong bộ Tam Quốc một cách đầy đủ và sâu sắc hơn.

Tháng 6-1959

NHÀ XUẤT BẢN PHỔ THÔNG

(1), (2) Bài "Lời nói đầu" của bộ Tam Quốc 1959 sở dĩ có được là do các đồng chí bạn nhiệt tình, mới lên khuôn đã dập một bản in thử gửi cho. Còn hiệu đính vẫn phải dựa vào bản Tam Quốc diễn nghĩa 1958 vì bản 1959 ở Trung-quốc chưa in xong.

LỜI NÓI ĐẦU

I

Tam Quốc diễn nghĩa nguyên tên là Tam Quốc chí thông tục diễn nghĩa, là một bộ tiểu thuyết cổ điển dài, được nhân dân ưa thích nhất, và lưu truyền rộng rãi như truyện Thủy Hử, lại là bộ tiểu thuyết lịch sử thông tục⁽¹⁾ đầu tiên của Trung-quốc. Tác giả là La Quán Trung.

La quán Trung tên là Bản, tên chữ là Quán Trung, lại có biệt hiệu là: "Hổ Hải tảo nhân" có thể là người Thái-nguyên (còn có những thuyết nói ông là người Lu-làng Tiến-duong, Đông-nguyên v.v...). Ông sinh vào cuối đời Nguyên, mất vào đầu đời Minh, ước chừng vào khoảng năm 1330 đến năm 1400 giữa thời thống trị của Nguyên Thuận đế (Thoát Hoan Thiếp Mộc Nhĩ) và Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương.

Ông rất có tài văn chương, rất giỏi về từ khúc, câu đối, lại viết cả các loại kịch, nhưng nổi tiếng nhất là về tiểu thuyết.

Về tiểu thuyết thì ngoài Tam Quốc ra, tương truyền có tất cả "hơn mười bộ" như nay ta biết còn có: Tuỳ Đường chí, Tàn Đường ngũ đại sử diễn nghĩa, Tam toại bình yêu truyện v.v... (hiện nay những bản còn lưu truyền đã bị người đời sau sửa đổi, viết lại, không còn là nguyên bản của ông nữa); lại có truyền thuyết rằng: La quán Trung cũng là một người tham gia soạn và chỉnh biên truyện Thủy Hử. Bạn của ông nói: tính

(1) Viết bằng lời văn thông thường đại chúng dễ hiểu.

tình ông "ít hòa hợp với mọi người" vì "thời thế nhiều nhượng nhiều biến cố" nên ông đi lang bạt các nơi, về sau "không biết đời ông kết cục ra sao". Những truyền thuyết về sau này còn nhắc tới việc ông tham gia hoạt động trong cuộc khởi nghĩa của nông dân, từng có quan hệ với Trương Sĩ Thành, là một trong những người "có chí mưu đồ sự nghiệp bá vương". Tiếc rằng tình hình tương tận thế nào nay không thể biết rõ được.

"Tam Quốc diễn nghĩa" tuy về phương diện biên soạn chủ yếu là công lao của La Quán Trung, nhưng thực ra bộ tiểu thuyết này trước sau đã trải qua một quá trình tập thể sáng tác lâu dài của rất nhiều người.

Trước La Quán Trung, từ lâu, truyện Tam Quốc đã lưu hành rộng rãi trong dân gian, nói một cách khác nhân dân quần chúng đã sớm sáng tạo ra những nhân vật điển hình và truyện lịch sử Tam Quốc. Đời nhà Đường có một nhà thơ, trong khi viết thơ tả về truyện đùa giỡn của trẻ em đã ghi: "Hoặc giễu Trương Phi đen, hoặc cười Đặng Ngải nói lấp", trong đó không phải đã ẩn hiện hình tượng của một Trương Phi lỗ mãng đó sao? Có thể chúng mình rằng ở thời đó một số nhân vật và sự tích trong truyện Tam Quốc đã rất phổ biến tới mức độ mọi nhà đều biết, đàn bà con trẻ đều hay. Thời Bắc Tống có một nhà văn cũng ghi lại rằng ở thôn quê, lúc trẻ con quấy, nghịch, người nhà thường cho tiền chúng đi tụ họp nhau lại ngồi nghe kể truyện Tam Quốc. Đồng thời vì đời Tống nền kinh tế thương phẩm thành thị từ trước chưa bao giờ phát đạt như vậy, yêu cầu về sinh hoạt văn hóa của các tầng lớp nhân dân thành thị ngày càng tăng lên, nên truyện Tam Quốc lại càng thịnh hành. Cứ xem trong các môn, loại "truyện kể" ở những đô thị lớn thời bấy giờ đã có riêng một mục "kể chuyện Tam Quốc", thì có thể biết rằng Tam Quốc cũng là một mục được quần chúng đô thị ưa thích nhất. Thời kỳ Nam Tống, theo lời ghi của nhà thơ "Tào công đại chiến" (trận Xích-bích) là điển tích trang trí của đèn kéo quân trong dịp tết Nguyên-tiêu (tết rằm tháng giêng). Đến triều Nguyên đã có bản in "Toàn tướng Tam Quốc

chí bình thoại", nửa tranh, nửa chữ, đây là dấu vết của "truyện kể" bằng miệng dần dần được ghi chép lại bằng chữ, bản viết được hình thành cũng chứng tỏ rằng truyện Tam Quốc đã rất được lưu hành và phát triển. Ngoài ra, đời Nguyên là thời kỳ kịch hát rất thịnh, cứ xem những tiết mục không được đầy đủ của người đời Nguyên còn giữ lại đến nay, truyện Tam Quốc cũng như Thủy Hử đều được các nhà viết kịch lịch sử thường lấy làm đề tài. Trong khi dân gian truyền miệng, các nghệ nhân kể chuyện, các nhà văn học nghệ thuật viết kịch, diễn kịch, đều không ngừng sáng tạo, làm cho những tình tiết câu chuyện và hình tượng nhân vật phong phú thêm.

Cuối đời Nguyên đầu đời Minh nhà tiểu thuyết La quán Trung đã viết bộ Tam Quốc chí thông tục diễn nghĩa chính là đã dựa trên cơ sở sáng tác tập thể rất hùng hậu đó của nhân dân quần chúng. Dĩ nhiên trong khi viết, ông có tham khảo những bản ghi chép của các nhà viết sử và các nhà văn khác, nhưng quan trọng hơn, là phần thể nghiệm cuộc sống phong phú của bản thân ông và tài năng văn học kiệt xuất của ông. Một trong những bản Tam Quốc diễn nghĩa ra đời sớm nhất hiện nay còn giữ được là bản in năm Giáp Dần niên hiệu Hoằng Trị đời Minh (1494) năm Nhâm Ngọ Gia Tĩnh (1522) gồm có 24 cuốn 240 tiết.

Từ đó về sau, đến đời Minh nhiều bản Tam Quốc (nội dung đều không có gì khác nhau lắm) đã lưu hành gần 300 năm. Đầu đời Thanh, hai cha con Mao Luân, Mao Tôn Cương (người Tráng-châu tỉnh Giang-tô) lại bắt đầu tu đính truyện Tam Quốc. Công việc tu đính này hoàn thành vào khoảng năm Khang Hy thứ 18 (1679) hoặc sớm hơn một chút. Họ chỉ gia công, thêm bớt, nhuận sắc những chi tiết nhỏ, và thêm vào đó những lời bàn, dồn 240 tiết thành 120 hồi, lại đặt cho bộ Tam Quốc cái tên là "Cuốn sách đệ nhất tài tử". Từ đó bản của Mao Tôn Cương thay bản của La quán Trung, tiếp tục được lưu truyền rộng rãi.

Truyện Tam Quốc của La quán Trung so với bản truyện kể của đời Nguyên, đại khái có mấy đặc điểm như sau:

1. Tước bớt một số phần mê tín, nhân quả báo ứng và những tình tiết "quá ư hoang đường".

2. Viết thêm, làm nội dung cuốn truyện phong phú lên rất nhiều, tô vẽ tính cách và hình tượng nhân vật cho sâu sắc, đậm nét hơn.

3. Nâng cao ngôn ngữ đến mức nghệ thuật, tăng cường thêm sức hấp dẫn của nghệ thuật.

4. Làm nổi bật lên một cách rõ ràng và mãnh liệt nhân dân tính và xu hướng tính văn học là yêu Lưu Bị, ghét Tào Tháo, hướng về Thục chống lại Ngụy trong toàn cuốn sách.

Nói tóm lại, La Quán Trung đã đem những phần phong phú trong truyện Tam Quốc mà nhân dân quần chúng và những nghệ nhân kể chuyện đã sáng tác ra, nâng cao lên thành một tác phẩm văn học lớn lao nổi tiếng. Còn bản của Mao tôn Cương chẳng qua có thêm bớt ít câu, ít chữ, sửa chữa một số chi tiết nhỏ trong truyện, sắp xếp lại các hồi mục, câu đối, sửa chữa lại câu, lời trùng hoặc những chỗ chưa thoả đáng trong bản cũ. Mao tôn Cương đã tước bỏ rất nhiều những chương tấu, những bài bình luận, tán rộng trong phần chú thích, thay đổi một số câu thơ lẫn lộn văn kể với văn vãn v.v... làm cho truyện càng hoàn chỉnh, văn vẻ, trong sáng, gọt giũa, trên một mức độ nào đó cũng đã làm tiện lợi cho mọi quần chúng đọc giả. Vì vậy công việc tu đính đó có thể nói là có ích đối với bản cũ. Do đó bản của Mao tôn Cương có thể thay thế được bản cũ thịnh hành trong 300 năm và cũng vì thế ngày nay chỉnh lý in lại bộ Tam Quốc, chúng tôi đã dựa vào bản của Mao tôn Cương.

II

Trong lịch sử, việc chính thức dựng nước của ba nước (Tam Quốc) Ngụy, Thục, Ngô bắt đầu từ năm 220 công lịch. Tào Phi phế Hiến-đế (Lưu Hiệp) nhà Đông

Hán lên ngôi vua đổi tên nước là Ngụy. Năm 221 Lưu Bị lên ngôi ở Thục lấy tên nước là Thục Hán. Năm 222 Tôn Quyền cũng đổi niên hiệu là Hoàng Vũ bắt đầu chống Ngụy, đến năm 229 xưng đế ở Giang-đông (Ngô đại đế) lấy tên nước là Ngô.

Năm 263 công lịch, Ngụy diệt Thục Hán trước. Năm 265 Tư mã Viêm phế Ngụy Trần lưu Vương (Tào Hoán) tự xưng là nhà Tấn. Năm 280 Tấn lại diệt Ngô. Đến đó Tam Quốc đều bị Tấn tiêu diệt, trở lại thống nhất. Cho nên toàn bộ lịch trình của Tam Quốc phải là lịch trình 60 năm, từ năm 220 đến 280. Chẳng qua từ năm 212 Tôn Quyền sang đóng đô ở Kiến-nghiệp, năm sau Tào Tháo tự xưng Ngụy Công. Lại đến năm sau Lưu Bị vào Thành-đô kể từ khi lĩnh chức Mục ở Ích-châu, cái thế chân vạc của Tam Quốc thực tế đã hình thành.

Đĩ nhiên muốn tìm rõ căn nguyên cỗi rễ của Tam Quốc thì phải tìm ngược trở lên, phải nói từ cuộc khởi nghĩa lớn của quân Khăn Vàng cuối đời Hán, vì ba tập đoàn quân phiệt Ngụy, Thục, Hán đã hoài thai và trưởng thành trong suốt quá trình giai cấp thống trị phong kiến trấn áp quân khởi nghĩa. Quân Khăn Vàng khởi sự năm 184 công lịch, (năm đầu niên hiệu Trung Bình đời Đông Hán Linh đế) vì vậy người ta quan niệm thời gian lịch sử Tam Quốc kể từ năm 184 đến năm 280 gần suốt cả thời gian một thế kỷ.

Bộ truyện của chúng ta hoàn toàn đúng như vậy, viết thẳng một mạch từ khởi nghĩa Khăn Vàng đến Tư mã Viêm thống nhất toàn quốc. Cứ nhìn vào lịch sử đó là thời đại rất hỗn loạn, nhân dân chịu nhiều tai nạn nặng nề.

Cuối đời Đông Hán, đến thời kỳ Hoàn-đế Lưu Chí, Linh-đế Lưu Hoàng, tình hình đen tối thối nát đến cực điểm. Nhà vua cấm đầu công khai bán quan tước, tước Tam công giá 10 triệu tiền. Ngoại tộc, hoạn quan tham tàn ngang ngược, bạc ác trăm bề, đánh lộn lẫn nhau, thành ra những "quan kẻ cướp" ví dụ: người ngoại tộc Lương Ký trong nhà có tới 3 tỷ tiền. Hoạn quan Hầu Lãm cướp của người khác hơn 100 khoảnh ruộng, hơn 380 ngôi nhà. Họ hàng thân thích của chúng rải rác khắp các châu quận, chuyên môn vơ vét hút máu mủ của nhân

dân. Đại địa chủ quan liêu thời ấy càng sẵn có thể lực hùng hậu, bọn tay chân đồ đệ kết thành những tập đoàn ra sức thôn tính đất đai bóc lột nông dân thâm khốc, thường biến thành những bọn quân phiệt võ trang trực tiếp chém giết nhân dân.

Vì chính trị thời nát như vậy, đề điều không sửa chữa, xảy ra lụt to, hạn hán lớn hết năm này qua năm khác, thường thường có đến mấy chục vạn nhà đói khát lâm than thậm chí "có nhà chết đến 4, 5 người, có nhà chết hết". Thời kỳ chính trị thời nát ấy cũng là thời kỳ mâu thuẫn giai cấp sâu sắc nhất của xã hội phong kiến Đông Hán. Kết cục, nông dân do Trương Giác lãnh đạo đã nổi lên chống cự với một quy mô rất lớn, các nơi hưởng ứng rầm rầm, tổng số quân khởi nghĩa lên rất nhanh tới mấy chục vạn người, thanh thế lung lay, xưa nay chưa từng có. Vì điều kiện lịch sử hạn chế, vì những cuộc đàn áp đẫm máu của giai cấp địa chủ và tập đoàn thống trị, nên quân khởi nghĩa Khán Vàng anh dũng và những nghĩa quân nổi dậy sau đó đều liên tiếp bị thất bại. Nhân dân bị chém giết gần 20 vạn, nhưng chính quyền của nước Đông Hán cũng bị lung lay suy yếu nhiều, cuối cùng đi đến sụp đổ. Giai đoạn đầu là tình thế trung ương tập quyền bị tan vỡ, thế lực địa phương được hình thành, cũng chính là bắt đầu tình thế bọn quân phiệt đánh lẫn nhau mỗi kẻ xung hùng xung bá chiếm cứ một phương.

Trước tiên là quân phiệt Lương-châu Đổng Trác, lợi dụng mâu thuẫn của các bộ tộc phía tây và mâu thuẫn nội bộ của giai cấp thống trị, tổ chức ra quân hỗn hợp: Khương, Hồ, Hán, do những tên trùm thổ hào người Khương, Hồ và những tên địa chủ người Hán cầm đầu, cực kỳ tàn nhẫn, quen thói phá hoại, chuyên nghề cướp bóc chém giết, đã giết hại dân Tây Khương và nghĩa quân Khán Vàng. Đến năm 189 công lịch, cuộc đấu tranh giữa người ngoại tộc Hà Tiến và hoạn quan Kiến Thạc, tạo cơ hội cho Đổng Trác tiến vào kinh thành Lạc-dương. Đổng Trác vào Lạc-dương bèn phế Thiệu-đế Lưu Biện, lập Hiến-đế Lưu Hiệp, cướp lấy

quyền lớn, mưu đồ khống chế các thế lực khác, và tiếp tục các hành vi cướp bóc chém giết của hần. Vì vậy đã gây nên lòng căm thù tột độ trong nhân dân. Bọn quan liêu địa chủ quân phiệt vì lợi ích của bản thân cũng nhao nhao nổi dậy chống lại hần. Rồi đến năm 190 công lịch mười mấy đạo quân địa phương hợp lại thành "quân Quan-đồng" do Viên Thiệu cầm đầu tiến đánh Đồng Trắc. Từ đó chính thức bắt đầu cuộc giao tranh giữa bọn quân phiệt.

Từ năm 190 đến 196 cuộc đại hỗn loạn do Đồng Trắc và bọn du đảng tay sai: Lý Nho, Quách Phiếm v.v... gây ra mới kết thúc. Những việc cướp bóc, vơ vét chém giết phá hoại cực kỳ hung ác của chúng làm cho vùng đất đai rộng lớn giữa hai đô thành Lạc-duong và Tràng-an hoàn toàn thành nơi vắng vẻ tiêu điều gạch ngói tan tành "trong thành không có dấu chân người" ngay các quan tù thượng thu trở xuống có khi "bị chết đói trong bốn bức tường". Đồng Trắc thì tích trữ được đủ lương cho quân sĩ ăn trong 30 năm, mấy chục vạn cân vàng bạc và vô số đồ vật quý giá, biến xương máu của nhân dân thành cái vốn cho hần khi tiến có thể tấn công được, khi lùi có thể giữ được. Hần lại phá hoại chế độ tiền cũ, hủy khí cụ bằng đồng đúc tiền nhỏ cho hàng hóa lưu thông bành trướng; giá mười đấu gạo lên tới mấy chục vạn tiền. Rất dễ hiểu nhân dân khổ cực biết chừng nào. Đồng thời những di sản văn hóa quý báu đã được sáng tạo và tích lũy lâu đời cũng bị phá hủy hết sạch.

Trong quá trình quân Quan-đồng đánh dẹp Đồng Trắc, rất nhiều tập đoàn địa chủ phong kiến nhân cơ hội này, tăng cường thế lực của mình, mỗi kẻ hùng cứ một phương lớn mạnh nhất có Viên Thiệu, Viên Thuật và Tào Tháo. Viên Thiệu là nhân vật đại biểu cho đại địa chủ đại quan liêu thời đó "bốn đời làm đến chức tam công, đồ đệ tay chân khắp thiên hạ". Viên Thiệu chiếm cứ Ký-châu lại thôn tính ba châu Thanh, Tịch, U... Viên Thuật thì phát triển từ Nam-duong, đến vùng Hoài-nam. Sự tàn bạo xa xỉ của chúng, và những chiến dịch hết năm này qua năm khác, cũng gây cho quần chúng bao

nhiều nỗi thống khổ; quân sĩ thậm chí phải ăn ốc và quả dâu mà sống. Năm 200 Viên Thiệu quyết chiến ở Quan-độ với Tào Tháo, tuy thế lực Tào Tháo còn yếu nhưng Viên Thiệu đã bị đánh bại. Trong khoảng 10 năm từ 197 đến 207, có thể nói lực lượng chủ yếu của Tào Tháo là dùng vào việc tiêu diệt thế lực anh em cha con họ Viên, cuối cùng thống nhất được phương bắc, chấm dứt được thế lực chiếm cứ thời nát của bọn quan liêu địa chủ thời đó, chuyển vào một tình thế mới, tức là thế chân vạc, xâu xé lẫn nhau giữa ba tập đoàn quân phiệt Tào, Lưu, Tôn, địa vị xã hội còn thấp mới nổi lên.

Năm 207 Tào Tháo đánh tan Ô-Hoàn ở phương bắc, tiêu diệt thế lực còn sót lại của Viên Thiệu. Đồng thời Lưu Bị gặp Gia cát Lượng ở Long-trung. Năm sau Tào Tháo ỷ vào thực lực dần dà lớn mạnh của mình, cầm đầu hơn 10 vạn đại quân nam tiến đánh Lưu Biểu ở Kinh-châu nuốt chửng binh lực của Kinh-châu, định vượt qua sông Trường-giang đánh đổ Tôn Quyền, thực hiện cái chí lớn thống nhất nam bắc. Kết quả, lực lượng của Tôn Quyền, Lưu Bị liên hiệp lại, đốt hết chiến thuyền, quân của Tào Tháo thua to. Đó là trận Xích-bích nổi tiếng trong lịch sử.

Trận này phá vỡ tan tành kế hoạch thống nhất toàn quốc của Tào Tháo, ổn định địa vị của Tôn Quyền ở Giang-nam, đồng thời cũng làm cho Lưu Bị có khả năng từ Kinh-châu tiến vào Ích-châu, từ chỗ lâu nay vẫn đi nương nhờ người khác, đến chỗ có một thế lực độc lập rất lớn. Trận Xích-bích thực là then chốt cho sự hình thành của thế "chia ba" chân vạc.

Sau trận Xích-bích, Tào Tháo lui về Trung-nguyên mở đồn điền, luyện quân lính, chuẩn bị một cuộc chiến tranh sau. Từ năm 211, đầu tiên chuẩn bị tấn công Trương Lỗ ở Hán-trung, đến năm 214, 215 lần lượt đánh bại Mã Siêu, Hàn Toại, hàng phục Trương Lỗ, lấy được Hán-trung. Nhưng đến năm 219 Hán-trung rút cục lại về tay Lưu Bị. Đánh nhau trong 8, 9 năm chỉ lấy được có vùng Quan-lũng. Năm 220 Tào Tháo ốm chết, Tào Phi phế

Hán lập nước Ngụy, nhưng từ đầu chí cuối, không có đủ lực lượng để thống nhất nổi toàn quốc.

Sau trận thắng Xích-bích, năm 209 Lưu Bị lĩnh chức mục ở Kinh-châu, năm 214 chiếm Thành-dô, năm 219 tự xưng vua Hán Trung, năm 221 lên ngôi hoàng đế lập nên Thục Hán. Sau khi lấy được Hán-trung, Quan Vũ từ Giang-lăng bắc tiến đánh Phàn-thành, Kinh-tương nhân dân khởi nghĩa dần dần chống lại Tào Ngụy, hưởng ứng Quan Vũ, Tào Tháo đang túng đường ứng phó. Nếu bấy giờ Tôn Quyền thừa cơ liên hiệp với Thục đánh Ngụy, cục diện lịch sử có thể đổi khác, nhưng quân Ngô không những không ra quân giúp đỡ, lại đánh thọc vào hậu phương Thục, cướp Giang-lăng, giết chết Quan Vũ. Hành động nghiêm trọng ấy không những cứu vãn được tình thế bất lợi cho Tào Ngụy, mà còn làm cho mâu thuẫn giữa Ngô Thục càng sâu sắc hơn. Năm 222 để trả thù cho Quan Vũ và việc mất Kinh-châu, Lưu Bị cử đại binh đi đánh Ngô, vì sai lầm trên chiến thuật và chiến lược, bị thua to thảm hại trong trận Hào-dĩnh, hơn 40 dinh, mấy trăm dặm vô số đồ quân dụng mất hết trắng tay trong phút chốc. Lưu Bị chạy về Vĩnh-an, năm sau ốm chết ở đấy. Con là Lưu Thiện nối ngôi do thừa tướng Gia cát Lượng phụ chính, hồi phục lại được chính sách liên hiệp Ngô Thục chống Ngụy.

Thua trận Hào-dĩnh, Thục Hán tổn thất nặng nề, uy thế lớn của Lưu Bị sụt hẳn đi, mâu thuẫn nội bộ giai cấp thống trị đã đến mức bộc lộ ra ngoài, thậm chí nổi dậy làm phản, đặc biệt là của tù trưởng các quận Ích-châu, Việt-tuấn, Tường-khi, lực lượng "rợ nam" rất mạnh. Trước tình thế khó khăn đó Gia cát Lượng chỉ có dùng cách vỗ về mà không đánh, chuyên môn nghỉ ngơi tĩnh dưỡng để cho nội bộ được yên. Đến năm 224 lòng người ổn định dần, chuẩn bị đã xong bèn khởi binh đánh "rợ nam". Về sau "bảy lần bắt, bảy lần tha" làm cho Mạnh Hoạch hàng phục, đạt được mục đích chính trị "dùng rợ trị rợ", thông qua bọn cường hào địa phương mà thống trị được dân tộc thiểu số vùng Tây-nam.

Từ năm 227 trở đi, để chống lại nước Ngụy lớn mạnh, mưu đồ sự sống còn, Gia cát Lượng lại bắt đầu chiến dịch Bắc phạt "dùng thế công để làm thế thủ". Trước sau tất cả sáu lần, năm lần chủ động tấn công, một lần bị động phải phòng thủ. Đó là "sáu lần ra Kỳ-son" mà mọi người thường biết (thực ra chỉ có ba lần đi qua Kỳ-son). Lực lượng bản thân của Thục Hán lúc đó chưa được hoàn toàn khôi phục nhưng Gia cát Lượng thấy rõ nếu không chủ động, để Ngụy đánh tất lâm vào thế bí, bèn miễn cưỡng gắng sức tiến hành công cuộc Bắc phạt vô cùng gian khổ. Lần cuối cùng năm 234 ra Tà-cốc chiếm đất Võ-công, định kế hoạch đóng lâu dài ở Vị-nam, nhưng bị ốm chết trong doanh trại Ngũ trượng Nguyên.

Gia cát Lượng chết, về mặt quan văn trước sau do Tướng Uyển, Phí Vi tiếp tục chủ chính; đại tướng do Khương Duy cầm đầu. Tướng, Phí đều không chủ trương miễn cưỡng đánh Ngụy, Khương Duy thì cố sức chủ trương Bắc phạt, từ năm 249 đến 262 ra quân cả thảy tám lần. Vì vậy sức dân mệt mỏi, lòng người chán ghét chiến tranh: Bắc phạt lần thứ sáu ở Đoạn-cốc, bị Đặng Ngải đánh thua, quân lính chết và bị thương rất nhiều, phía Tây Cam-túc không quy phục Thục Hán nữa, người ích-châu cũng nhao nhao phản đối chiến tranh. Lại thêm hậu chủ Lưu Thiện ngu muội, hoạn quan Hoàng Hạo chuyên quyền, chính trị cực kỳ thối nát. Như vậy làm cho Tào Ngụy thành ra có khả năng diệt Thục.

Mùa xuân năm 262 Tư mã Chiêu phái 18 vạn quân do Đặng Ngải, Gia cát Tự, Chung Hội ba đường cùng tiến đại binh đánh Thục. Khương Duy bị bức, lui về giữ Kiếm-các. Đầu mùa đông Đặng Ngải vượt ải Âm-bình, tiến binh vào vùng hiểm trở núi non hoang vu phía đông Tùng-phan 700 dặm, đột nhiên hạ được Giang-du, hậu phương của Kiếm-các, giết Gia cát Chiêm ở Miên-trúc, vào thẳng Thành-đô. Lưu Thiện nghe theo ý kiến của phe đầu hàng của Tiêu Chu, đón hàng Đặng Ngải và ra lệnh cho Khương Duy đầu hàng Chung Hội. Thục Hán diệt vong từ đó.

Năm 265 Tư mã Chiêu ốm chết con là Tư mã Viêm bức Tào Hoán nhường ngôi cho mình, xưng là vua nhà Tấn. Nhà Ngụy diệt vong từ đó.

Về mặt Đông Ngô, từ sau khi Tôn Quyền chết, nội bộ cứ lục đục mãi không yên. Gia cát Khá đem 20 vạn quân đánh Ngụy, thất bại trở về, bị Tôn Tuấn giết chết. Sau khi Tôn Tuấn chết, em là Tôn Lãm chuyên quyền, phế Tôn Lượng, lập Tôn Hưu. Tôn Hưu, Tôn Hạo tiếp tục làm vua nước Ngô, vốn hay gây sự cướp bóc chém giết, nên chính trị bóc lột tàn khốc của Đông Ngô, lúc ấy ngày càng bạo ngược thối nát, nhân dân khởi nghĩa chống lại ầm ầm. Năm 279 Tư mã Viêm đưa 20 vạn quân chia làm sáu đường đánh Ngô, hầu như không gặp phải sức chống đỡ mạnh mẽ nào, năm sau liền đánh đến Kiến-nghiep, Tôn Hạo đón hàng. Nước Ngô cũng mất nốt. "Thiên hạ chia ba" đến bấy giờ toàn bộ do nhà Tấn thống nhất.

Chỉ căn cứ vào phần tóm tắt rất sơ lược trên đây, chúng ta dễ nhận thấy ngay lịch trình lịch sử của thời kỳ này rối ren biết chừng nào. Bộ truyện của chúng ta chính là viết đúng vào lịch trình lịch sử với một thời gian dài dằng dặc, và tình thế phức tạp như đã kể trên. Đối chiếu với sự thực lịch sử trên đây, cuốn sách lớn gồm 120 hồi, đại khái nội dung chia ra như sau:

Hồi một và hồi hai là mào đầu cho cả cuốn sách, dựa vào nền chính trị thối nát của nhà Hán và cuộc khởi nghĩa Khán Vàng mà dẫn tới việc lên sân khấu đấu tranh của "các tay anh hùng". Từ hồi ba đến hồi mười bốn viết về quân lính và dư đảng của Đổng Trác vào Lạc-dương cho đến lúc bị tiêu diệt. Hồi mười bốn đến hồi ba mươi ba viết về tình hình các mặt trong giai đoạn Tào Tháo đánh họ Viên, thống nhất phương Bắc. Hồi ba mươi tư đến hồi bốn mươi viết về tình tiết Lưu Bị sang Kinh-châu, gặp Gia cát Lượng. Từ hồi bốn mươi một đến hồi năm mươi cuốn sách toàn ra sức viết về Tào Tháo xuống miền Nam và cảnh tượng hùng tráng của trận đại chiến Xích-bích. Hồi năm mươi một đến hồi năm mươi bảy chủ yếu viết về sự diễn biến và phát

triển của mối quan hệ phức tạp tinh tế giữa hai bên Lưu Bị và Tôn Quyền, tuy liên kết mà vẫn mâu thuẫn với nhau. Từ hồi năm mươi bảy trở xuống thẳng một mạch đến hồi bảy mươi tư viết Tào Tháo tiến quân đánh lấy Hán-trung, Lưu Bị chiếm ích-châu cướp Hán-trung. Từ hồi bảy mươi nhăm đến hồi tám mươi nhăm viết thành một đoạn trong đó tình tiết chủ yếu là Quan Vũ bị giết chết, Ngô Thục giao tranh, Lưu Bị ốm chết, kèm thêm truyện dựng nước của Ngụy và Thục. Hồi bảy mươi nhăm đến hồi một trăm linh bốn toàn bộ viết về sự tích đánh nam dẹp bắc "bảy lần bắt", "sáu lần ra" của Gia cát Lượng, một mạch cho tới khi "cúc cung tận tụy" ốm chết trong hàng quân. Từ đấy trở xuống đến hồi một trăm mười lăm, viết về cuộc Bắc phạt của Khương Duy. Ba hồi sau, hồi một trăm mười sáu viết về quân của Tấn đánh Thục cho đến khi Thục diệt vong. Hai hồi cuối cùng lấy truyện quân Tấn diệt Ngô, ba nước thống nhất, làm đoạn kết thúc cho toàn bộ cuốn sách.

Đọc giả đại khái cứ theo những đoạn chia như vậy mà đọc có thể thấy đầu đuôi mạch lạc rõ ràng hơn, nhưng phải nói rõ rằng cuốn truyện không phải dàn ra theo đường thẳng cứng nhắc, mỗi đoạn chỉ chuyên viết về một truyện. Ví như chúng tôi nói từ hồi mười bốn đến hồi ba mươi ba hầu như là giai đoạn tiêu diệt họ Viên, thống nhất phương bắc, nhưng trong đó còn viết rất nhiều tình tiết lý thú như Lã Bố bắn kích ở cửa Viên môn, Hạ hầu Đôn rút tên nuốt mất, Tào Tháo đi săn ở Hứa-diễn, Tào Tháo và Lưu Bị cùng nhau uống rượu thanh mai, Nễ Hành đánh trống mắng Tào Tháo, Quan Vũ treo ấn gởi vàng, qua năm cửa quan, chém sáu tướng, Quan Vũ, Trương Phi gặp nhau ở Cổ-thành v.v...; qua những tình tiết đó, đạt được mấy mục đích như sau: mô tả sự tiến triển của lịch sử, làm nổi bật tính cách của nhân vật và diễn tả thái độ yêu ghét. Những phần khác cũng thế.

Ngày trước có nhà bình luận nói bộ Tam Quốc "Kể truyện trăm năm, bao quát được muôn việc" quả là không ngoa.

III

Giữa tác phẩm văn học và ghi chép lịch sử, giữa tiểu thuyết và sử, đặc biệt là giữa loại tiểu thuyết lịch sử có tính chất sáng tác tập thể của nhân dân quần chúng như Tam Quốc chí thông tục diễn nghĩa với loại sách gọi là "chính sử" do các sĩ phu phong kiến biên soạn, giữa hai thứ đó bản chất khác hẳn nhau. Quên mất điểm khác nhau đó sẽ dẫn tới những cách nhìn sai lầm lệch lạc.

Nhưng dù là tiểu thuyết lịch sử đúng với nghĩa cái tên của nó, nó khác với những tiểu thuyết nói chung, tính chất đặc biệt và mối quan hệ mật thiết giữa nó với sự tích lịch sử lại thật là rất rõ ràng. Vì vậy hiểu rõ và đánh giá một tác phẩm văn học nổi tiếng như Tam Quốc là việc không đơn giản. Chúng ta đọc bộ tiểu thuyết này, phải nhìn thấy, phải nghĩ tới rất nhiều vấn đề. Đây chỉ nói qua về mấy mặt quan trọng.

Thời đại phong kiến, kẻ thống trị muốn củng cố địa vị của mình, chủ yếu thường dùng đến chính sách "ngụ dân" vô cùng thâm độc. Chính sách ngụ dân tuy biểu hiện ra bằng nhiều phương thức khác nhau, nhưng tóm lại là không để cho quảng đại nhân dân có dịp được tiếp thu bất cứ những sự hiểu biết đúng đắn nào. Nhân dân dưới ách áp bức ngột thở, bị giai cấp thống trị miệt thị, coi họ sinh ra ở đời là để làm những người nô lệ "ngụ đốt". Nhưng nhân dân mong muốn được hiểu biết, phân biệt được phải trái, quan tâm đến vận mệnh của mình, vì vậy nhân dân rất yêu chuộng lịch sử của mình, muốn biết những đoạn đường xa xăm mà Tổ quốc mình đã trải qua. Nhưng làm thế nào để biết được? Đọc "17 sử"⁽¹⁾ chẳng? "21 sử"⁽²⁾ chẳng? Tuyệt nhiên là không thể được. Dù có thể được, thì "chính sử" "quan thư"⁽³⁾ có phải là viết cho nhân dân xem đâu. Ở đây nhà văn

(1) (2) Những bộ sử của Trung Quốc.

(3) Tên gọi những sách viết riêng cho giai cấp thống trị, theo lập trường phong kiến.

của nhân dân như La Quán Trung đã viết ra một bộ diễn nghĩa lịch sử một cách đại chúng làm cho "người đọc ai ai cũng hiểu được". Công việc đó có ý nghĩa trọng yếu biết chừng nào, tác dụng và ảnh hưởng của nó lớn lao biết chừng nào. Điều đó có thể thấy được rất dễ dàng. Sau khi Tam Quốc ra đời những tiểu thuyết lịch sử bất chước cuốn đó cũng đua nhau ra như gió đẩy mây đùn. Về sau cả "24 sử"⁽¹⁾ đều có bản thông tục diễn nghĩa⁽²⁾. Trong những loại kịch hát xưa kia, có lẽ tiết mục Tam Quốc chiếm nhiều nhất. Từ đó nhân dân ngoài việc được thưởng thức cái đẹp của văn học nghệ thuật ra, lại còn biết thêm được một cách khái quát lịch sử của Tổ quốc. Như vậy sự hiểu biết của nhân dân được phong phú hơn, trí tuệ của nhân dân được nâng cao hơn và cũng khuyến khích bồi dưỡng được phẩm chất đạo đức cao quý của nhân dân. Cũng do đó nhân dân rút được bài học về tinh thần đoàn kết phấn đấu, biết thêm về chiến thuật chiến lược, nâng cao được sức mạnh và ý chí cách mạng. Ví dụ như tiểu thuyết hết sức chú trọng miêu tả nghĩa khí giữa Lưu Bị, Quan Vũ và Trương Phi, một thứ nghĩa khí ân oán phân minh, tin cậy trung thành với nhau, "đoàn kết như một, như anh em ruột thịt, vui buồn sướng khổ có nhau, đến chết không thay lòng đổi dạ". Trong xã hội phong kiến, cái "nghĩa" đó khác với cái "nhân nghĩa" của bọn thống trị đặc biệt dùng để lừa bịp người ta. Cái "nghĩa" đó là đạo đức phẩm chất của nhân dân, của nhân dân bị áp bức, nhân dân dựa vào nghĩa khí đó để quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, dựa vào nghĩa khí đó để kêu gọi đoàn kết xông thẳng tới mục tiêu chống ách áp bức, để tự giải phóng mình. Vì vậy người dân thường, khác họ, kết nghĩa làm anh em với nhau và những tổ chức bí mật có tính chất cách mạng đều lấy "kết nghĩa vườn đào" làm khuôn mẫu. Những trận đánh của Lý tự Thành, Trương hiến Trung, Hồng tú Toàn v.v..., trong cuộc chiến tranh khởi

(1) Những bộ sử của Trung Quốc.

(2) Bản viết bằng lời văn thông dụng dễ hiểu.

nghĩa cách mạng của nông dân ở hai đời Minh và Thanh đều học tập vận dụng cách đánh nhau trong Tam Quốc diễn nghĩa và đã thu được nhiều thành tích. Do đó ta có thể thấy được cái ý nghĩa phổ cập vĩ đại của bộ Tam Quốc diễn nghĩa. ảnh hưởng xã hội sâu xa và rộng lớn ấy của truyện Tam Quốc đủ chứng tỏ nhân dân tính của cuốn truyện.

Nhưng dù Tam Quốc diễn nghĩa đã cống hiến rất lớn lao trên ý nghĩa phổ cập, dù "Văn không uẩn súc quá, lời nói không quê mùa quá, việc chép theo sự thực cũng gần như sử" nghĩa là muốn cho người đọc ai ai cũng hiểu được, cũng như ý nghĩa trong kinh Thi, gọi là "ca dao thôn quê"; dù Tam Quốc diễn nghĩa hơn hẳn "chính sử" là bản "không thông cảm với quần chúng" bài tựa của bản Hoàng Trị. Chúng ta không thể coi đó là một bộ sử Tam Quốc cải biên, hoặc là tài liệu giáo khoa trình bày lịch sử, cùng một loại với những cuốn "truyện kể" "tóm tắt" sử Tam Quốc, thuộc về loại sách khoa học xã hội.

Sở dĩ truyện Tam Quốc khác với "chính sử" Trần Thọ⁽¹⁾ Tam Quốc là ở chỗ căn bản nó thông suốt lòng yêu ghét của nhân dân, diễn đạt được tình cảm và nguyện vọng của nhân dân. Thời Bắc Tống đã có người ghi lại một đoạn bút ký nói rằng: "Những trẻ em trong ngõ xóm, lúc xúm lại ngồi nghe kể truyện Tam Quốc thấy nói đến Lưu Bị thua thì chau mày, có em khóc, thấy nói Tào Tháo thua thì khoái chí vui thích" như thế đủ thấy từ lâu nhân dân đã có lý do cho nhận xét của mình là: ủng hộ Lưu Bị và chán ghét Tào Tháo. Nhận xét đó mọi người đều nhất trí, vững vàng không lay chuyển, cho đến nay vẫn thế, không có gì thay đổi lắm. Tam Quốc diễn nghĩa phản ánh nhận xét đó của nhân dân một cách tập trung nhất, cụ thể nhất.

Trong lịch sử, Tào Tháo đã triệt để đả kích vào thế lực thối nát của bọn đại địa chủ đại quan liêu đời ấy, thống nhất được phương Bắc, trong hoàn cảnh

(1) Tên một nhà viết sử đời Tấn của Trung Quốc.

trải qua nhiều năm bị phá hoại tàn khốc "ra khỏi của không trông thấy gì, xương trắng đầy đồng", Tào Tháo đã thực hành một số chính sách cải lương, bản tính chế độ ruộng đất, hồi phục sản xuất nông nghiệp, giảm nhẹ phần đóng góp của nông dân, đã kích bọn cường hào, kiểm chế sự chiếm đoạt, chú ý lựa chọn quan lại ở các địa phương, giảm bớt đau khổ cho nhân dân, nên nói đó là có lợi phần nào cho đời sống của nhân dân và sản xuất của xã hội. Điều đó cũng chứng tỏ nguyên nhân vì sao thế lực của Tào Tháo có thể lớn mạnh dần, rồi trở thành thế lực hùng hậu nhất trong ba nước. Đúng trên điểm này mà nói thì Tào Tháo đã có phần tác dụng tiến bộ nhất định trong lịch sử, có chỗ đáng được khẳng định. Nhưng cái lực lượng vũ trang mới nổi dậy của đại địa chủ Tào Tháo đặc biệt là lúc mới khởi binh, có tính chất phá hoại rất ghê gớm ngay lúc đầu, khi trấn áp quân Hắc-sơn, quân Khản Vàng đã trở thành một tay tàn sát nông dân không biết ghê tay, về sau khi đánh Từ-châu, tính chất cực kỳ tàn khốc lại càng biểu lộ rõ "giết chết đến mấy chục vạn gái, trai ở Tú-thủy làm cho nước không chảy". Các huyện Thủ-lự, Huy-lăng, Hạ-khâu v.v... "đều bị làm cỏ, chó gà cũng hết, ngoài đường không còn người đi". Từ năm 194 công lịch đánh đến các quận Lang-da, Đông-hải v. v... làm cỏ Phần-thành, đến năm 200, chiếm lĩnh các châu Duyện, Từ, Dự, Tư, nhiều lần hỗn chiến, giết rất nhiều người. Nhân dân Từ-châu căm thù đến tận xương tủy. Trong quân Quan-đồng thế lực vũ trang của bọn đại địa chủ, quân Tào Tháo là tàn nhẫn hung ác hơn cả, đã để lại trong nhân dân thời đó ấn tượng căm thù vô cùng sâu sắc.

Chính vì vậy năm 208 khi Tào Tháo tấn công Kinh-châu, mấy chục vạn nhân dân Kinh-châu, đồ đạc có đến hàng nghìn cỗ xe, thà rời bỏ quê hương theo Lưu Bị chạy về Nam. Lưu Bị có thể mặc cho quân Tào Tháo đuổi theo sau, vẫn cùng đi với nhân dân, không nỡ rời bỏ, mỗi ngày chỉ đi được hơn mười dặm đường. Khi viết đến đây, La quán Trung đặc biệt khen đây là "điểm tốt nhất" của Lưu Bị (theo bản Hoàng Trị). Trần Xích-

bích, thế của Tào vốn mạnh, nhưng sở dĩ thất bại là vì lòng quân, lòng dân Kinh-châu đều hướng cả về Lưu Bị, chống lại Tào Tháo, đó là nguyên nhân then chốt. Khi Quan Vũ đánh Phàn, Trương, nhiều nơi phía nam Hứa-xương khởi binh chống lại Tào Tháo, hưởng ứng Quan Vũ, không phải là không có quan hệ với nguyên nhân trên. Sau đó Tào Tháo cưỡng bức nhân dân Hán-trung di chuyển đi xa, nhân dân rất oán hận, đến khi Lưu Bị, Gia cát Lượng lấy được Hán-trung, nhân dân so sánh đôi bên và cuối lòng vẫn nhớ mãi Thục Hán. Lại kể đến mặt Tứ-xuyên, quân Đông-châu của Lưu Chương vốn rất hung ác, nhân dân oán giận từ lâu, sau khi Lưu Bị vào đất Thục trên một mức độ nào đó chiếu cố đến lợi ích của nhân dân trong sự so sánh, nhân dân đối với Lưu Bị cũng tương đối có ấn tượng tốt hơn. Đặc biệt là Gia cát Lượng cai trị Thục Hán có thể "vỗ về trăm họ, đặt rõ khuôn phép, ngăn ngừa sự nhũng lạm của quan lại, theo đúng quyền hạn và chế độ mở lòng thành, ban bố sự công bằng" "đối với quan lại, không dung thứ kẻ gian, người người đều phần khởi, trên đường không nhật của rơi, người khoẻ không lấn người yếu, làm việc thiện dù nhỏ đến đâu cũng được khen thưởng, làm điều ác dù nhỏ đến đâu cũng bị chê trách, mọi việc tinh luyện, việc gì cũng xét đến tận gốc, thực sự cầu thị, gian dối không thêm đếm xỉa", khiến cho nhân dân trong nước nể sợ, mến yêu. Tuy luật lệ chính trị của Gia cát Lượng rất nghiêm khắc nhưng vì "dùng lòng công bằng mà khuyên ngăn rõ ràng" làm cho mọi người vui lòng phục tùng không oán thán. Gia cát Lượng chuyên chú về nghề nông, mở mang thủy lợi. Khi mở đồn điền ở Vĩ-nam, kỷ luật rất nghiêm minh "nhân dân sống yên ổn, quân lính không lấy tư hào của dân làm của riêng" vì vậy sau khi Gia cát Lượng chết "trăm họ tế ở trong ngõ, các dân tộc thiểu số phía đông và phía tây tế ở ngoài đồng. Nhân dân hai châu Lương, ích nhớ mãi không quên." Tất cả những điều đó đều chứng minh rằng: trong ba nước, tập đoàn Lưu Bị tương đối có thể thấy được nỗi khổ của nhân dân và tương đối có quan hệ tốt với nhân dân.

Những người hát và kể chuyện Tam Quốc thường nhắc tới Tào Tháo được "thiên thời", Tôn Quyền được "địa lợi", còn Lưu Bị chẳng có gì cả, chỉ được cái "nhân hòa". Thật rõ ràng "nhân hòa" nghĩa là Lưu Bị có cơ sở nhân dân tương đối sâu rộng. Điều đó có nguyên nhân lịch sử. Nhân dân ủng hộ Lưu Bị không phải chỉ vì lý do Lưu Bị là "đồng đội nhà Hán" đáng được "lên ngôi" để tiếp tục nền thống trị của nhà Hán.

Triều nhà Tấn tuy đã thống nhất được toàn quốc, làm cho tình thế chia năm sẻ bảy từ lâu có những biến chuyển tốt, nhưng nền thống nhất đó xây dựng trên độ chiếm ruộng, chế độ cứu phẩm trung chính⁽¹⁾ cũng tức là hết sức tăng cường nhà hào tộc. Như thế căn bản trái với lợi ích và nguyện vọng của nhân dân. Vì vậy sự thống nhất đó không những không vững chắc mà tiếp ngay sau đó gây ra "loạn bát vương"⁽²⁾ và "ngũ hổ loạn hoa"⁽³⁾ một thời kỳ đại hỗn loạn dài đằng dặc đem lại cho nhân dân không biết bao nhiêu tai nạn khổ cực. Do cha ông kể lại, nhân dân đối chiếu so sánh càng tưởng nhớ tới Thục Hán. Trong điều kiện lịch sử đặc biệt đó, nhân dân lấy phía Lưu Bị làm chính quyền lý tưởng ở trước mắt và ở trong lòng mình, cho rằng dưới chính quyền thống nhất ấy sẽ được sống một cuộc đời dễ chịu hơn vì vậy đối với sự thành bại của Thục Hán, nhân dân có tư tưởng tình cảm rất mật thiết và mến tiếc.

Một bộ Tam Quốc diễn nghĩa viết rất nhiều truyện đánh nhau, nhưng phương hướng chung của bộ truyện là phản ánh lối nhận xét và nguyện vọng, tư tưởng và tình cảm kể trên. Có thể nói rằng tất cả sức mạnh nghệ

(1) Chế độ quan chức của đời Tấn, ở quận ấp, đặt chức tiểu trung chính, ở châu đặt chức đại trung chính, chia ra 9 bậc, đều do các cường hào các địa phương được cử ra đảm nhận.

(2) Tám nhà tôn thất đời Tấn tranh quyền giết lẫn nhau.

(3) Năm rợ Hồ xâm chiếm Trung Quốc.

thuật của La Quán Trung cốt để hoàn thành cái nhiệm vụ phản ánh đó, nên đã viết ra bộ tiểu thuyết lịch sử hợp với ý chí của nhân dân. Đây là tư tưởng tính và nhân dân tính trong bộ Tam Quốc diễn nghĩa.

Nhưng Tam Quốc diễn nghĩa khác hẳn với những sách viết về khoa học xã hội. Nhiệm vụ của nó không phải là trình bày, bình luận hoặc phân tích một cách khách quan trên một số vấn đề lý trí mà là dùng nghệ thuật sáng tạo để làm cảm động người đọc, trực tiếp đánh vào tình cảm người đọc.

Có người nói: sự thực thì Tào Tháo không đến nỗi xấu như thế, Lưu Bị, Gia cát Lượng cũng không được tốt đến thế, trong truyện chê và khen đều quá mức, nói thế là không đúng, là chủ trương cốt rửa oan cho Tào Tháo. Phải nói rằng nghiên cứu lịch sử, đánh giá nhân vật lịch sử Tào Tháo một cách tốt hơn nữa là việc cần thiết. Nhưng nếu dựa vào đó mà trách cuốn truyện là xuyên tạc Tào Tháo thì chưa chắc đã thoả đáng. Tại sao vậy? Vì trong tiểu thuyết viết Tào Tháo không phải là tạo ra nhân vật lịch sử Tào Tháo "nguyên hình như cũ" mà là mượn nhân vật lịch sử để sáng tạo ra hình tượng nhân vật và tính cách điển hình rất phong phú phức tạp. Nói một cách khác trong truyện viết Tào Tháo không phải chỉ là viết Tào Tháo thực trong lịch sử mà là viết ra rất nhiều Tào Tháo trong lịch sử. Những nhân vật khác trong truyện cũng nên hiểu như thế.

Có thể thấy rằng trong Tam Quốc không phải là không phản ánh và miêu tả một cách trực tiếp những nỗi khổ cực của nhân dân, sự hung tàn thối nát của bọn thống trị, như mở đầu đã viết Hoàn linh đế triều Hán tàn bạo; quân Khăn Vàng rất được lòng dân; quan quân tan chạy như cỏ lướt theo chiều gió; hoạn quan ngoại tộc gian ác lòng quyền, đặc biệt đối với những hành vi dã man tàn khốc của quân lính Đổng Trác đã có những dòng chữ tố cáo vạch trần rất mạnh mẽ, những điều đó nếu không được nêu ra và có sự khẳng định thì không đúng. Nhưng nếu cho rằng những điều đó là

quan trọng nhất có giá trị nhất trong cuốn tiểu thuyết thì tức là đã không phân biệt rõ được trọng tâm sức mạnh nghệ thuật của bộ Tam Quốc và phương hướng căn bản của nội dung tác phẩm văn học này, như thế có thể quay ra đòi hỏi nó phải trực tiếp tố cáo vạch trần xã hội cũ nhiều hơn nữa rồi thấy rằng sự đòi hỏi đó không được thoả mãn thì chê trách cuốn tiểu thuyết.

Sự thực, trọng tâm của cuốn tiểu thuyết không phải là ở đó. Sức mạnh chủ yếu của nó là ở chỗ sáng tạo ra hình tượng nhân vật tính cách điển hình, để vạch rõ thói hung tàn nham hiểm giả dối của bọn thống trị phong kiến, làm cho nhân dân càng thấy rõ, càng nhận thức được một cách cụ thể, và căm ghét chúng. Tức là đem tất cả những hình tượng tàn ác, bản chất xấu xa bỉ ổi của chúng, tập trung lại, khái quát lên, sáng tạo ra cái nhân vật phản diện Tào Tháo. Tiểu thuyết đã sáng tạo thành công nhân vật Tào Tháo rất chân thực và phức tạp và hết sức đả kích hằn, thóa mạ hằn. Phản ảnh như vậy so với cách trực tiếp bộc lộ càng sâu sắc hơn, so với cách trực tiếp tố cáo, tu tưởng tính càng mạnh mẽ hơn, đó là một sự thống nhất hoàn chỉnh giữa tu tưởng tính và nghệ thuật tính rất cao.

Lưu Bị từng nói những lời như sau: "Nay khác với ta như nước với lửa là Tào Tháo. Tháo cấp, ta khoan, Tháo bạo, ta nhân, Tháo dối, ta thật". Như vậy không những đã nêu rõ tính cách hung dữ tàn nhẫn trá ngụy của Tào Tháo, mà còn chứng tỏ rằng Lưu Bị, Tào Tháo sở dĩ đối lập và so sánh với nhau là có lý do, có căn cứ vào sự việc lịch sử. Nhưng chỉ có dưới ngòi bút của nhà văn La Quán Trung dùng lối khoa trương, tập trung khái quát, thì sự đối lập và so sánh đó mới được biểu hiện một cách huy hoàng trên nghệ thuật. Trong tiểu thuyết dù là trong việc lớn, hoặc trong những chi tiết nhỏ, chỗ nào Tào Tháo cũng biểu hiện cái tính cách "thà ta phụ người chớ để người phụ ta" Lưu Bị thì chỗ nào cũng biểu hiện cái tác phong "thà chết không làm điều phụ nghĩa" tạo thành sự đối chiếu

thật rõ rệt mạnh mẽ. Cái tên Tào Tháo xưa nay trong xã hội đã là cái tên gán cho những kẻ gian hùng xấu xa và là cái biểu hiện của tất cả những con người tàn ác. Như vậy đủ chứng tỏ rằng truyện Tam Quốc đã thành công về mặt khái quát nhân vật điển hình.

Dĩ nhiên ngoài nhân vật phản diện, Tam Quốc cũng đã sáng tạo được rất nhiều nhân vật chính diện đáng yêu đáng kính như Quan Vũ, Trương Phi, Gia cát Lượng, Chu Du, Hoàng Cái, Thái sử Từ cho đến những người như Hứa Chử, Điển Vi, Trương Liêu v.v... anh dũng hoặc chân thực mưu trí hoặc trung thành, họ đều đại biểu cho tính cách và phẩm chất tốt đẹp nhất của dân tộc ta, họ đều làm cho độc giả như đã nghe thấy tận tai tiếng họ nói, trông thấy tận mắt con người họ. Đây là những hình tượng nghệ thuật rất sống.

Cũng như ưu điểm của các nhân vật phản diện, khuyết điểm của họ cũng đồng thời được phản ánh tồ vè. Như tính ngang tàng làm theo ý mình của Quan Vũ, tính lỗ mắng nóng nảy của Trương Phi, như bụng dạ hẹp hòi ghen tị của Chu Du, người nào vừa đúng với người ấy, giống như trong cuộc sống, tính cách của con người ta phức tạp muốn vẽ thế nào thì họ cũng được miêu tả ra phức tạp muốn vẽ như thế. Một trong những đặc điểm quan trọng của tiểu thuyết dài cổ điển của ta là thường vẽ ra rất nhiều nhân vật trong bức tranh lớn. Tam Quốc cũng không ngoài cái lệ ấy.

Đặt tên Tam Quốc điển nghĩa là để chống đối với "chính sử", đầu bản Hoàng Trị đề: "Tấn Bình dương hầu Trần thọ sử truyện, hậu học La quán Trung biên thứ"⁽¹⁾ Lỗ Tấn tiên sinh cũng nói: "Gồm đầu đuôi việc 97 năm, đều chép cả lời chú thích của Trần Thọ và Bùi Tùng, thỉnh thoảng chép cả lời bình thoại⁽²⁾ lại suy diễn thêm và viết ra" xem thế có thể thấy rằng tiểu thuyết

(1) Bình dương hầu đời Tấn là Trần Thọ soạn - Hậu học là La quán Trung chép lại, xếp theo thứ tự.

(2) Bình thoại: lời nói miệng.

Tam Quốc của La Quán Trung một mặt căn cứ vào một số lớn tài liệu của sử cũ, một mặt thu nhặt những lời bình thoại rồi suy diễn ra, trong đó kết hợp rất khéo léo và phong phú sự sáng tạo nghệ thuật của bản thân tác giả và của quần chúng.

Vì thế mới phát sinh ra vấn đề "bảy thực ba hư".

Các sĩ phu thời phong kiến thường chỉ trích điểm đó của Tam Quốc, nói là có nhiều chỗ "vô căn cứ" "hoang đường" vì vậy làm cho độc giả "hiểu sai đi" và cũng làm "sai cả chính sử". Chương học Thanh đời nhà Thanh nói: "Tiểu thuyết Tam Quốc bảy phần thực ba phần bịa đặt ra làm cho người xem cứ hiểu "sai lạc đi". Nhận định này là đại biểu cho loại ý kiến trên.

Ba phần bịa đặt ra là những cái gì? Cứ xem những ví dụ do Chương học Thanh và những người khác nêu ra như kết nghĩa vườn đào, Quan Vũ hiển thánh ở Ngạc-toàn, Quan Vũ đốt đuốc ngồi suốt đêm trước cửa buồng hai Cam, My phu nhân, đường Hoa-dùng Quan Vũ chặn Tào Tháo. Bàng sĩ Nguyên chết ở Lạc-phượng-pha, Chu Du uất hận nói "Đã sinh Du sao còn sinh Lượng", Gia cát Lượng tế ở sông Lu, nặn bột làm đầu người v.v... Cho rằng tất cả những điểm đó đều là "vô căn cứ" vì không thấy có trong chính sử. Như vậy, cứ lấy đó mà suy thì ta có thể biết rằng tất cả những việc khái quát và tô vẽ tính cách nhân vật, những tình tiết phong phú đầy đủ, dĩ nhiên đều "không thấy có trong chính sử", cho nên đều bị chê là "bịa đặt ra".

Đây cũng chính là điểm chứng minh rất rõ ràng sự khác nhau giữa tác phẩm văn học và bản ghi chép lịch sử. Cổ đại nước ta nhiều nhà chép sử tài giỏi, khi chép lại truyện các nhân vật đều thêm phần khái quát nghệ thuật, trong nền văn hiến thế giới cũng có nhiều bộ vừa có ý nghĩa lịch sử vừa có ý nghĩa văn học, nhưng mục đích cuối cùng của những bộ sách đó không phải là sáng tạo hình tượng mà chỉ cốt ghi chép sự tích. Truyện Tam Quốc đã sáng tạo ra hình tượng của rất nhiều nhân vật, lời nói, tư tưởng, hành động của họ đều sống trên trang giấy. Trong một cuốn sử không

thể nào đạt được sự thành công về mặt điển hình hóa nghệ thuật các nhân vật chính diện và phản diện; và làm được như thế cũng chính là ở chỗ không phải câu nào chữ nào cũng "thấy có trong chính sử". Về mặt tình tế và phong phú của tình tiết, ví dụ như Lưu Bị đến Long-trung tìm Khổng Minh, trong chính sử chỉ chép có năm chữ lớn "đến ba lần mới gặp". Nhưng trong truyện thì "ba lần đến nhà tranh" (Tam cố thảo lư) lại là một hồi dài đến năm sáu nghìn chữ bằng lời đẹp văn hay. Ba lần đến cố nhiên đều khác nhau, mỗi lần đến tìm Gia cát Lượng đều có những sự biến đổi rất ly kỳ ra ngoài sự tưởng tượng của người ta. Trong những tình tiết quanh co ngoắt ngoéo, biến hóa, giàu hỷ kịch tính, chỗ nào cũng tỏ rõ lòng chân thành khát mộ của Lưu Bị, tính khí cương trực lỗ mãng của Trương Phi, tư cách thận trọng phục tùng của Quan Vũ, và người đọc cũng tưởng như chính mình đã đến tận nơi trông thấy tận mắt cảnh vật ở Long-trung và lối sống của những người ẩn dật. Tất cả những cái đó so với mấy chữ "đến ba lần mới gặp" trong chính sử khác với biết bao nhiêu. Lại như hồi Quan Vũ từ biệt Tào Tháo, Tam Quốc chỉ chép có ba câu "Trả hết lại những thứ Tháo đã cho, gửi thu cáo tù, về với tiên chủ ở trong quân họ Viên". Nhưng trong truyện, ngoài việc treo ấn, gói vàng trả lại, lại còn cảnh Tào Tháo đuổi theo tặng áo tặng vàng, lại có cả truyện qua năm cửa quan chém sáu tướng, như vậy, mô tả việc ra đi của Quan Vũ vô cùng xuất sắc, nói rõ sự đến và đi của Quan Vũ rất minh bạch, không hám danh lợi, không sờn trước gian nguy và tính cách đại nghĩa đặc biệt của Quan Vũ, một lòng đi tìm anh, kiên quyết trở về hàng ngũ của mình. Việc chém Sái Dương vốn không can hệ gì tới Quan Vũ, nhưng tiểu thuyết lại gán cái công lao vô dũng đó cho Quan Vũ, lại còn dàn ra cái cảnh gặp nhau ở Cổ-thành, Trương Phi nghi ngờ Quan Vũ, đóng cửa không cho vào, khiến Quan Vũ phải dùng lòng chém mãnh tướng Sái Dương đang đuổi theo mình để tỏ rõ lòng thành thực với Trương Phi. Như vậy, bằng phương pháp đối chiếu, tác giả đã nêu bật lên được tính cách của Quan Vũ, cương quyết đối với kẻ thù, mềm dẻo nhẫn nại

đối với anh em, đồng thời cũng tả được lòng trung trực của Trương Phi và tình nghĩa anh em của họ. Tất cả những cái đó nếu "tìm sử mà đối chiếu" dĩ nhiên đều "không thấy có trong chính sử" như vậy cũng có nghĩa là "bịa đặt ra".

Nếu hiểu "bịa đặt" theo nghĩa ấy tức là sáng tạo, khái quát phong phú chân thực của nghệ thuật. Sở dĩ Tam Quốc diễn nghĩa được quảng đại nhân dân ưa thích từ lâu, ngoài những nguyên nhân khác không kể, chính cũng là vì nó không phải chỉ là "bảy phần thực" mà thôi.

Ông Cao Nho đời Minh phê bình Tam Quốc diễn nghĩa có một đoạn như sau: "Dựa vào chính sử, thu nhặt các truyện chứng thực bằng lời văn, thấu suốt sự ưa thích của quần chúng, không quên kệch, không hoàn toàn bịa đặt, dễ xem dễ hiểu, không phải lời văn cổ của nhà viết sử, không phải giọng khôi hài của người mù kể chuyện, chép truyện trăm năm, bao quát muôn việc". Ngày xưa đối với cuốn tiểu thuyết này, đây là lời phê bình tương đối công bằng đứng đắn và chu đáo. Cao Nho nói "dễ xem dễ hiểu" để vạch ra rằng truyện Tam Quốc rất được phổ cập trong nhân dân, nói "thông suốt sự ưa thích của quần chúng" để diễn tả lòng yêu ghét và nguyện vọng của quần chúng, tức là đã nhận thấy cái ý nghĩa trọng yếu của Tam Quốc là rất có tư tưởng tính và nhân dân tính.

Còn như nói "kể truyện trăm năm, bao quát muôn việc" cũng có thể làm cho chúng ta nghĩ tới: trong một thời gian dài một trăm năm với bao nhiêu tài liệu của muôn việc phức tạp, phải lựa chọn thế nào, nêu lên bỏ đi thế nào, gia công thế nào, thêm thắt thế nào, viết sao cho đầu ra đầy, không bằng phẳng cũng không rườm rà, tuyệt nhiên không phải là điều đơn giản dễ dàng; càng không phải vì "đã có chỗ dựa sẵn" mà trở thành đơn giản dễ dàng. Trái lại đấy chính là sự nghiệp phi thường của La Quán Trung. Nhiều cảnh hùng vĩ phức tạp ông đều thu xếp rất trót lọt thoả đáng, viết rất hay, rất sinh động. Không còn nghi ngờ

gì nữa nếu sau đây có nhà văn nào viết tiểu thuyết lịch sử mới của chúng ta thì cũng phải học tập tham khảo cái ưu điểm đó của La quán Trung.

IV

Tam Quốc diễn nghĩa có những khuyết điểm tương đối nghiêm trọng. Lỗ Tấn tiên sinh đã từng vạch ra: "tả người cũng có chỗ hở, muốn tỏ rõ Lưu Bị là người có nhân đức, mà hình như giả dối, muốn hình dung Gia cát Lượng là người nhiều mưu trí mà gần như yêu quái". Lời phê bình này rất chính xác.

Giả dối, tức là nói tấm lòng tử tế rộng rãi của Lưu Bị yêu dân yêu lính có lúc tỏ ra không được chí tình, không tự nhiên, hình như làm ở ngoài mặt, không phải tự đáy lòng, trong đó có thể có nhiều dụng ý và mưu định gì chăng.

Có câu tục ngữ "Lưu Bị quảng con" (quảng A Đẩu trước Triệu Vân) "mua chuộc lòng người" câu đó chúng mình rất rõ ràng và cụ thể cái cảm giác đó của mọi người. Thực ra mà nói, nhân vật Lưu Bị không làm cho ta thật ưa thích vừa lòng, không hấp dẫn ta bằng những nhân vật như Gia cát Lượng, Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Tử Long v.v... mặc dù trong tiểu thuyết chỗ nào cũng viết cái tốt của Lưu Bị, nhưng nhân vật này vẫn mờ nhạt yếu đuối không chân thực. Có lẽ trong hiện thực lịch sử không có kẻ thống trị phong kiến nào tốt cả như vậy, cho nên khi quần chúng và La quán Trung muốn sáng tạo một nhân vật lý tưởng như Lưu Bị đã thiếu cơ sở chân thực trong cuộc sống hiện thực, nên không có cách nào làm cho các hình tượng nhân vật không tưởng ấy được chân thật và có sức mạnh nghệ thuật. Đồng thời cũng phải nhắc tới một nhận định đã dẫn đến một cục đoạn khác là: cho rằng La quán Trung cố ý viết cái giả dối của Lưu Bị, chỗ nào cũng viết Lưu Bị ngoài mặt thì tử tế, trong bụng lăm

muu chúc. Như vậy là ra ngoài phạm vi của tác phẩm văn học. Cái lối đa nghi ỨC đoán đó không đúng. La Quán Trung có dụng ý viết "ngoắt ngoéo" "bí ẩn" như thế không? Chúng tôi nghĩ là chưa chắc. Như vậy chúng tôi rằng đối với Lưu Bị tác giả chưa hoàn toàn thành công trong việc sáng tạo ra nhân vật điển hình chính diện.

Yêu quái, có nghĩa là nhiều "phép thuật quá". Cái có thể giáo dục độc giả của nhân vật Gia cát Lượng là tinh thần vĩ đại của ông không khuất trước vận mệnh, lúc cùng tận tuy, suốt đời cống hiến cho sự nghiệp. Ngoài những cái đó ra chủ yếu là ông xem xét mọi sự việc rất tài tình, phân tích rất khoa học, nên phán đoán rất chính xác đối với thiên thời, địa lợi, tính cách, tâm lý, ưu điểm nhược điểm của từng người cũng như đối với chiến thuật chiến lược, đối với địch với ta. Đây là trí tuệ của ông (đồng thời cũng có nghĩa là sáng tạo ra một nhân vật điển hình cho trí tuệ của quần chúng) và cũng là cái nguyên nhân làm cho ông thành công trong một số trường hợp và được mọi người kính mến. Nhưng trong tiểu thuyết lại gán thêm cho ông một số "phép thuật" một cách không thoả đáng, hình như thời đó ông không phải là nhà chính trị và quân sự có thể suy nghĩ một cách khoa học mà thành ra một thầy "phủ thủy" có thể "rắc đậu thành lính" "gọi gió hú mưa". Như vậy làm cho hình tượng nhân vật này kém chân thực toàn vẹn. Lai lịch của khuyết điểm này là do truyện Tam Quốc trong quá trình chuyển từ của miệng quần chúng tới dưới ngòi bút của La Quán Trung còn rơi rớt lại những dấu vết đó. Vì Tam Quốc của quần chúng đã từng viết đến Lưu, Quan, Trương "giặc cỏ ở núi Thái-hành". Trong tiểu thuyết Tam Quốc, Gia cát Lượng cũng được tô vẽ như Ngô Dụng trong Thủy Hử, thuộc vào loại "quân sư" của những "anh hùng quê mùa ở chốn rừng xanh". Trong lịch sử, những cuộc khởi nghĩa của nông dân thường có liên quan đến những "phép thuật" "phương sĩ" đều chúng tôi rằng hiện tượng đó sở dĩ có trong tiểu thuyết cũng không phải là một sự ngẫu nhiên.

Nhưng khuyết điểm lớn trong tiểu thuyết của La Quán Trung và Mao tôn Cương khi sửa đổi viết lại, không phải là ở chỗ đã giữ lại một số dấu vết sáng tác của quần chúng. Trái lại, trong khi sửa đổi viết lại, họ đã vứt bỏ mất cái hơi văn, cái tính chất sáng tác của quần chúng, kéo cuốn tiểu thuyết tới gần ngôn ngữ, quan điểm và nhiều mặt khác của các sách lịch sử do các sĩ phu thời phong kiến soạn ra.

Bản Tam Quốc in đời Minh rất tiêu biểu cho lối viết "theo gương"⁽¹⁾. "Theo gương" là loại sách noi gương lịch sử do giai cấp phong kiến viết ra theo lập trường quan điểm của giai cấp đó. Ta có thể thấy rằng đã gọi là "theo gương" thì không thể chỉ dựa vào những sự tích trong đó để viết cho đầy đủ hoặc sửa chữa tình tiết câu chuyện mà đồng thời phải tiếp thu một số lập trường quan điểm phản động trong đó.

Trong truyện Tam Quốc, nổi rõ hẳn vấn đề "chính thống" chính là hậu quả nghiêm trọng của lối viết theo gương đó.

"Chính thống là cái gì?" Nói một cách giản đơn "chính thống" là kẻ thống trị phong kiến muốn củng cố địa vị của mình, lừa bịp nhân dân, nói rằng chính quyền thống trị của họ là đặc quyền "do trời định", vì vậy không ai được chống lại, thiên hạ của ông A chỉ có con cháu nhà ông A mới có thể tiếp tục thống trị, ông B là không được, cứ cha truyền con nối, như vậy liên tiếp thành hệ thống thống trị hợp pháp. Mọi người đều phải ủng hộ chính quyền chính thống, phản đối chính quyền không chính thống. Chỉ có như vậy mà thôi.

Thuyết này dĩ nhiên là sai trái. Truyện Tam Quốc trên cơ sở viết về nhân dân Thục Hán rất chính xác, thì đồng thời lại rất sai lầm trong việc định dùng tu tưởng "chính thống" làm riêng một cái cột trụ để ủng hộ Thục Hán. Trong cuốn tiểu thuyết, các ý thức phong kiến lộ ra, trở thành những cặn bã mà ngày nay chúng ta cần phải phân tích phê phán.

(1) Những chính sử của triều đại phong kiến thường gọi là "thông giám" nghĩa là cái gương soi chung - vậy gương có nghĩa là chính sử.

Chúng ta cũng cần phải phân tích phê phán bản thân tư tưởng chính thống. Nhưng những tư tưởng chính thống trong Tam Quốc diễn nghĩa dính liền với rất nhiều sự vật, ý nghĩa nội dung cũng rất phức tạp, không thể xem xét một cách cô lập, phiến diện và giản đơn được.

Trong những lời "bình thoại" đời Nguyên, xưa đã có câu "Ông ấy vốn là con nhà dòng dõi Trung sơn Tĩnh vương" đủ thấy rằng lúc đó, nhân dân sáng tác tập thể truyện Tam Quốc, một mặt viết "kết nghĩa vườn đào", giết chết "quan của triều đình" "làm giặc cỏ ở Thái-hành-sơn", khiến cho người ta nghĩ ngay đến cái phong vị anh hùng tụ nghĩa ở Lương-sơn-bạc, một mặt khác lại nêu gương tư tưởng chính thống phong kiến "dòng dõi Trung sơn Tĩnh vương" điều này không những chứng tỏ rằng thời đại lịch sử đã hạn chế cuốn tiểu thuyết mà còn lộ rõ rằng cuốn tiểu thuyết trong khi diễn biến phong phú và tích lũy lâu dài, có nhiều người trong các giai cấp khác nhau đã thêm vào truyện nhiều tư tưởng ý thức rất phức tạp. Vì lập trường giai cấp và thế giới quan phong kiến của La Quán Trung việc theo gương của ông dĩ nhiên là: một mặt tước sạch hết những phong vị và tinh tiết của "giặc cỏ tụ nghĩa", một mặt khác thần thánh hóa Lưu Bị, Gia cát Lượng; như vậy tất nhiên làm tăng thêm tư tưởng "chính thống".

Nhưng La quán Trung sinh đời Nguyên. Quan niệm chính thống của người đời Nguyên là trực tiếp nối tiếp người Nam Tống. Thời Nam Tống, đúng như sử đời Thanh ghi chép đã vạch rõ: Từ (Tống) Cao Tông trở về sau (Triệu Cấu) cứ ở yên bên trái Giang-nam, cũng giống như Thục Hán, còn đất Ngụy Trung-nguyên đều thuộc về nhà Kim. Cho nên nhà nho Nam-Tống âm âm nổi dậy tôn Thục làm đế (lấy Thục làm chính thống). Điều đó rất đúng. Trong thời đại hèn yếu, mâu thuẫn dân tộc cực kỳ sâu sắc, Nam Tống bị người Kim là ngoại tộc xâm lấn, "tôn Thục làm đế" thực tế là một biểu hiện gián tiếp⁽¹⁾ của ý thức dân tộc và tư tưởng yêu nước. Thông

(1) Nguyên văn là ngoắt ngoéo.

qua các danh thần danh tướng của Thục Hán như Gia Cát Lượng, Quan Vũ v.v... cũng biểu hiện sự đòi hỏi và phê phán của nhân dân đối với nhân tài danh tướng thời đó. Đến đời Nguyên, khi ngoại tộc diệt mất Nam Tống, thống trị được toàn quốc, tu tưởng "tôn Thục làm đế" không những không yếu đi, mà còn mạnh mẽ hơn lên. Đời Nam Tống và đời Nguyên chính là giai đoạn then chốt quan trọng nhất cho sự phát triển diễn biến của cuốn tiểu thuyết. Vì vậy rất dễ hiểu, tu tưởng "chính thống" đến dưới ngòi bút của La Quán Trung được phát triển và nhấn mạnh là điều tất nhiên, hơn nữa không phải là tuyệt nhiên không có ý nghĩa và giá trị gì.

Nhưng bản thân tu tưởng chính thống là phản động, phục vụ cho giai cấp thống trị, căn bản phản lại lợi ích nhân dân.

Trong điều kiện lịch sử đặc biệt, mâu thuẫn dân tộc sâu sắc vượt qua mâu thuẫn giai cấp, tạm thời tu tưởng chính thống có thể biểu hiện một cách gián tiếp nguyện vọng yêu nước của nhân dân, như trong thời đại Tống Nguyên. Nhưng khi điều kiện lịch sử đặc biệt đó thay đổi, tu tưởng chính thống lập tức quay lại chuyên phục vụ giai cấp thống trị, điều đó rất rõ ràng không còn nghi ngờ gì nữa. Chứng minh tốt nhất là hai đời Minh, Thanh đã lợi dụng Tam Quốc để thống trị nhân dân, nhân vật Thục Hán trong truyện được nhân dân kính trọng nhất là Quan Vũ, được đưa ra để dọa nạt nhân dân. Thời kỳ Nam Tống, Quan Vũ bắt đầu được phong làm "Vương" dù đây là ý định của giai cấp thống trị, nhưng cũng có liên quan đến việc giữ nước và lòng yêu nước. Đến hai đời Minh, Thanh, Quan Vũ lại được tôn lên làm "đại đế" "thánh quân" hết sức thần thánh hóa, mục đích là để "giữ nước gìn dân" "bảo vệ bình an" ủng hộ đức chính nhà vua, nói trắng ra là Quan Vũ đã trở thành một vị thần thánh hết sức giúp nhà vua thống trị, uy hiếp, trấn áp sự phản kháng của nhân dân. Rồi Quan Vũ luôn luôn là thần đứng hàng đầu trấn áp cách mạng dân tộc (như đời nhà Thanh) và những cuộc phản kháng của giai cấp (như đời Minh) dùng cái bộ mặt đỏ râu dài hung dữ "hiển thánh"

để “bảo vệ” thành trì, “chiến thắng” nghĩa quân (trong những bản ghi chép và tiểu thuyết đời Minh viết những chuyện này rất nhiều) thời đó nhiều người bị những lời bày đặt hoang đường đó lừa bịp, trở thành lực lượng phản động làm trở ngại cách mạng. Âm mưu của kẻ thống trị phong kiến dĩ nhiên bí ẩn nực cười. Chúng có thể lợi dụng được Quan Vũ vì Quan Vũ có cơ sở nhân dân sâu rộng, nhưng càng quan trọng hơn là ở chỗ bản thân truyện Tam Quốc có những nhân tố tư tưởng chính thống, ý thức phong kiến. Vì bản chất nhân tố đó chứa chất đầy rẫy những tư tưởng phản động, thậm chí có thể phủ định cả nhân dân tính và tư tưởng tính của cuốn tiểu thuyết vì vậy rất có hại. Chúng ta cần nhận thức rõ.

Có liên quan với điểm này là trong cuốn tiểu thuyết đã đồng ý với kẻ thống trị chế cuộc khởi nghĩa của Khán Vàng là “giặc”, “cướp” bởi xấu họ là “cướp bóc lương dân” khuyết điểm này dù chỉ là thứ yếu trong toàn bộ cuốn tiểu thuyết nhưng cũng cần phải vạch ra. Bản Tam Quốc của La Quán Trung tuy đã tước bỏ nhiều phần mê tín trước kia, nhưng vẫn còn sót lại rất nhiều, như người nào xuất quân bất lợi có điểm gió thổi gãy cán cờ, người nào sắp chết có nhiều triệu chứng xấu báo trước, cho đến cả những truyện làm phép tế sao v.v... Đây cũng là những cặn bã. Là một độc giả thời nay chúng ta phải vứt bỏ những điểm đó đi. Còn một cách viết văn lãng mạn như mượn việc dùng phép thuật làm nhục Tào Tháo của Tả Từ cốt hạ lòng căm ghét của nhân dân đối với kẻ thống trị tàn bạo, thì ta không nên lẫn lộn với ý thức mê tín, mà phải phân biệt, hiểu rõ ý nghĩa và bản chất khác nhau của từng loại.

Một kết quả khác trong việc “theo gương” của La Quán Trung là kéo ngôn ngữ quần chúng tới gần ngôn ngữ của các sĩ phu. Trong khi chọn dùng những tài liệu lịch sử, tuy ông có thay đổi vận dụng biến hóa nhưng rút cục còn nhiều mùi vị văn ngôn⁽¹⁾ thậm chí có hiện

(1) Lời văn rất hàm súc, ít chữ nhiều ý, không được đại chúng.

tượng ép uống gò gẫm, làm cho người đọc cũng gặp nhiều khó khăn và sự trực tiếp thưởng thức và lĩnh hội của nhân dân cũng bị hạn chế. Đây cũng là một khuyết điểm của truyện Tam Quốc.

Nói chung cả bộ Tam Quốc trước sau cũng là bộ tiểu thuyết lịch sử kiệt xuất nhất của nước ta. Tuy có một số khuyết điểm nhưng là vì tác giả bị thời đại lịch sử hạn chế. Ta không thể đứng trên những yêu cầu hiện nay mà đòi hỏi tác giả.

V

Lần này in ra, chúng tôi có chỉnh lý lại ít nhiều. Chúng tôi dựa vào bản của Mao tôn Cương hiệu đính rất kỹ từng câu, từng chữ, từng tên riêng có đối chiếu với bản của La quán Trung, có sửa chữa lại vì bản của Mao tôn Cương đã sửa hỏng, sửa sai với nguyên bản của La quán Trung. Nhưng nói chung đều không chữa hết theo bản của La quán Trung, vẫn là giữ nguyên bộ mặt của bản Mao tôn Cương. Còn những tên lịch sử đặc biệt như tên người, tên đất, tên chế độ v.v... nếu cả hai bản của La quán Trung, Mao tôn Cương đều sai, thì hiệu đính lại theo sử sách, ở đây không cần nêu thí dụ nữa.

Để thuận tiện cho bạn đọc, bản này có thêm phần chú thích và một bản đồ thời Tam Quốc. Trong công tác này nếu có thiếu sót sai lầm, mong độc giả sẽ chỉ bảo cho.

BỘ BIÊN TẬP
NHÂN DÂN VĂN HỌC XUẤT BẢN XÃ
BẮC-KINH
Tháng 3-59

Có bài từ rằng:

*Trường giang cuốn cuộn chảy về đông
Sóng dập dồn dãi hết anh hùng
Được, thua, phải, trái, thoát thành không
Non xanh nguyên vẻ cũ
Mấy độ bóng tàn hồng*

*Bạn dẫu bạc ngư tiền trên bãi
Mảng trắng thanh gió mát vui chơi
Gặp nhau, hỏ rượu đầy vơi
Xưa nay bao nhiêu việc
Phó mặc cuộc nói cười.*

BÙI KỶ
dịch

HỒI THỨ NHẤT

Yến vườn đào, anh hùng kết nghĩa

Chém khăn vàng, hào kiệt lập công

Thế lớn trong thiên hạ, cứ tan lâu rồi lại hợp, hợp lâu rồi lại tan: như hết đời nhà Chu, bảy nước tranh giành xâu xé nhau rồi sau lại hợp về nhà Tần. Đến khi nhà Tần mất, thì Hán, Sở tranh hùng rồi sau thiên hạ lại hợp về tay nhà Hán.

Nhà Hán, từ lúc vua Cao Tổ (Bái Công) chém rắn trắng khỏi nghĩa, thống nhất được thiên hạ, sau vua Quang Vũ lên ngôi, rồi truyền mãi đến vua Hiến-đế; lúc bấy giờ lại chia ra thành ba nước. (Do đó có truyện Tam Quốc).

Truy nguyên xem cuộc biến loạn ấy ở đâu mà ra, thì gốc loạn trước hết từ hai vua Hoàn-đế và Linh-đế. Vua Hoàn-đế tin dùng lũ hoạn quan, cấm cố những người hiền sĩ. Đến lúc vua Hoàn-đế mất, vua Linh-đế lên ngôi nổi nghiệp, được quan đại tướng quân Đậu Vũ, quan thái phó Trần Phồn là những người tài giỏi giúp đỡ. Khi ấy, trong triều có bọn hoạn quan là lũ Tào Tiết lộng quyền, Đậu Vũ, Trần Phồn lập mưu định trừ bọn ấy đi, nhưng vì cơ mưu tiết lộ nên lại bị chúng nó giết mất. Từ đấy, bọn hoạn quan ngày càng ngạo ngược.

Ngày rằm tháng tư năm Kiến Ninh thứ 2 (167 sau Thiên chúa) vua ngự điện Ôn Đức. Tự nhiên có cơn gió to âm âm từ góc điện nổi lên, rồi thấy một con rắn xanh lớn ở

trên xà nhà quang xuống quần quai trên long án. Vua kinh hoảng ngã dưng ra, các quan tả hữu vội cứu vục vào cung; ở ngoài vẫn vô cùng sợ chạy cả. Được một lát con rắn biến mất và bỗng nhiên mưa to, sấm sét ầm ầm; lại thêm mưa đá rào rào mãi đến nửa đêm mới tạnh, đổ nhà đổ cửa không biết bao nhiêu mà kể.

Tháng hai, năm Kiến Ninh thứ tư (169) tỉnh Lạc-dương có động đất, nước bể dâng lên ngập lưng trời, những dân cư ở ven bể bị sóng lớn cuốn trôi đi mất cả.

Năm Quang Hòa thứ nhất (178), một con gà mái tự dưng hóa ra gà sống. Mồng 1 tháng 6 năm ấy, một luồng khí đen dài chừng hơn mười trượng bay vào trong điện Ôn Đức. Qua sang tháng bảy lại có lẩm điều gở lạ; cầu vồng mọc ở giữa Ngọc đường; rặng núi Ngũ nguyên bỗng dưng lở sụt xuống.

Vua hạ chiếu hỏi quần thần xem tự đâu mà sinh ra những điềm gở lạ ấy. Có quan nghị lang là Sái Ung dâng sớ lên, lời lẽ thống thiết, nói rằng: cầu vồng sa xuống, gà mái hóa sống, ấy là bởi quyền chính trong nước ở tay dân bà và ở tay kẻ hoạn... Vua xem sớ ngậm ngùi thở dài, đứng dậy thay áo. Tào Tiết khi ấy đứng hầu sau ngai nghe trộm thấy, trong lòng căm giận, bèn mách bảo đồng bọn, bàn mưu kiếm cớ vu hãm Sái Ung, cách quan đuổi về quê quán.

Về sau bọn hoạn quan là Trương Nhượng, Triệu Trung, Phong Tư, Đoàn Khuê, Tào Tiết, Hầu Lãm, Kiến Thạc, Trình Khoán, Hạ Huy, Quách Thắng, cả thảy mười người gọi là mười quan “Thường Thị”, **bè đảng** với nhau kéo cánh làm càn. Nhà vua tin dùng tôn trọng Trương Nhượng, gọi là “á phụ” (nghĩa là vua coi hấn như cha).

Từ đấy chính sự trong triều ngày càng đổ nát, lòng người náo loạn, giặc cướp nổi lên như ong.

Khi ấy ở đất Cự-lộc, có một nhà ba anh em: anh cả là Trương Giốc, em hai là Trương Bảo, em út là Trương Lương.

Trương Giốc vốn là học trò đi thi hỏng, nhân thế bực mình vào núi hái thuốc. Đi đường gặp một ông cụ già mặt tròn mắt biếc, tay chống gậy lê, gọi Trương Giốc vào trong một cái động, trao cho ba quyển sách và bảo rằng: “Thuật mầu nhiệm làm cho thiên hạ thái bình đều ở trong sách này. Người nên thay trời dạy người, để cứu lấy đời. Nếu sau này manh tâm tà gian ắt bị ác báo”. Trương Giốc sụp xuống lạy, hỏi họ tên thì cụ già nói: “Ta là Nam Hoa lão tiên”, nói đoạn, hóa một trận gió biến mất.

Trương Giốc được ba quyển sách ấy đem về ngày đêm học tập, không bao lâu biết đủ các phép hô gió gọi mưa, tự xưng là *Thái-bình đạo nhân*.

Đến tháng giêng, năm Trung Bình thứ nhất (184), có bệnh ôn dịch. Trương Giốc làm ra nước phép chữa bệnh, cứu được nhiều người, tự xưng là *Đại hiền lương sư*. Giốc có đồ đệ năm trăm người, đi dạo các nơi, ai cũng biết phép thư phù niệm chú. Về sau đồ đệ càng ngày càng đông, Giốc bèn chia học trò ra ba mươi sáu phương, phương lớn hơn một vạn người, phương nhỏ sáu bảy nghìn người, phương nào cũng đặt một người làm thủ lĩnh xưng là đại tướng quân. Nói phao lên rằng: “*Trời xanh đã chết, trời vàng nên dựng*”. Lại nói: “*Đến năm giáp tí, thiên hạ thái bình*”. Sai người lấy đất thó trắng viết hai chữ “*Giáp tý*” ở ngay giữa cửa. Nhân dân tám châu Thanh, U, Từ, Kế, Kinh, Dương, Duyện, Dự, nhà nào cũng thờ mấy chữ hiệu: “*Đại hiền lương sư Trương Giốc*”.

Trương Giốc lại sai đồng đảng là Mã nguyên Nghĩa đem vàng lụa vào kinh kết giao với tên hoạn quan Phong Tư, để làm nội ứng, rồi bàn với hai em rằng: “Không gì khó bằng thu phục được lòng dân, nay lòng dân đã quy thuận về ta, nếu không thừa thế chiếm lấy thiên hạ thì thật là đáng tiếc lắm”.

Bèn một mặt sai may cờ vàng, hẹn ngày khởi sự, một mặt sai đồ đệ là Đường Châu đem thư báo cho Phong Tư biết. Nhưng Đường Châu lại đi thẳng đến cửa cung tố cáo.

Được tin, vua liền triệu quan đại tướng quân Hà Tiến điều binh bắt chém Mã nguyên Nghĩa và bắt cả bọn Phong Tư bỏ ngục. Trương Giốc thấy việc đã tiết lộ, vội vàng cử binh khởi sự, tự xưng là *Thiên công tướng quân*, Trương Bảo xưng *Địa công tướng quân*, Trương Lương xưng *Nhân công tướng quân*; nói với mọi người rằng: “Nay vận nhà Hán sắp hết. Đại thánh nhân ra đời. Các người nên thuận mệnh trời, theo về ta để cùng vui hưởng thái bình!”

Nhân dân bốn phương đội khăn vàng, đi theo Trương Giốc có tới bốn năm mươi vạn người. Thế giặc dữ dội, quan quân thua chạy như cỏ lướt theo ngọn gió. Hà Tiến một mặt tâu vua, xin hoả tốc xuống chiếu cho các nơi phòng giữ; một mặt sai ba quan trung-lang-tướng là: Lư Thực, Hoàng phủ Tung, Chu Tuấn đem quân tinh nhuệ chia ra làm ba ngả dẹp giặc.

Trong khi ấy, quân Trương Giốc có một toán phạm vào bờ cõi U-châu. Quan Thái thú châu ấy là Lưu Yên, người làng Kính-lăng đất Giang-hạ, tức là dòng dõi Lô Cung Vương nhà Hán, nghe tin quân giặc sắp đến, liền triệu quan hiệu úy Châu Tinh đến bàn bạc. Tinh nói:

- Quân giặc nhiều, quân ta ít, ông nên tức khắc chiêu mộ thêm quân thì mới kịp ứng phó.

Lưu Yên cho là phải, bèn sai treo bằng mộ quân.

Khi bằng treo đến Trác-quận thì có ngay một vị anh hùng ra ứng mộ. Vị anh hùng ấy không thích đọc sách mấy, tính ôn hòa, ít cười nói, mừng giận không hề lộ ra mặt, vốn có chí lớn, chỉ thích kết giao với những tay hào kiệt trong thiên hạ. Kể dẫu người thì mình cao tám thước, hai tai chảy xuống gần vai, hai tay buông khỏi đầu gối, mặt đẹp như ngọc, môi đỏ như son, tức là dòng dõi Trung-sơn Tĩnh-vương Lưu Thắng, cháu năm đời vua Cảnh-đế nhà Hán, họ Lưu, tên Bị, tự là Huyền Đức.

Ngày trước con Lưu Thắng là Lưu Trinh, về đời vua Hán Vũ, được phong làm Trác-lộc Đình-hầu, sau vì tội góp thiếu tiền cúng tế bị mất chức, vì vậy còn sót một ngành ở Trác-quận.

Ông của Huyền Đức là Lưu Hùng, cha là Lưu Hoàng. Hoàng thi đỗ hiệu-liêm, đã từng làm quan, nhưng mất sớm. Huyền Đức bỏ côi cha, thờ mẹ rất hiếu, nhà nghèo, phải làm nghề đóng dép, dệt chiếu kiếm ăn.

Nhà ở thôn Lâu-tang. Mé đông-nam nhà Huyền Đức có một cây dâu rất lớn, cao hơn năm trượng, xa trông từng lớp trên xoè ra như cái tán che cỗ xe. Có người thầy tướng đi qua trông thấy khen rằng: “Nhà có cây dâu này tất sinh quý tử”. Lúc Huyền Đức còn thơ ấu, cùng trẻ con chơi dưới gốc dâu, thường vẫn nói rằng: “Ngày sau ta làm vua, cũng ngự cái xe có tàn che như cây dâu này”. Người chú là Lưu nguyên Khởi nghe nói, lấy làm lạ bảo rằng: “Thằng bé này không phải người thường”. Nhân thấy Huyền Đức nhà nghèo, thường tư cấp cho.

Huyền Đức, năm 15 tuổi, mẹ cho đi học, thờ Trịnh Huyền và Lư Thực làm thầy và cùng với Công tôn Toàn kết bạn học. Lúc Lưu Yên treo bằng mộ quân, thì Huyền Đức 28 tuổi.

Bấy giờ Huyền Đức đọc bảng văn rồi thở dài. Bỗng thấy một người đứng sau nói lớn lên rằng: “Đại trượng phu như ông, không ra giúp nước, đứng thờ dài đó, được việc chi?”.

Huyền Đức ngoảnh lại nhìn: người ấy mình cao tám thước, đầu như đầu báo, hai mắt tròn xoe, hàm én, râu hùm, tiếng vang như sấm. Huyền Đức thấy dung mạo khác thường, liền hỏi họ tên. Người ấy nói:

- Tôi họ Trương tên Phi, tự là Dục Đức, ở Trác-quận đã lâu đời. Gia tư có ít ruộng, vườn, trại và mở ngôi hàng bán rượu, thịt chó. Tôi chỉ thích kết giao với hào kiệt trong thiên hạ. Vừa rồi thấy ông xem bảng văn rồi thở dài, nên tôi mới hỏi.

Huyền Đức nói:

- Tôi đây vốn dòng dõi nhà Hán, họ Lưu tên Bị; nay thấy giặc khản vàng nổi loạn, có chí ra dẹp giặc yên dân, chỉ hiềm sức mình không nổi, nên mới thở dài.

Phi nói:

- Nhà tôi gia tư cũng khá. Ý muốn chiêu mộ hương dũng, cùng ông mưu đồ việc lớn, ông tính sao?

Huyền Đức mừng lắm. Hai người bèn rủ nhau vào hàng uống rượu.

Đương đánh chén, bỗng thấy một người cao lớn lực lưỡng, đẩy một cỗ xe đến cửa, vào hàng ngồi phịch xuống, gọi nhà hàng:

- Rượu mau lên! Để ta uống xong còn vào thành ứng mộ!

Huyền Đức nhìn xem thấy người ấy mình cao chín thước, râu dài hai thước, mặt như hai quả táo chồng lên nhau, môi như tô son, mắt phượng mày tằm oai phong lẫm liệt. Huyền Đức bèn mời cùng ngồi và hỏi họ tên. Người ấy nói:

- Tôi họ Quan tên Vũ, tự là Trương Sinh, sau đổi là Văn Trường, người làng Giải-lương, tỉnh Hà-dông. Nhân thấy có đũa thỏ hào ỷ thế hiếp người tôi bèn giết chết rồi đi trốn tránh, đã năm, sáu năm rồi. Nay nghe ở đây có lệnh chiêu binh phá giặc, nên tôi đến ứng mộ.

Huyền Đức cũng đem chí mình ra nói, Văn Trường rất mừng. Bèn cùng đến trại của Trương Phi bàn tính việc lớn. Phi nói:

- Sau trại tôi có một vườn đào đang nở hoa đẹp lắm; ngày mai nên làm lễ tế trời đất ở trong vườn, ba chúng ta kết làm anh em, cùng lòng hợp sức, sau mới có thể tính được việc lớn.

Huyền Đức, Văn Trường đều nói:

- Như thế tốt lắm.

Ngày hôm sau sửa soạn trâu đen ngựa trắng và các lễ vật ở trong vườn đào, ba người đốt hương lạy hai lạy thề rằng:

- Chúng tôi là Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi, dẫu rằng khác họ, song đã kết làm anh em, thì phải cùng lòng hợp sức, cứu khốn phù nguy, trên báo đền nợ nước, dưới yên định nạn dân. Chúng tôi không cần sinh cùng ngày, cùng tháng, cùng năm, chỉ muốn chết cùng năm, cùng ngày, cùng tháng. Hoàng thiên hậu thổ, soi xét lòng này. Nếu ai bội nghĩa quên ơn thì trời người cùng giết.

Thề xong, tôn Huyền Đức làm anh cả, Quan Vũ thứ hai, Trương Phi em út. Mổ trâu đặt tiệc, tụ họp đông sĩ trong làng được ba trăm người, cùng đến vườn đào uống một bữa thật say. Hôm sau sửa soạn khí giới, đương lo còn thiếu ngựa cưỡi, bỗng thấy báo có hai người lái buôn dắt một đàn ngựa đến trại.



Lưu, Quan, Trương chuẩn bị vũ khí.

Huyền Đức nói:

- Thực là trời giúp chúng ta.

Nói đoạn ba người cùng ra cửa trại đón.

Nguyên hai người khách ấy đều là lái buôn lớn ở huyện Trung-sơn, một người tên Trương thế Bình, một người tên Tô Song, hàng năm vẫn đem ngựa lên bán miền bắc, chỉ vì lúc ấy dọc đường nhiều giặc cướp, nên quay trở về. Huyền Đức mời hai người vào trại, làm rượu khoản đãi, và nói rõ

ý mình đang muốn dẹp giặc yên dân. Hai người cả mừng, tình nguyện tặng năm mươi con ngựa tốt, năm trăm lạng vàng bạc và một nghìn cân sắt để làm khí giới.

Huyền Đức cảm tạ hai người khách và tiễn lên đường, rồi sai gọi thợ sắt đến đánh hai thanh kiếm. Vân Trường đánh một thanh long đao nặng tám mươi hai cân, Trương Phi đánh một ngọn xà mâu dài một trượng tám thước. Mỗi người làm một bộ áo giáp, hộp hương dưng được hơn năm trăm người, đem nhau đến gặp Châu Tinh. Châu Tinh đưa đi yết kiến quan thái thú Lưu Yên. Ba người thi lễ xong, đều xưng họ tên. Huyền Đức kể rõ tôn phái, Lưu Yên cả mừng nhận Huyền Đức là cháu.

Vài hôm sau, có tin báo tướng giặc khản vàng là Trình viễn Chí đem năm vạn quân đến đánh Trác-quận. Lưu Yên sai Châu Tinh dẫn ba anh em Huyền Đức đem năm trăm quân đi trước phá giặc. Ba anh em Huyền Đức vui mừng hơn hởi đi ngay. Lúc đến dưới núi Đại-hưng, thấy quân giặc đều xoa tóc chít khăn vàng. Hai bên đối trận, Huyền Đức nhảy ngựa vọt ra, tả có Vân Trường, hữu có Dục Đức, giơ roi mắng lớn:

- Quân giặc phản nước kia! Sao không xuống ngựa hàng ngay đi.

Trình viễn Chí cả giận, sai phó tướng Đặng Mậu ra đánh. Trương Phi cầm mâu xông ra đâm trúng vào bụng Đặng Mậu. Đặng Mậu ngã lăn xuống ngựa chết.

Trình viễn Chí thấy vậy, thúc ngựa múa đao xông thẳng vào định chém Trương Phi. Tức thì Vân Trường múa long đao tể ngựa ra đón địch. Trình viễn Chí trông thấy hoảng sợ, chưa kịp trở tay đã bị đao Vân Trường xả làm hai đoạn.

Đời sau có thơ khen rằng:

Anh hùng xuất hiện buổi sơ đầu

Người thử siêu đao kẻ thử mâu.

Mới bước chân ra uy đã dữ

Tiếng tăm lừng lẫy cuộc ganh nhau.

Quân giặc thấy Trình viễn Chí bị chém, đều vác ngược giáo ù té chạy. Huyền Đức thúc quân đuổi theo, giặc hàng không biết bao nhiêu mà kể. Ba người đại thắng kéo quân trở về, Lưu Yên thân ra đón tiếp, khao thưởng ba quân.

Hôm sau, Lưu Yên tiếp được tờ điệp của quan thái thú Thanh-châu tên là Cung Cảnh, báo tin bị giặc khấn vàng bao vây, thành sắp vỡ, kịp xin cho quân đến cứu. Lưu Yên bàn với Huyền Đức. Huyền Đức nói:

- Bị này tình nguyện đem quân đi cứu.

Lưu Yên bèn sai Châu Tinh đem năm nghìn quân cùng Huyền Đức, Quan, Trương kéo đến Thanh-châu.

Giặc thấy có quân đến cứu, chia quân đón đánh. Huyền Đức thấy quân mình ít, khó đánh được, lui ba mươi dặm đóng trại. Huyền Đức bảo Quan, Trương rằng:

- Giặc nhiều, ta ít, tất phải dùng kỳ binh mới có thể thắng được.

Bèn sai Vân Trường dẫn một nghìn quân phục bên tả núi, Trương Phi dẫn một nghìn quân phục bên hữu núi, hẹn rằng nghe tiếng chiêng thì cùng kéo ra tiếp ứng.

Ngày hôm sau Huyền Đức cùng Châu Tinh dẫn quân đánh trống hò reo thẳng tiến. Quân giặc vội vã kéo ra đón đánh, Huyền Đức lui binh ngay. Giặc thừa thế đuổi tràn. Vừa qua sườn núi, trong quân Huyền Đức khua chiêng vang lên. Hai đạo quân tả hữu xô ra. Huyền Đức thúc quân

quay lại, ba mặt giáp đánh, quân giặc thua to, chạy đến dưới thành Thanh-châu, quan thái thú Cung Cảnh cũng đem dân binh ra trợ chiến, quân giặc bị chết rất nhiều, giải được vòng vây.

Đời sau có thơ khen Huyền Đức rằng:

*Bày mưu đặt mẹo khéo ra công,
Đôi hổ chung quy kém một rồng.
Buổi mới đã nên công trạng lớn,
Chia ba chân vạc đáng anh hùng.*

Cung Cảnh khao quân xong, Châu Tinh muốn về. Huyền Đức nói:

- Mới rồi nghe tin quan trung-lang-tướng Lư Thực cùng Trương Giốc đánh nhau ở Quảng-tôn. Bị này trước kia có học Lư tướng quân, nghĩ đạo thầy trò, muốn sang giúp sức.

Châu Tinh dẫn quân về một mình, còn Huyền Đức cùng Quan, Trương dẫn năm trăm quân bản bộ sang Quảng-tôn.

Khi ba người đến dinh quân Lư Thực, vào trưởng thi lễ, bày tỏ ý kiến mình, thì Lư Thực mừng lắm, lưu ở trưởng tiền đạo khi dùng đến.

Bấy giờ quân Trương Giốc mười lăm vạn, quân Lư Thực năm vạn, đang chống nhau ở Quảng-tôn, chưa rõ bên nào thua được.

Một hôm Lư Thực bảo Huyền Đức rằng:

- Trương Giốc đã bị ta vây ở đây rồi. Duy hai em nó là Trương Bảo, Trương Lương đang chống nhau với Hoàng phủ Tung và Chu Tuấn ở Dĩnh-xuyên. Ông nên đem ngay quân bản bộ và một nghìn quân ta giúp thêm, đến thẳng Dĩnh-xuyên dò xem tin tức ra sao, rồi cùng nhau hẹn ngày tiến đánh.

Huyền Đức lĩnh mệnh, đem quân đi cả ngày đêm đến Đình-xuyên.

Lúc ấy Hoàng phủ Tung, Chu Tuấn đem quân đánh giặc, giặc bị thua luôn, phải lui về Trường-xã, dựa theo bụi rậm đóng trại. Tung bàn với Tuấn rằng:

- Quân giặc dựa vào chỗ có cỏ rậm đóng quân thì ta nên dùng mẹo hoả công.

Bèn sai quân sĩ mỗi người bó một bó cỏ, ngấm di mai phục. Đêm ấy trời nổi cơn gió lớn, vào khoảng canh hai, quân phục kéo vào phóng hoả, Tung và Tuấn đều dẫn quân đến đánh, khói lửa ngút trời, quân giặc hoảng sợ, người không kịp mặc giáp, ngựa không kịp thắng yên, xô nhau mà chạy. Đồi bên đánh nhau đến sáng, Trương Lương, Trương Bảo phải dẫn tàn quân cướp đường mà chạy. Bỗng thấy một toán quân mã kéo toàn cờ đỏ xông ra chặn đường. Một tướng đi đầu, mình cao bảy thước, mắt nhỏ râu dài.

Viên tướng ấy là ai? Tức là quan ky-dô-úy, người ở Tiêu quận, nước Bái, họ Tào tên Tháo tự là Mạnh Đức.

Cha Tào Tháo là Tào Tung, vốn xưa họ Hạ hầu, nhận làm con nuôi quan trung-thường-thị Tào Đằng, nên đổi theo họ Tào. Tháo tiểu tự là A Man, và đặt một tên nữa là Cát Lợi. Lúc Tháo còn trẻ, thì chỉ thích chơi sấm, ham múa hát, nổi tiếng là một tay cơ biến quyền mưu. Người chú Tháo thấy Tháo chơi bởi hoang phiếm, giận lắm, đem nói với Tào Tung. Tung trách mắng Tháo. Tháo nghĩ ngay một kế, lúc thấy chú đến, giả tảng nằm quay ra đất, làm như trúng phong. Chú Tháo thấy vậy cả sợ, chạy đến bảo Tung, Tung vội lại xem, thấy Tháo không bệnh chi cả, liền hỏi:

- Chú mày nói mày trúng phong, đã khỏi rồi à?

- Thưa cha, thuở bé đến giờ con có bệnh ấy đâu! Chẳng qua chú con ghét con cho nên đặt điều ra thế.

Tung tường thật. Từ đây người chú kẻ tội Tháo, Tung đều không nghe nữa, nhân thế Tháo càng được tự do phóng đãng hơn xưa.

Bấy giờ có người tên là Kiều Huyền bảo Tháo rằng:

- Thiên hạ sắp loạn, phi có tay tài giỏi hơn đời thì không sao yên được loạn. Làm được như thế có lẽ chỉ có bác.

Người đất Nam-dương là Hà Ngung một hôm trông thấy Tháo cũng tán tụng rằng:

- Nhà Hán sắp mất, yên được thiên hạ chắc chỉ có người này!

Người đất Nhữ-nam là Hứa Thiệu có tiếng là giỏi biết người, Tháo thân đến hỏi:

- Như tôi là người thế nào?

Thiệu không giả lời.

Tháo hỏi lại lần nữa.

Thiệu nói:

- Anh là năng thần⁽¹⁾ của đời trị và gian hùng của đời loạn.

Tháo nghe nói cả mừng.

Năm Tháo hai mươi tuổi thi đỗ hiếu-liêm, bổ làm quan lang, sau lại thăng chức đô-úy huyện Lạc-dương. Lúc mới đến nhậm chức, Tháo sai treo hơn mười cái roi ngũ sắc ở bốn cửa huyện, không kể hào quý hễ ai phạm phép đều không tha. Chú quan trung-thường-thị Kiến Thạc vác dao đi đêm, Tháo đi tuần bắt được cũng đem nọc đánh ngay. Bởi thế trong ngoài kinh sợ, không ai dám làm trái phép. Sau Tháo thăng chức lệnh-doãn Đốn-kỳ. Nhân giặc khản vàng nổi loạn, lại được thăng làm quan ky-dô-úy, đem năm nghìn

(1) Ông quan giỏi.

quân mã bộ đến Đinh-xuyên giúp đánh, tình cờ dọc đường, gặp Trương Lương, Trương Bảo thua chạy, Tháo đón đánh một trận kịch liệt chém giết hơn một vạn người, cướp được cờ, trống, ngựa, khí giới rất nhiều. Lương, Bảo cố chết mới chạy thoát. Tháo vào hội kiến Hoàng phủ Tung, Chu Tuấn rồi lại dẫn quân đi đuổi Trương Lương, Trương Bảo ngay.

Nhắc lại Huyền Đức dẫn Quan, Trương đi gần đến Đinh-xuyên, nghe tiếng reo hò đánh nhau, lại trông thấy lửa sáng rực trời, vội thúc quân kéo đến, tới nơi giặc đã chạy tan hết rồi. Huyền Đức vào yết kiến Hoàng phủ Tung, Chu Tuấn, đem ý kiến Lư Thực ra bày tỏ, Tung nói:

- Nay Trương Lương, Trương Bảo thế cùng lực kiệt, tất chạy đến Quảng-tôn nương nhờ Trương Giốc. Ông nên đi gấp đường về giúp ngay Lư Thực.

Huyền Đức nghe lời, dẫn quân trở lại.

Khi mới đi được nửa đường, gặp một toán người ngựa, áp tống một tù xa⁽¹⁾, trên xe có một cái cũi nhốt một người tù tẻ ra chính là Lư Thực. Huyền Đức giật mình kinh hãi, vội chạy xuống ngựa đến hỏi thăm. Thực nói:

- Ta vây đánh Trương Giốc, sắp sửa phá tan, chỉ vì Giốc dùng yêu thuật, nên còn nhùng nhằng chưa phá hẳn được. Triều đình sai viên hoàng môn tên là Tả Phong đến dò xét quân lính. Phong đòi ăn của đút không được, vì lương quân còn thiếu, tiền dẫu mà cung đốn họ, bởi thế Tả Phong căm giận, về triều tâu man cho ta lười biếng không chịu đánh giặc, làm cho lòng quân chán nản. Triều đình nổi giận, sai quan trung-lang-tướng Đồng Trác đến cầm quân thay ta, và bắt ta về kinh hỏi tội.

(1) Xe chở người tù.

Trương Phi nghe nói, nổi giận dùng dũa, toan giết hết toán quân áp giải để cứu Lư Thục. Huyền Đức vội ngăn lại bảo rằng:

- Không nên, triều đình đã có công luận, chú không được xử sự một cách nóng nảy như thế.

Quân sĩ lại giải Lư Thục đi.

Quan Công nói:

- Nay Lư trung-lang đã bị bắt, người khác thay quyền, chúng ta đến đây cũng vô ích, chỉ bằng hãy về Trác-quận.

Huyền Đức lấy làm phải, bèn dẫn quân về phía bắc.

Đi được hai ngày, bỗng nghe sau núi có tiếng đánh nhau hò hét. Huyền Đức cùng Quan, Trương cưỡi ngựa lên đồi cao trông xem, thấy quân Hán bị thua đương chạy, giặc khải vàng đồng như kiến cỏ đương đuổi theo sau, trên lá cờ viết bốn chữ “Thiên công tướng quân” rất lớn. Huyền Đức nói:

- Trương Giốc đây rồi, đánh ngay đi.

Ba người đều phi ngựa dẫn quân ra đánh. Lúc ấy Trương Giốc đương thừa thắng đuổi Đổng Trác, bỗng gặp ba người đem quân chặn đánh, quân Giốc hoảng loạn, phải thua chạy đến ngoài năm mươi dặm.

Ba người cứu được Đổng Trác về trại, Trác hỏi ba người hiện làm quan gì?

Huyền Đức nói còn là chân trắng.

Trác khinh thường, không thèm đáp tạ lại.

Huyền Đức đi ra, Trương Phi cả giận nói rằng:

- Thằng “mọi” này lão quá. Chúng ta lăn lộn vào đất chết để cứu nó ra, nó không ơn thì chớ, lại còn làm phách khinh người đến thế, nếu không giết nó, không sao hả được giận này.

Bèn cầm dao vào trướng định giết Đồng Trác.

Đó chính là:

Nhân tình thế lợi vẫn xưa nay

Ai biết anh hùng lúc trắng tay

Nếu được người người như Dục Đức.

Trên đời hắn hết kẻ không hay.

Muốn biết tính mạng Đồng Trác thế nào, xem hồi sau sẽ rõ.

HỒI THỨ HAI

Trương Đức Đức giận đánh Đốc Bưu

Hà quốc cứu mưu giết Hoạn Thụ

Dổng Trác tên chữ là Trọng Đình, quê ở huyện Lâm-thao, quận Lũng-tây, làm quan thái thú ở Hà-dông, xưa nay vốn tính kiêu ngạo. Lúc ấy vì khinh ba anh em Huyền Đức, nên Trương Phi nổi nóng muốn vào giết ngay. Huyền Đức, Quan Công vội ngăn mà rằng:

- Không nên, hấn là quan của triều đình, em chớ nên tự tiện giết hấn.

Phi nói:

- Nếu không giết nó, mà lại ở đây làm đây tổ cho nó sai khiến, thì tôi không thể chịu được. Nếu hai anh muốn ở đây thì tôi xin đi ngay nơi khác.

Huyền Đức nói:

- Ba anh em kết nghĩa cùng sống chết, sao nỡ lìa nhau. Thôi cùng đi nơi khác là tiện hơn cả.

Phi nói:

- Có như thế thì cái tức này mới hơi hả.

Ngay đêm ấy ba người dẫn quân đến ở với Chu Tuấn. Tuấn khoản đãi rất hậu, cùng nhau hợp quân, tiến đánh Trương Bảo.

Bấy giờ Tào Tháo đương theo Hoàng phủ Tung đánh Trương Lương, đôi bên đánh nhau một trận ở Khúc-dương rất lớn.

Bên này Chu Tuấn tiến đánh Trương Bảo, Bảo dẫn tám chín vạn quân đóng đồn ở mé sau núi. Tuấn sai Huyền Đức dẫn đội tiên phong ra đối địch với giặc. Trương Bảo sai phó tướng Cao Thăng phi ngựa ra thách đánh, Huyền Đức sai Trương Phi cự với Cao Thăng. Phi phóng ngựa cầm mâu cùng Thăng giao chiến, chưa được vài hiệp đã đâm Thăng ngã ngựa. Huyền Đức thúc quân xông lên. Trương Bảo ngồi trên ngựa, xoắn tóc múa gươm giở yêu thuật, phút chốc sấm gió âm âm, một luồng khí đen tự trên không toả xuống, trong luồng khí đen có vô số người ngựa xông ra, quân Huyền Đức sợ hãi rối loạn, Huyền Đức vội vàng thu quân về, cùng Chu Tuấn bàn mưu định kế. Tuấn nói:

- Nó dùng yêu thuật thì ta phá cũng dễ. Ngày mai nên sai quân chứa sẵn máu lợn, máu chó phục ở trên núi, đợi quân giặc kéo đến, đứng trên vẫy xuống, tự khắc giải được phép yêu.

Huyền Đức tuân lệnh, sai Quan Công, Trương Phi mỗi người dẫn một nghìn quân đem sẵn máu chó, máu lợn và đồ uest vật phục trên đỉnh núi.

Hôm sau Trương Bảo lại kéo cờ gióng trống đem quân đến thách đánh. Huyền Đức tự ra nghênh địch. Trương Bảo lại dùng phép yêu, phút chốc gió, sấm nổi lên, cát đá tung trời, trong luồng khí đen kéo ra vô số người ngựa. Huyền Đức quay ngựa chạy, Trương Bảo thúc quân đuổi theo, khi vào đến gần núi, quân mai phục của Quan, Trương nổ một tiếng trống lệnh, uest vật vung ra, tức thì những người ngựa bằng giấy tự trên không rơi xuống, sấm gió yên lặng, cát đá không bay nữa.

Trương Bảo thấy phép yêu đã bị phá, vội vã lui quân, song tả có Quan Công, hữu có Trương Phi, hai bên đổ ra, sau lưng có Huyền Đức, Chu Tuấn kéo đến, quân giặc bị thua to. Huyền Đức trông thấy hiệu cờ "*Địa công tướng*



Trương Bảo bị trúng tên của Lưu Bị.

quân" phi ngựa đuổi theo. Trương Bảo cuống cuống chạy trốn, Huyền Đức bắn ngay một phát tên trúng cánh tay trái, Trương Bảo đeo tên cố chết mà chạy vào Dương-thành, đóng chặt cửa không dám ra nữa.

Chu Tuấn đem quân vây thành, một mặt sai người đi dò, xem tin tức Hoàng phủ Tung. Thám tử về báo:

- Hoàng phủ Tung đánh trận nào thắng trận ấy. Triều đình thấy Đồng Trác thua luôn, hạ lệnh cho Tung thay Trác. Lúc Tung đến nơi thì Trương Giốc đã chết rồi. Trương Lương thống xuất cả quân ấy cùng quân Tung chống cự, bị Tung đánh thắng luôn bảy trận chém được Trương Lương

ở Khúc-dương. Trương Giốc chết rồi cũng bị quật mả, cắt lấy thủ cấp đem về bêu ở kinh sư, còn quán giặc ra hàng hết cả.

Hoàng phủ Tung có công, triều đình gia phong làm Sa kỵ tướng quân, lĩnh chức Ký-châu-mục.

Hoàng phủ Tung dâng biểu tâu Lư Thực có công không tội, triều đình lại cho Lư Thực giữ nguyên chức cũ. Tào Tháo cũng có công, được thăng Tế-nam-tướng, sắp sửa ban quân phó nhậm.

Chu Tuấn nghe nói, hạ lệnh thúc quân hết sức đánh lấy Dương-thành. Thế giặc bấy giờ rất nguy khốn. Một tên tướng giặc là Nghiêm Chánh đâm chết Trương Bảo, cắt lấy thủ cấp đầu hàng. Chu Tuấn đem quân bình luôn được mấy quận, rồi dâng biểu tâu bày việc thắng trận.

Bấy giờ còn ba tên dư đảng giặc khản vàng là Triệu Hoàng, Hàn Trung và Tôn Trọng, hợp quân vài vạn, đi đến đâu cũng cướp của đốt nhà, nói là báo thù cho Trương Giốc. Triều đình giáng chỉ cho Chu Tuấn đem quân đặc thắng đi đánh, Tuấn vội vàng dẫn quân tiến ngay.

Lúc ấy giặc đương chiếm giữ Uyển-thành, Tuấn đem quân đến đánh, Triệu Hoàng sai Hàn Trung ra đối địch.

Tuấn phái Huyền Đức, Quan, Trương đánh góc thành tây-nam. Hàn Trung sợ góc tây-nam thất thủ, đem hết quân tinh nhuệ ra chống cự. Chu Tuấn đem hai nghìn quân thiết kỵ đến đánh góc đông-bắc, giặc sợ thành hãm, vội bỏ góc tây-nam. Huyền Đức đem quân đánh mạnh đằng sau, quân giặc thua to, phải chạy vào thành. Chu Tuấn chia quân vây kín bốn mặt, trong thành lương cạn, Hàn Trung sai người ra xin hàng. Tuấn không cho. Huyền Đức nói:

- Xưa vua Cao Tổ lấy được thiên hạ, cũng vì hay chiêu

kẻ hàng, dong kẻ thuận, nay Hàn Trung đã hàng thuận, sao ông không cho?

Tuấn nói:

- Cái đó mỗi lúc mỗi khác, không thể câu nệ được. Xưa vào đời Tần, Sở, thiên hạ rối loạn, dân không biết ai là chủ, cho nên chiêu kẻ hàng, thưởng kẻ phục để khuyến khích kẻ khác về với mình. Nay bốn bể đã về một mối, chỉ có giặc khản vàng phản nghịch, nếu dong cho nó hàng, thì không sao khuyến được người lương thiện. Bọn giặc lúc dấy ý thì tha hồ giết người cướp của, lúc bị thua lại ra đầu hàng. Nếu nhận cho chúng đầu hàng, tức là nuôi cái mầm phản nghịch cho chúng nó, không phải là chính sách hay.

Huyền Đức nói:

- Ngài dạy cũng phải, nhưng bây giờ bốn mặt thành vây kín như bờ rào sắt, giặc xin hàng không được, tất nhiên phải cố chết mà đánh. Nghìn người một bụng còn khó đương nổi, nữa là trong thành còn những mấy vạn người liều mạng. Chi bằng bỏ trống hai mặt đông, nam, chỉ đánh hai mặt tây, bắc. Giặc thấy có đường tháo, tất bỏ thành mà chạy, không còn bụng nào ham đánh, ta có thể bắt sống được chúng.

Tuấn lấy làm phải, lập tức hạ lệnh rút quân hai mặt đông, nam, dồn lại đánh vào mặt tây mặt bắc. Quả nhiên Hàn Trung dẫn quân bỏ thành chạy. Tuấn cùng Huyền Đức, Quan, Trương thúc quân đuổi đánh, bắn chết Hàn Trung, quân giặc đều tan vỡ chạy trốn.

Trong khi đang đuổi đánh xô xát, gặp ngay Triệu Hoàng, Tôn Trọng dẫn quân đến, cùng Tuấn đánh nhau. Tuấn thấy quân Hoàng thế mạnh, đem quân tạm lui. Hoàng thừa thế lại cướp được Uyển-thành. Tuấn đóng trại cách thành mười dặm để đánh vào.

Chu Tuấn đang sắp sửa đánh thành, bỗng thấy một toán người ngựa tự phía đông dẫn đến, một viên tướng đi đầu mặt to trán rộng, mình hổ lưng gấu.

Tướng ấy họ Tôn tên Kiên, tên chữ là Văn Đài, dòng dõi Tôn Vũ ngày xưa, quê ở huyện Phú-xuân thuộc Ngô-quận.

Tôn Kiên năm mươi bảy tuổi, một hôm cùng cha đi thuyền đến sông Tiền-duong, thấy một bọn giặc bể hơn mười dứa vừa cướp được tiền của khách buôn, đang chia nhau ở trên bờ. Kiên nói với cha rằng: “Con xin lên bắt lũ giặc này”. Bèn cầm đao nhảy vọt lên bờ, vừa múa đao vừa hét, chỉ đông chỉ tây như cách ra hiệu gọi người. Giặc tưởng quan quân đến, bỏ hết của cải chạy trốn. Kiên đuổi giết được một dứa, bởi thế nổi tiếng ở mấy quận huyện, được tiến cử làm chức hiệu-úy. Sau quận Cối-kê có dứa yêu tặc là Hứa Xương làm phản, tự xưng là *Dương-minh hoàng-đế*, tụ họp đến mấy vạn quân. Kiên cùng quan tư-mã quận ấy chiêu mộ dũng sĩ được hơn nghìn người hợp với quân mấy châu quận đánh tan giặc ấy, chém được Hứa Xương và con là Hứa Thiệu. Quan thứ-sử Tang Mân dâng biểu tâu công cho Kiên, triều đình bổ Kiên làm quan thừa ở Giêm-độc; sau lại đổi làm thừa ở Vu-thai, làm thừa ở Hạ-bì. Nay thấy giặc khản vàng nổi loạn, Kiên tụ tập thiếu niên trong làng cùng bọn khách buôn và quân tinh binh ở Hoài, Tứ cả thủy được một nghìn năm trăm người, dẫn đến tiếp ứng.

Chu Tuấn cả mừng, liền sai Kiên đánh cửa nam, Huyền Đức đánh cửa bắc, Tuấn tự đánh cửa tây, để cửa đông cho giặc chạy.

Tôn Kiên đi trước nhảy lên thành, chém luôn hơn hai mươi tên giặc, quân giặc sợ hãi bỏ chạy. Triệu Hoảng cầm giáo phi ngựa ra địch Tôn Kiên. Kiên bèn tự trên mặt

thành nhảy xuống, cướp giáo của Hoàng đâm Hoàng ngã ngựa, rồi lại nhảy lên ngựa Hoàng xông vào giết giặc.

Tôn Trọng dẫn quân lên ra cửa bắc, gặp ngay Huyền Đức, không còn bụng nào đối địch, chỉ chực chạy thoát thân. Huyền Đức bắn một phát tên, Trọng tự trên ngựa lăn xuống.

Lúc ấy đại quân Chu Tuấn tự sau dồn đến, chém được vài vạn đầu giặc. Giặc đầu hàng không biết bao nhiêu mà kể. Một giải Nam-dương hơn mười quận đều yên. Tuấn ban quân về kinh, được phong làm sa-ky tướng-quân, lĩnh chức Hà-nam lệnh-doãn.

Tuấn dâng biểu tâu công Tôn Kiên và Lưu Bị. Vì Kiên có thầy thợ tay trong, nên được bổ làm Tư-mã đi nhậm chức ngay. Còn Lưu Bị chờ đợi mãi vẫn không được bổ dụng. Ba người buồn bã không vui, một hôm đi chơi rong đường phố, gặp quan lang-trung Trương Quân. Huyền Đức đến chào, nhân kẻ luôn công mình đánh giặc cho Quân nghe. Quân lấy làm kinh ngạc, bèn vào triều bệ kiến, và tâu rằng:

- Trước đây giặc khăn vàng phản nghịch, cần do cũng bởi bọn thường-thị mười người bán quan buôn tước, phi người thân không dùng, phi kẻ thù không giết, cho nên thiên hạ rối loạn. Xin bệ hạ sai chém ngay mười tên này, bêu đầu ở Nam-giao, rồi sai sứ giả đi bố cáo thiên hạ, ai có công trọng thưởng ngay. Như thế thì bốn bể tự khắc bình yên.

Mười thường-thị vội tâu vua rằng:

- Trương Quân đặt điều tâu bậy, đáng tội khi quân.

Vua sai võ sĩ đuổi Trương Quân ra.

Mười thường-thị bàn với nhau rằng: “Chắc hẳn có kẻ nào có công đánh giặc khăn vàng chưa được bổ dụng nên

sinh ra oán hận. Ta hãy bảo nha môn ghi tên một số người, cất nhắc cho họ một chút, rồi sau sẽ liệu”.

Bởi vậy Huyện Đức được bổ làm quan úy huyện An-hỷ, và phái đi nhậm chức ngay.

Huyện Đức giải tán cho quân về làng, chỉ đem theo hơn hai mươi người thân tùy, cùng Quan, Trương đến huyện An-hỷ, làm việc quan suốt một tháng, chẳng lấy lễ của dân một chút gì, nên ai nấy đều cảm phục. Sau khi nhậm chức, cùng Quan, Trương ăn một mâm, nằm một chiếu; khi Huyện Đức ngồi chỗ đông người, thì Quan, Trương đứng hầu hai bên, cả ngày không biết mỏi.

Đến huyện chưa được bốn tháng, bỗng triều đình xuống chiếu: “Những người nào có công đánh giặc mà làm trưởng lại, thì đều bị thải hồi”.

Huyện Đức nghĩ mình có lẽ cũng ở trong số bị thải ấy, còn đang nghi hoặc, bỗng thấy báo có quan thanh tra là Đốc Bưu đến huyện. Huyện Đức vội đi đón tiếp. Lúc gặp Đốc Bưu, Huyện Đức vái chào một cách cung kính, Đốc Bưu ngồi trên mình ngựa, chỉ vẫy đầu roi đáp lại. Quan, Trương thấy vậy, tức giận vô cùng.

Khi đến nhà quán dịch (nhà để tiếp đón các quan to), Đốc Bưu ngoảnh mặt hướng nam ngồi cao ngất ngưỡng. Huyện Đức đứng hầu ở dưới thêm. Lúc lâu Đốc Bưu cất tiếng hỏi:

- Thầy huyện Lưu do chân gì xuất thân?

Huyện Đức đáp:

- Bì này dòng dõi Trung-sơn Tĩnh Vương, khởi thân từ Trác-quận, chém giết giặc khăn vàng, lớn nhỏ hơn ba mươi trận đánh, có chút công lao, nên được bổ chức này.

Đốc Bưu thét mắng:

- Mi giả mạo hoàng thân, báo càn công trạng, hiện nay triều đình xuống chiếu, chính để thả bớt những bọn tham quan ô lại như mi đó!

Huyền Đức vâng dạ luôn mấy tiếng, lui về huyện nha, cùng viên đề lại bàn tính. Đề lại nói:

- Lão Đốc Bưu làm dữ như vậy, chẳng qua chỉ chực đòi của đút đầy thôi.

Huyền Đức nói:

- Ta không tơ hào của dân một tý gì, lấy đâu mà cung đốn hần?

Ngày hôm sau Đốc Bưu đòi đề lại đến trước, bắt ép phải khai man là quan huyện hại dân.

Huyền Đức mấy lần đến để kêu van, cũng bị quân gác cửa không cho vào.

Lúc ấy Trương Phi vừa uống mấy chén rượu giải buồn, cưỡi ngựa đi chơi phiếm qua nhà quán dịch, thấy năm, sáu mươi ông già đang khóc than ở trước cửa. Phi hỏi cố sao thì các lão đều nói:

- Đốc Bưu cố ép đề lại khai man để hại ông Lưu. Chúng tôi biết tin, đến đây kêu giúp, nhưng không cho vào, lại sai quân gác cửa đánh đuổi chúng tôi.

Trương Phi cả giận, giương mắt tròn xoe, hai hàm răng nghiến ken két, nhảy vùng ngay xuống ngựa, chạy sấn vào nhà quán dịch, những quân gác cửa không tài nào cản lại được. Phi chạy thẳng vào hậu đường, thấy Đốc Bưu đang ngồi chĩnh chện trên sảnh, đề lại bị trói ở dưới đất. Phi thét lớn lên rằng:

- Thằng mọt dân kia! Có biết ta là ai không?

Đốc Bưu chưa kịp nói câu gì, đã bị Trương Phi túm tóc lôi tuột ra ngoài quán dịch, kéo thẳng về trước huyện, trối

vào tàu ngựa, rồi bẻ cành liễu đánh vào hai hông đít Đốc Bưu, đánh gãy luôn đến hơn mười cành liễu.

Huyền Đức đang lúc ngồi buồn, bỗng nghe ngoài cửa huyện có tiếng xôn xao bèn hỏi, tả hữu nói rằng:

- Trương tướng quân đang trời đánh một người nào ở cửa huyện.

Huyền Đức vội chạy ra xem, tưởng trời đánh ai, té ra là quan Đốc Bưu! Huyền Đức kinh ngạc, hỏi đầu đuôi.

Phi nói:

- Cái thằng hại nước hại dân này, chẳng đánh cho chết còn đợi đến bao giờ!

Đốc Bưu kêu:

- Ông Huyền Đức ơi! Cứu tôi mấy!



Trương Phi đánh Đốc Bưu.

Huyền Đức vốn người nhân từ, trong lòng không nỡ, liền bảo Trương Phi không được đánh nữa.

Quan Công cũng chạy lại nói rằng:

- Huynh trưởng làm nên biết bao công lớn, chỉ mới được bổ chức huyện úy nhỏ mọn này. Nay lại còn bị thằng Đốc Bưu nó sỉ nhục. Tôi nghĩ cái bụi chông gai không phải là nơi chim loan hoàng đậu. Bất nhọc ta giết quách thằng Đốc Bưu này đi, rồi bỏ quan về làng, mưu tính việc lớn còn hơn.

Huyền Đức bèn đem thao ấn treo vào cổ Đốc Bưu mà mắng rằng:

- Cứ cái tội mày hại dân, đáng nên giết chết mới phải, nhưng tao hãy tạm tha cho mày. Thao ấn đây, tao trả chúng mày. Từ nay chúng tao không ở đây nữa.

Đốc Bưu được sống sót, về nói với quan thái thú Định-châu, quan thái thú tư giấy đi các nơi, sai người nã bắt anh em Huyền Đức.

Huyền Đức cùng Quan, Trương sang Đại-châu ở với Lưu Khôi. Khôi thấy Huyền Đức là người tôn thất nhà Hán, bèn giấu ở trong nhà, không cho ai biết.

Nói về mười tên thường-thị, trong tay đã giữ trọng quyền, bèn bàn tính với nhau: hễ ai không theo chúng đều giết đi cả. Triệu Trung, Trương Nhượng sai người đến yêu sách các tướng có công phá giặc khăn vàng ngày trước phải lễ vàng bạc mới được làm quan, bằng không thì tâu vua bắt bãi chức. Vì lẽ ấy mà Hoàng phủ Tung, Chu Tuấn không chịu dứt lót, đều bị bãi cả. Vua lại phong Triệu Trung làm sa-ky tướng quân, bọn Trương Nhượng mười ba người đều phong tước hầu, triều chánh mỗi ngày một suy đồi, nhân dân đều oán.

Bởi thế ở Trường-sa có Khu Tinh nổi loạn, ở Ngự-dương có Trương Thuần, Trương Cử làm phản. Cử tự xưng là

thiên-tử, Thuần xưng là đại tướng quân. Những tờ biểu cáo cấp gửi về triều nhiều như bướm bay, bọn thường-thị đều giấu cả, không tâu vua biết.

Một hôm vua đang cùng mười kẻ thường-thị uống rượu ở vườn hoa sau cung, bỗng thấy quan gián-nghị đại-phu Lưu Đào đi tắt đến trước mặt vua mà khóc. Vua hỏi vì có gì. Đào nói:

- Cái cơ thiên hạ nguy ngập đã hiện ra trước mắt, bệ hạ còn cứ vui say tỉnh với bọn yêm hoạn như thế ru?

Vua nói:

- Nhà nước yên ổn có việc gì mà nguy ngập?

- Tâu bệ hạ! Hiện nay giặc cướp nổi lên tứ tung, xâm chiếm khắp các châu quận, cái vạ ấy đều bởi mười đứa thường-thị bán quan hại dân, lừa dối quân thượng mà ra cả. Cho nên những người chính nhân quân tử bỏ đi hết cả. Đó là vạ nguy đã ở ngay trước mắt rồi còn gì?

Mười kẻ thường-thị đều phủ phục trước mặt vua, tâu rằng:

- Muôn tâu thánh thượng, quan đại thần đã không lượng bao dong, thì chúng tôi biết mình chẳng thoát. Cúi xin thánh thượng cho toàn tính mạng được về quê quán, tình nguyện đem hết gia sản giúp đỡ việc quân.

Nói đoạn đều khóc nức nở.

Vua cả giận mắng Đào rằng:

- Nhà ngươi cũng có người hầu hạ, sao không cho trăm có người hầu hạ?

Tức thì sai võ sĩ lôi Lưu Đào ra chém.

Lưu Đào vừa đi vừa kêu lớn rằng:

- Trời ôi! Đào này chết không đáng tiếc, chỉ tiếc cái cơ nghiệp nhà Hán hơn bốn trăm năm đến nay tiêu diệt trong khoảnh khắc!

Võ sĩ đem Lưu Đào ra, sắp hành hình thì có một quan đại thần nói to lên rằng:

- Khoan, không được hạ thủ vội, đợi ta vào can vua đã.

Chúng nhìn xem ai, thì là quan tư-đồ Trần Đàm.

Đàm đi tạt vào cung tâu rằng:

- Tâu bệ hạ! Chẳng hay Lưu gián-nghị can tội gì mà bị giết?

Vua phán:

- Nó dám gièm pha cận thần của trẫm, lại xúc phạm cả trẫm nữa.

Đàm tâu:

- Hiện thiên hạ ai cũng muốn nuốt sống ăn tươi nuốt tận thường-thị. Vậy mà bệ hạ kính nó như cha mẹ. Chúng không có một chút công nào mà được phong đến tước hầu. Hướng chỉ lữ Phong Tư kết liên với giặc khản vàng, toan làm tay trong cho chúng nó, bệ hạ cũng biết đấy. Nay nếu bệ hạ không tỉnh ngộ, xã tắc đến đổ mất.

Vua phán:

- Phong Tư làm loạn, sự đó mập mờ chưa rõ, còn trong bọn thường-thị mười người, há không có một hai người trung nghĩa hay sao?

Trần Đàm đập đầu xuống đất, cố can.

Vua nổi giận, sai lời Đàm ra, bắt bỏ ngục cùng với Lưu Đào.

Ngày đêm hôm ấy bọn thường-thị vào ngục giết cả hai người rồi giả làm chiếu chỉ nhà vua cử Tôn Kiên làm thái-thú Trường-sa và đem quân đi đánh Khu Tinh. Chưa đầy năm mươi ngày có tin báo thắng trận, khu Giang-hạ đều bình định cả. Vua xuống chiếu phong Kiên làm Ô-trình-hầu, phong Lưu Ngụ làm quan mục U-châu, đem quân đến

Ngư-dương đánh Trương Thuần, Trương Cử. Lưu Khôi được tin, bèn viết thư tiến dẫn Huyền Đức. Ngư mừng lắm, cử Huyền Đức làm quan đô-úy, đem quân đến tận tổ giặc, đánh mấy trận lớn, giặc bị thua luôn. Trương Thuần tính vốn hung bạo, không được lòng dân, bị tên thủ hạ chặt đầu đem nộp rồi dẫn quân ra hàng.

Trương Cử biết thế mình không sao địch nổi, cũng tự thất cổ chết.

Thế là cội Ngư-dương đều bình định cả.

Lưu Ngư dâng biểu tâu công lớn của Lưu Bị. Triều đình tha tội đánh Đốc Bưu và bổ làm quan thừa ở Hạ-mật, sau lại nhắc làm quan úy ở Cao-đường. Công tôn Toàn lại dâng biểu tâu công đánh giặc trước của Huyền Đức và tiến làm quan tư-mã, lĩnh chức huyện lệnh Bình-nguyên. Huyền Đức ở Bình-nguyên nhờ có lương tiền và quân mã, nên có vẻ phong quang dễ chịu hơn trước. Lưu Ngư cũng có công dẹp giặc, nên được thăng làm thái-úy.

Tháng tư, năm Trung Bình thứ sáu (189) vua Linh-đế bệnh nặng, triệu quan đại tướng quân Hà Tiến vào cung, bàn tính mọi việc quan trọng về sau.

Nguyên Hà Tiến vốn xuất thân con nhà hàng thịt, vì có em gái lấy vua, sinh được hoàng tử tên là Biện nên được lập làm hoàng hậu, và Tiến nhờ đó được quyền cao chức trọng.

Vua lại yêu mến một mỹ nhân nữa họ Vương, sinh được hoàng tử tên là Hiệp. Hà-hậu ghen ghét, bỏ thuốc độc giết Vương mỹ nhân, nên hoàng tử Hiệp phải nuôi ở trong cung Đồng thái-hậu.

Đồng thái-hậu là mẹ vua Linh-đế, nguyên là vợ Giải-độc đình-hầu Lưu Thường. Bởi khi trước vua Hoàn-đế không có con trai, phải đón con trai Giải-độc đình-hầu lên làm vua,

tức là vua Linh-đế. Linh-đế lên ngôi, bèn đón mẹ vào phụng dưỡng ở trong cung và tôn làm thái-hậu.

Đồng thái-hậu thường khuyên vua lập hoàng tử Hiệp làm thái tử để nối ngôi vua về sau. Vua cũng yêu Hiệp hơn, nên có ý muốn lập Hiệp. Lúc ấy bệnh vua đã nguy, trung-thường-thị là Kiến Thạc tâu rằng:

- Tâu bệ hạ! Việc này quan hệ rất lớn, nếu muốn lập hoàng tử Hiệp, trước hết xin giết Hà Tiến mới khỏi lo ngại về sau.

Vua lấy làm phải, giáng chỉ vời Tiến vào cung. Tiến vừa đi đến cửa cung, gặp quan tư-mã Phan Ân bảo Tiến rằng:

- Đừng vào cung, Kiến Thạc nó định mưu giết ông đấy!

Tiến cả sợ, vội về nhà, triệu các quan đại thần đến hội nghị, muốn giết hết cả bọn hoạn quan.

Một người đứng lên nói:

- Thế lực của bọn hoạn quan, gây ra tự đời vua Xung vua Chất, ngày nay lan rộng khắp cả trong triều, giết hết thế nào được. Nếu cơ mưu không kín, chết đến cả họ ngay, vậy xin nghĩ cho kỹ.

Tiến nhìn xem ai, thì là quan điển-quân hiệu-úy Tào Tháo.

Tiến mắng Tháo rằng:

- Trẻ con, biết đâu việc lớn của triều đình!

Đang lúc dùng dằng chưa quyết, Phan Ân chạy đến báo rằng:

- Linh-đế đã băng hà rồi, hiện Kiến Thạc đang bàn với mười kẻ thường-thị định giấu kín không phát tang. Một mặt giả làm chiếu chỉ, triệu Hà quốc-cữu vào cung, giết đi, rồi lập hoàng tử Hiệp lên ngôi vua.

Nói chưa dứt lời, có sứ giả đến triệu Tiến vào cung.

Tào Tháo nói:

- Việc cốt yếu bây giờ, phải lập vua trước đã, rồi sau hãy nói đến việc trừ giặc.

Tiến nói:

- Có ai dám cùng ta vào cung lập vua mới và đánh giặc không?

Một người đứng phát dậy nói rằng:

- Tôi xin đem năm nghìn tinh binh, chém khóa cửa cung vào lập vua mới, và giết hết bọn hoạn quan, quét sạch trong triều để yên thiên hạ.

Tiến nhìn xem, thì người ấy là con quan tư-đồ Viên Phùng, cháu Viên Ngỗi, tên là Thiệu, tên chữ là Bản Sơ, hiện làm quan tư-lệ hiệu-úy.

Tiến cả mừng, bèn điểm năm nghìn quân ngự lâm giao cho Viên Thiệu. Thiệu nai nịt đem quân đi trước. Hà Tiến dẫn bọn Hà Ngung, Tuân Du, Trịnh Thái, hơn ba mươi quan đại thần đi sau, cùng vào trong cung, đến trước linh cữu vua Linh-đế lập thái tử Biện lên làm vua. Các quan tung hô xong đầu gối, Viên Thiệu bèn đi vào cung bắt Kiển Thạc. Thạc kinh hoàng chạy nấp vào dưới bụi cây trong vườn ngự uyển, bị trung-thường-thị là Quách Thắng giết chết. Quân cấm binh do Thạc quản lĩnh đều hàng thuận hết cả. Viên Thiệu nói với Hà Tiến rằng:

- Bọn trung-quan trước kết đảng với nhau, bây giờ nên thừa thế giết cả đi.

Bọn Trương Nhượng biết tin, sợ hãi hết hồn, vội chạy vào cung van lạy tâu Hà-hậu rằng:

- Bầy mưu hại quốc-cữu trước đây chỉ có một mình Kiển Thạc, thực quả không dính dáng gì đến chúng tôi. Nay

quốc-cữu nghe lời Viên Thiệu, muốn giết hết cả chúng tôi, thật là oan quá, xin nương nương rủ lòng thương cứu cho.

Hà-hậu nói:

- Chúng mày đừng lo, ta sẽ bảo hộ cho.

Bèn giáng chỉ triệu Hà Tiến vào cung, khê bảo rằng:

- Anh em ta hàn vi từ thuở nhỏ, nếu không có bọn Trương Nhượng, sao có phú quý ngày nay? Nay thằng Kiển Thạc bất nhân đã bị giết rồi, sao anh còn tin lời người ta nói mà toan giết cả bọn hoạn quan?

Hà Tiến nghe đoạn, ra bảo các quan rằng:

- Kiển Thạc bày mưu hại ta đem giết cả họ nó đi. Còn những người khác đừng nên giết hại.

Viên Thiệu nói:

- Nhỏ cỏ không nhổ hết rễ, rồi có vạ đến mình!

Tiến nói:

- Ý ta đã quyết, người đừng nói lắm nữa.

Các quan đều lui về cả.

Hôm sau thái-hậu cho Hà Tiến tham xét công việc các bộ thượng thư, còn các người khác đều được thăng chức.

Đổng thái-hậu nghe biết chuyện, bèn cho vời bọn Trương Nhượng vào cung phán rằng:

- Con em thằng Hà Tiến, trước kia vì ta bao bọc cất nhắc cho nó mới được nên sung nên sướng. Ngày nay con nó lên ngôi hoàng-đế, các quan trong ngoài đều là vây cánh nó cả, uy thế nó to lắm, ta biết tính sao bây giờ?

Trương Nhượng nói:

- Tâu mẫu hậu, việc đó cũng dễ. Xin mẫu hậu cứ ra ngự triều đường, rủ mệnh mệnh coi xét việc chính, phong

hoàng-tử Hiệp lên tước vương, gia phong quốc cửu Đồng Trọng lên chức lớn coi giữ binh quyền, và trọng dụng bọn hạ thần thì việc lớn có thể mưu tính xong được.

Đồng thái-hậu cả mừng, sáng hôm sau lâm triều, giáng chỉ phong hoàng tử Hiệp làm Trấn lưu Vương. Đồng Trọng làm phiêu-ky tướng-quân. Bọn Trương Nhượng cũng đều được tham dự triều chính.

Hà thái-hậu thấy Đồng thái-hậu chuyên quyền, bèn sửa một tiệc yến ở trong cung, mời Đồng thái-hậu đến dự.

Giữa tiệc, Hà thái-hậu đứng dậy, nâng chén rượu vái hai vái mà thưa rằng:

- Chúng ta đều lũ đàn bà, không nên tham dự triều chính. Xưa bà Lã Hậu chỉ vì tham giữ trọng quyền, đến nỗi nghìn người trong họ đều bị giết. Nay chúng ta chỉ nên ở yên trong cung cấm, việc triều chính đã có các nguyên-lão đại-thần bàn tính với nhau. Thế mới là hạnh phúc cho nhà nước, cúi xin nương nương soi xét.

Đồng thái-hậu nổi giận mắng rằng:

- Mày đã đem lòng ghen ghét, đánh thuốc độc giết Vương mỹ-nhân. Nay mày cậy có con làm vua, cậy thế lực anh mày là thằng Hà Tiến, dám nói hỗn với tao à? Tao sai quan phiêu-ky (trở vào Đồng Trọng) chặt cổ anh mày để như trở bàn tay cho mày xem.

Hà-hậu cũng nổi xung cãi lại rằng:

- Ta đem lời phải khuyên can, mà lại trở mặt giận à?

Đồng thái-hậu càng tức, lại nhiếc móc Hà-hậu:

- Cái đồ nhà mày bán thịt, còn có kiến thức gì.

Hai người cãi nhau mãi, sau có bọn Trương Nhượng khuyên can, mới người nào về cung người ấy.

Đêm hôm ấy Hà-hậu triệu Hà Tiến vào cung, kể lại việc đã xảy ra. Tiến về mời các quan tam-công đến thương nghị.

Buổi chiều sáng hôm sau, Tiến xui các đình thần tâu rằng:

- Đồng thái-hậu nguyên là một vị phiến phi⁽¹⁾, không nên để ở lâu trong cung cấm. Xin dời ngay ra an-trí ở Hà-gian, hạn lập tức phải đi ngay!

Hà Tiến một mặt sai người đưa Đồng thái-hậu đi, một mặt phái quân cấm binh đến vây nhà phiêu-ky tướng-quân Đồng Trọng, đòi lấy ấn thụ. Đồng Trọng biết việc chẳng lành, liền tự vẫn. Lúc người nhà cất tiếng khóc, quân sĩ mới giải vây trở về.

Bọn Trương Nhượng, Đoàn Khuê thấy phe Đồng thái-hậu thất bại, bèn đem vàng ngọc, châu báu dứt lót em trai Hà Tiến là Hà Miêu và mẹ Tiến là Vũ dương Quân, nhờ vào nói khéo với Hà thái-hậu che chở cho. Bởi vậy mười tên thường-thị lại được tin dùng.

Tháng sáu năm ấy, Hà Tiến ngầm sai người đến Hà-gian đánh thuốc độc giết Đồng thái-hậu, đem linh cữu về kinh, táng ở Văn-lăng. Tiến cáo bệnh không đi đưa đám.

Một hôm quan tư-lệ hiệu-úy Viên Thiệu vào nói với Tiến rằng:

- Bọn Trương Nhượng, Đoàn Khuê đang đi nói phao lên rằng: "Ông đánh thuốc độc giết Đồng thái-hậu, để mưu việc lớn". Nếu bây giờ ông không giết ngay bọn chúng nó, tất có vạ lớn về sau. Xưa Đậu Vũ muốn trừ bọn yêm-hoạn trong cung, vì mưu mô không kín lại bị chúng giết, tức là cái gương sáng đó. Hiện giờ anh em vây cánh ông, đều là

(1) Phiến phi: vợ các tước vương tước hầu.

những tay anh tuấn, vả lại quyền ở trong tay, thật là cơ hội trời cho, không nên bỏ lỡ.

Tiến nói:

- Thông thả để sau sẽ bàn tính.

Mấy đứa tả hữu của Hà Tiến nghe lỏm được chuyện ấy, liền đi báo với Trương Nhượng. Bọn Trương Nhượng lại đem rất nhiều của báu lễ dút Hà Miêu. Miêu vào tâu Hà-hậu rằng:

- Đại tướng quân phò tá vua mới, không làm điều nhân từ, chỉ chăm chém giết. Nay tự nhiên vô cớ lại toan giết cả mười quan thường-thị, thật tự mình gây ra mầm loạn.

Hà-hậu cho là phải.

Một chốc Hà Tiến vào tâu xin giết bọn hoạn quan. Hậu nói:

- Bọn thường-thị coi sóc việc trong cung cấm, phép cũ nhà Hán từ xưa vẫn thế. Có sao tiên đế vừa mới châu trời mà người chỉ muốn giết những bấy tôi cũ. Thế không phải là tôn trọng sự thờ cúng đối với tiên đế!

Tiến vốn là một người dũ dờ không quyết đoán, nghe Hà thái-hậu nói vậy, vâng dạ luôn miệng rồi lui ra.

Viên Thiệu đứng đón ngoài cửa, hỏi rằng:

- Việc lớn ấy thế nào?

Tiến nói:

- Nhưng thái-hậu không nghe, thì làm thế nào?

Thiệu nói:

- Nên triệu những người anh hùng các nơi đem quân về kinh giết hết bọn yêm-hoạn này đi. Đến lúc việc đã cấp bách thì thái-hậu muốn chẳng nghe cũng chẳng được.

Tiến nói:

- Kế ấy diệu lắm!

Bèn truyền hịch đi các trấn, triệu các tướng lĩnh đem quân về kinh sư.

Quan chủ-bạ Trần Lâm can rằng:

- Việc ấy không nên. Tục ngữ có câu: “Bụng mất bắt chim”, ấy là mình tự dối mình. Việc nhỏ mọn cũng không thể tự dối mà làm xong, huống chi là việc lớn nước nhà? Nay tướng quân dựa uy vua, cầm quyền lớn, như rồng bay hổ nhảy, muốn làm thế nào cũng được. Việc giết bọn hoạn quan thật dễ không khác quạt lò than đốt mấy sợi tóc. Làm việc một cách quyền biến, quyết đoán ngay, phát động nhanh như sấm sét tức là thuận đạo trời và lòng người. Nay nếu triệu các quan ngoại-trấn, mỗi người một bụng, biết ai thế nào? Có khác đưa chuỗi dao cho người cầm mà mình cầm đằng lưỡi không? Như thế không những việc không thành mà lại sinh biến loạn nữa.

Tiến cười nói:

- Đó là kiến thức của hạng người hèn nhất!

Một người đứng lên vỗ tay cười lớn mà rằng:

- Việc ấy dễ như trở bàn tay, hà tất phải bàn cho lắm!

Chúng nhìn xem ai, người ấy chính là Tào Tháo.

Đó chính là:

Muốn giết tiểu nhân bên cạnh chúa,

Nên nghe trí sĩ ở trong triều.

Muốn biết Tào Tháo nói thế nào, xem hồi sau sẽ rõ.

HỒI THỨ BA

Tiệc Ôn-minh, Đồng Trác mắng Đinh Nguyên

Dùng vàng bạc, Lý Túc dụ Lã Bố

Lúc ấy Tào Tháo nói với Hà Tiến rằng:

- Cái vạ hoạn quan, đời nào cũng có, nên vua chúa các đời không nên trao quyền binh và tin dùng chúng để chúng hoành hành như ngày nay. Bây giờ muốn trị tội chúng, tưởng chỉ nên giết mấy đứa đầu đảng. Như vậy chỉ cần một kẻ coi ngục cũng đủ, hà tất phải triệu quân ngoài vào. Nếu muốn giết cả bọn chúng, cơ mưu tránh sao khỏi tiết lộ, tôi chắc công việc sẽ thất bại.

Hà Tiến tức giận mà rằng:

- Mạnh Đức cũng hai lòng sao?

Tháo lui ra ngoài nói: "Làm loạn thiên hạ tất là Hà Tiến".

Tiến không nghe lời Tháo, mật sai người đem chiếu chỉ đi gấp đến các trấn triệu quân vào kinh-sư.

Nói về quan tiền-tướng-quân, tước Ngao-hương-hầu sung chức thứ-sử Tây-lương là Đồng Trác, trước vì đánh giặc khản vàng bị thua, triều đình đã toan trị tội, bởi có dút lót mười kẻ thường-thị nên không can gì. Sau lại khéo kết giao với bọn quyền quý trong triều, làm đến chức lớn, thống lĩnh hai mươi vạn quân Tây-lương, vẫn có lòng phản nghịch. Bây giờ tiếp được chỉ triệu vào kinh, trong lòng hờn hở, liền điểm binh lục tục khởi hành, sai con rể là trung-

lang-tướng Ngưu Phu đóng giữ Thiểm-tây, hần tự đem bọn Lý Thôi, Quách Di, Trương Tế, Phàn Trù dẫn quân đến Lạc-dương. Trác lại có người rể nữa, vừa là mưu sĩ cho hần, tên là Lý Nho. Nho bảo Trác rằng:

- Nay tuy phụng chỉ vào kinh, biết đâu trong đó chẳng có nhiều điều ám muội? Chi bằng trước hãy sai người dâng biểu, cho danh nghĩa rõ ràng, mới có thể mưu toan việc lớn được.

Trác cả mừng, bèn sai thảo biểu dâng vào kinh trước.

Biểu rằng:

"Thiết tưởng thiên hạ đến nỗi loạn mãi thế này, đều bởi bọn hoạn quan Trương Nhượng khinh nhờn phép nước. Tôi nghĩ: muốn cho nỗi nước sôi khỏi dào ra ngoài, cần phải rút bớt củi; mở cái nhọt có chịu đau một lúc, mới khỏi nọc độc trong mình. Tôi xin bạo dạn gióng trống khua chuông dẫn quân vào Lạc-dương, để giết bọn Nhượng; được như thế xã tắc may lắm, thiên hạ may lắm".

Hà Tiến đem tờ biểu đưa các quan xem, có quan thị ngự-sử Trịnh Thái can rằng:

- Đồng Trác là giống sài lang, dẫn hần vào kinh, hần sẽ ăn thịt người.

Tiến nói:

- Anh đa nghi như thế, mưu việc lớn sao được?

Lư Thực cũng can rằng:

- Tôi vốn biết Đồng Trác là đứa mặt người dạ thú, hễ để cho hần vào chốn cấm đình, tất sinh tai vạ. Chi bằng ngăn cản cho hần dừng vào là hơn.

Tiến cũng không nghe.

Trịnh Thái, Lư Thực đều bỏ quan mà đi. Các quan đại thần trong triều cũng bỏ đi quá nửa.

Tiến sai người đón Đồng Trác ở Răn-trì, Trác đóng quân lại không tiến vội.

Bọn Trương Nhượng được tin quân ngoài kéo vào, cùng nhau bàn rằng:

- Đó là mưu của Hà Tiến, nếu chúng ta không hạ thủ trước, sẽ chết cả họ.

Bèn mai phục năm mươi tên đao phủ ở mé trong của Gia-đức, cung Trường-lạc, rồi vào tàu Hà thái-hậu rằng:

- Nay đại tướng quân giả làm chiếu chỉ, triệu quân ngoại trấn vào kinh, lập ý giết cả bọn chúng tôi, xin mẫu hậu rủ lòng thương cứu cho.

Thái hậu nói:

- Các ngươi nên đến dinh đại tướng quân mà tạ tội.

Nhượng nói:

- Tàu mẫu hậu, nếu chúng tôi đến tướng phủ, tất là thịt nát xương tan, còn sống sao được. Xin mẫu hậu tuyên triệu đại tướng quân vào cung mà dụ bảo cho. Nếu mẫu hậu không chút thương tình, thì chúng tôi xin chết ngay ở trước mặt mẫu hậu.

Thái-hậu bèn giáng chỉ triệu Tiến vào.

Tiến tiếp chỉ toan đi ngay.

Trần Lâm can rằng:

- Tờ chiếu này tất là mưu mô của mấy tên thường-thị, ông không nên đi, nếu đi tất có vạ lớn.

Tiến nói:

- Thái-hậu triệu ta, làm gì có tai vạ?

Viên Thiệu nói:

- Bây giờ mưu cơ đã lộ, tướng quân còn muốn vào cung hay sao?

Tào Tháo nói:

- Không gì bằng triệu ngay mười đứa thường-thị ra đây đã, rồi hãy vào!

Tiến cười nói:

- Đó là kiến thức của trẻ con. Hiện quyền bính thiên hạ ở trong tay ta, mấy đứa thường-thị dám làm gì nổi!

Thiệu nói:

- Nay ông đã định vào cung, chúng tôi xin đem quân hộ vệ để phòng sự bất trắc.

Viên Thiệu, Tào Tháo mỗi người kén năm trăm quân giao cho em Viên Thiệu là Viên Thuật thống lĩnh. Viên Thiệu nai nịt đầu dấy, dẫn quân dàn ở mé ngoài cửa Thanh-toả, Thiệu cùng Tháo đeo gươm đi kèm, hộ vệ Hà Tiến.

Tiến đi đến trước cửa cung Trường-lạc, hoàng-môn-quan truyền chỉ rằng: “Thái-hậu chỉ với một mình đại tướng quân vào thôi, còn người khác đều không được vào”. Thành ra bọn Viên Thiệu, Tào Tháo đều phải đứng ngoài cả. Một mình Tiến ngang nhiên vào cung. Vừa đi đến cửa Gia-đức, bọn Trương Nhượng quát mắng Tiến rằng:

- Đồng thái-hậu có tội gì mà mày đánh thuốc độc giết chết? Có sao dám tang quốc mẫu mày giả tảng ốm không đi đưa? Mày vốn giống dê hèn, làm nghề mổ lợn bán thịt, chúng tao tiến cử đến vua mới được vinh hiển. Đã không báo ơn thì chớ, lại định mưu hại chúng tao? Mày bảo chúng tao là phường ngu trọc, vậy ai là người thanh cao?

Tiến hoảng sợ muốn tìm lối ra, cửa cung đã đóng hết, bọn đao phủ ồ ra, chém Tiến đứt làm hai đoạn.

Đời sau có thơ than rằng:

*Nhà Hán thương ôi! Vận đã cùng!
Mưu gì Hà Tiến lại tam-công?
Mấy phen chẳng biết nghe lời phải
Thoát khỏi làm sao kiếm cửa cung?*

Viên Thiệu chờ mãi không thấy Tiến ra, bèn gọi lớn lên rằng: “Mời tướng quân ra về”.

Bọn Trương Nhượng đem thủ cấp Hà Tiến từ trên tường ném ra tuyên dụ rằng:

- Hà Tiến mưu phản đã bị giết rồi. Còn những kẻ bị Tiến bắt ép phải theo, đều tha cho cả.

Viên Thiệu cất tiếng hô lớn lên rằng:

- Bọn hoạn quan dám giết đại thần. Ai muốn giết chúng nó mau mau vào đây trợ chiến.

Bộ-tướng của Hà Tiến là Ngô Khuông bèn phóng hoả đốt cửa Thanh-toà. Viên Thiệu dẫn binh sẵn vào cung, hễ gặp đứa hoạn quan nào cũng giết hết cả. Viên Thiệu, Tào Tháo phá cửa vào được trong cung, gặp Triệu Trung, Trình Khoáng, Hạ Huy, Quách Thắng, đuổi đến trước lầu Thúy-hoa, lấy kiếm vằm ra như bùn.

Bấy giờ trong cung lửa cháy lưng trời. Bọn Trương Nhượng, Đoàn Khuê, Tào Tiết, Hầu Lãm, bắt ép thái hậu, thái tử cùng Trần lưu Vương đi vào nội-sảnh rồi lên đường sau chạy đi Bắc-cung. Lư Thực dầu bỏ quan, nhưng chưa đi nơi khác, sức thấy trong cung có biến, bèn mặc giáp cầm giáo, đang đứng ở dưới gác, xa trông thấy Đoàn Khuê đang giục thái-hậu đi mau, bèn hét lớn lên rằng:

- Thằng Khuê kia! Sao dám bắt ép thái-hậu đi đâu?

Đoàn Khuê bỏ chạy, thái-hậu tự trong cửa sổ nhảy ra, Thực vội đến cứu được thoát.

Ngô Khuông đánh vào nội đình, gặp Hà Miêu cầm gươm đi ra, Khuông hô lớn lên rằng:

- Thằng Miêu thông mưu giết anh, nên giết đi thôi.

Chúng đều nói:

- Phải, phải, chém thằng giặc giết anh ấy đi!

Miêu sợ cuống toan chạy, bị bốn mặt vây kín, chém như ra như bột.

Thiếu sai quân chia ra từng bọn đi giết gia quyến mười đứa thường thị, bất cứ già trẻ lớn bé đều giết hết cả, thành ra có nhiều kẻ không có râu bị giết lầm.

Tào Tháo một mặt cứu hoả trong cung, mời Hà thái-hậu tạm coi quyền chính, một mặt sai quân đuổi theo bọn Trương Nhượng và tìm vua Thiếu-đế.

Nhắc lại bọn Trương Nhượng, Đoàn Khuê ức hiếp vua Thiếu-đế và Trần lưu Vương xông pha khói lửa, đêm chạy đến núi Bắc-mang. Vào khoảng canh hai, bỗng nghe phía sau có tiếng người ngựa reo hò theo đuổi, viên tướng đi đầu là quan trung-bộ duyệt-lại ở Hà-nam tên gọi Mẫn Cống hô lớn lên rằng: “Thằng nghịch tặc kia chớ chạy”.

Trương Nhượng thấy nguy cấp quá liền đâm đầu xuống sông tự tử.

Thiếu-đế cùng Trần lưu Vương chưa rõ lãnh dữ thế nào, đành phải nín hơi nấp vào trong bụi cỏ ở bờ sông, quân sĩ tìm hết tứ phía vẫn không biết vua ở đâu.

Hai anh em vua phục trong bụi cỏ mãi đến canh tư, sương xuống lạnh buốt cả người, trong lòng đói khát, ôm nhau mà khóc, nhưng sợ có người biết, chỉ nuốt nước mắt khóc ngấm trong bụi rậm.

Trần lưu Vương nói:

- Chỗ này không nên ở mãi, phải đi tìm đường khác mới sống.

Nói đoạn hai người nắm áo nhau bỏ trên bờ sông. Chỗ ấy gai góc rất nhiều, trong đêm tối đường đi không rõ, đương lúc bối rối không biết tính sao, bỗng thấy một đàn đom đóm hàng trăm nghìn con kéo đến, lập loè bay quanh trước mặt vua.

Trần lưu Vương nói:

- Đó là trời giúp anh em ta!

Bèn đi theo ánh sáng đom đóm, dần dần trông thấy đường cái. Đi đến canh năm đau chân quá không thể bước đi được nữa. Bèn sườn núi có một đồng cỏ, anh em vua bèn nằm quay ra đó.

Trước mặt đồng cỏ là một cái trại. Chủ trại đêm hôm ấy nằm mộng thấy hai vầng mặt trời sa xuống sau nhà, giật mình tỉnh dậy, khoác áo ra trông, thấy trên đồng cỏ bốc lên một luồng khí sáng xông lên tận trời, rất lấy làm lạ, vội chạy ra xem tận nơi, thấy có hai người nằm trên đồng cỏ, liền hỏi:

- Hai cậu con cái nhà ai?

Thiếu-đế sợ không dám cất tiếng.

Trần lưu Vương trở vào Thiếu-đế nói rằng:

- Đây chính là hoàng đế bây giờ, gặp loạn mười đứa thường-thị, phải trốn đến đây; còn ta là hoàng-đệ Trần lưu Vương.

Chủ trại sợ hãi, lạy hai lạy tâu rằng:

- Hạ thần là em tư-đồ Thôi Liệt ngày trước, tên gọi Thôi Nghị, vì thấy bọn thường-thị bán quan hại nước, ghét bỏ người hiền, nên về ẩn ở đây.

Bèn đưa hai anh em Thiếu-đế đi vào trong nhà, đem rượu cơm dâng tiến.

Nhắc lại, khi Mẫn Cống đuổi bắt được Đoàn Khuê, hỏi vua ở đâu, Khuê nói đến dọc đường bị lạc, nên không biết. Cống bèn giết Khuê, cắt đầu treo vào cổ ngựa, rồi sai quan đi các nơi tìm vua, còn Cống một mình tự đi tìm một lối. Tình cờ đi đến ngay nhà Thôi Nghị.

Thôi Nghị thấy dưới cổ ngựa có cái đầu người, liền hỏi. Cống thuật lại đầu đuôi. Nghị bèn dẫn Cống vào trong nhà làm lễ triều kiến, vua tôi cùng nhau khóc lóc một hồi. Cống tâu rằng:

- Trong nước không thể một ngày không có vua, xin bề hạ về kinh ngay cho.

Bấy giờ trong nhà Thôi Nghị chỉ có một con ngựa gầy, đem ra vua ngự. Mẫn Cống cùng Trần lưu Vương cùng cưỡi một con ngựa, khởi hành về kinh.

Đi chưa được ba dặm, thì gặp tư-đồ Vương Doãn, thái-úy Dương Bưu, tả-quân hiệu-úy Thuần vu Quỳnh, hữu-quân hiệu-úy Triệu Manh, hậu-quân hiệu-úy Pháo Tín và trung-quân hiệu-úy Viên Thiệu, tất cả vài trăm người ngựa kéo đến nghênh tiếp xa giá, vua tôi đều nhìn nhau mà khóc. Một chốc sai đem thủ cấp Đoàn Khuê về kinh trước bêu lên làm lệnh, rồi đổi hai con ngựa tốt để vua và Trần lưu Vương cưỡi cùng về kinh sư.

Trước đây ít lâu, trẻ con ở kinh thành Lạc-dương thường hát mấy câu như sau:

*"Đế chẳng ra đế
Vương chẳng ra vương
Xe xe ngựa ngựa
Chạy ra Bắc-mang."*

Đến bây giờ quả là ứng nghiệm.

Xa giá vừa đi được vài dặm, bỗng thấy cờ kéo rợp trời,

bụi bay mờ đất, một đoàn binh mã kéo đến. Các quan thất sắc, vua cũng kinh hoàng. Viên Thiệu tể ngựa ra thét hỏi:

- Binh mã nào đấy?

Dưới bóng ngọn cờ thêu, một tướng phi ngựa ra hỏi lại rằng:

- Vua đâu?

Thiếu-đế sợ run không nói được. Trần lưu Vương sấn ngựa ra mắng rằng:

- Anh là người nào?

Tướng ấy đáp:

- Thứ-sử Tây-lương Đồng Trác!

Trần lưu Vương hỏi vặn:

- Anh đến đây hộ giá hay cướp giá?

- Tôi cốt đến hộ giá.

- Đã đến hộ giá, sao hoàng đế ở kia, anh không xuống ngựa?

Trác cả sợ, vội vàng xuống ngựa, thụp lạy ở bên cạnh đường. Trần lưu Vương lấy lời phủ dụ. Trác, từ đấy ăn nói giữ gìn trước sau không hó điều gì, trong bụng rất thần phục Trần lưu Vương, đã có ý bỏ vua nọ lập vua kia tự đó.

Ngày hôm ấy, vua về đến kinh, vào cung bái kiến Hà thái-hậu, mẹ con than khóc cùng nhau. Lúc kiểm điểm trong cung, không biết cái ấn ngọc truyền quốc biến đi đâu mất.

Đồng Trác đóng đồn ở ngoài thành, hàng ngày đem quân thiết giáp vào trong thành, đi nghênh ngang các phố, nhân dân rất là sợ hãi. Trác lại tự do vào ra chỗ cung cấm, không kiêng sợ gì cả.

Hậu-quân hiệu-úy Pháo Tín đến chơi Viên Thiệu bàn với Thiệu rằng:

- Đồng Trác muốn như có bụng khác, phải trừ ngay đi.

Thiệu nói:

- Triều đình vừa mới được yên, không nên khinh động.

Pháo Tín lại đến bàn với Vương Doãn. Doãn nói:

- Để rồi sẽ bàn.

Pháo Tín thấy không ai nghe mình, bèn đem quân bản bộ đến đóng ở Thái-sơn. Đồng Trác chiêu dụ những quân bộ hạ của anh em Hà Tiến về cả tay mình, rồi bàn mãnh với Lý Nho rằng:

- Ta muốn bỏ Thiếu-đế, lập Trần lưu Vương, có nên không?

Lý Nho nói:

- Nên lắm. Nay đang lúc triều đình vô chủ, nên làm ngay mới được, nếu để chậm sẽ sinh biến. Ngày mai nên triệu các quan hội họp ở trong vườn Ôn-minh, đem việc phế lập ra hiểu dụ. Ai không nghe thì chém; nắm được uy quyền, chính ở lúc này.

Trác mừng lắm, sáng hôm sau mở tiệc yến rất lớn, mời tất cả các công khanh đến. Ai cũng sợ Đồng Trác cho nên không thiếu mặt nào.

Trác chờ các quan đến đã đông đủ, mới lững thững đến cửa vườn, xuống ngựa đeo gươm vào tiệc.

Rượu được vài tuần, Trác truyền lệnh dừng chén, nghỉ âm nhạc, rồi nói lớn lên rằng:

- Các quan hãy im lặng, nghe ta nói một câu chuyện: "Vua là chủ tể thiên hạ, không có uy nghi không thể nào tôn phụng tôn miếu và xã tắc. Nay hoàng thượng nhu nhược, không bằng Trần lưu Vương thông minh ham học, xứng đáng ngôi rồng. Vậy ý ta muốn bỏ vua Thiếu-đế, lập Trần lưu Vương, các quan nghĩ sao?"

Các quan nghe đoạn, yên lặng nhìn nhau, không ai dám nói câu gì cả.

Bổng có một người ngồi trong tiệc đẩy ghế đứng dậy, nói lớn lên rằng:

- Không được! Không được! Mày là thằng nào, dám nói càn rỡ như vậy? Hoàng thượng là con cả đức Tiên-đế, xưa nay không chút lầm lỗi, sao bỗng dưng dám nói bỏ người nọ lập người kia! Mày muốn phản nghịch chẳng?

Trác nhìn xem mới biết người ấy là quan thứ-sử Kinh-châu tên gọi Đinh Nguyên. Trác nổi giận quát lên rằng:

- Ai theo ta thì sống, ai chống ta thì chết!

Bèn rút gươm toan chém Đinh Nguyên.

Bấy giờ Lý Nho thấy một người đứng sau lưng Đinh Nguyên, khí vũ hiên ngang, uy phong lẫm lẫm, tay cầm cái phương-thiên họa-kích, có vẻ tức giận trừng mắt mà nhìn, vội vàng đứng dậy nói rằng:

- Hôm nay trong tiệc ăn uống, không nên bàn đến việc nước. Xin đến sáng mai họp bàn tại nhà nghị sự thì hơn!

Mọi người đều khuyên Đinh Nguyên lên ngựa về nhà.

Trác lại hỏi các quan rằng:

- Ta nói thế có hợp lẽ không?

Lư Thực nói:

- Ông lầm rồi! Xưa vua Thái Giáp không minh, Y Doãn đuổi ra Đồng-cung; vua Xương Ấp lên ngôi vua mới có 27 ngày mà làm hơn 30 điều ác, nên Hoắc Quang phải làm lễ cáo nhà thái-miếu mà bỏ đi. Ngày nay vua dầu còn trẻ tuổi, song vốn thông minh nhân từ, chưa có một chút lỗi lầm. Ông chẳng qua thứ-sử đường ngoài, chưa tham dự việc

nước, lại không có tài lớn như Hoắc Quang, Y Doãn, sao dám cả gan bàn đến việc bỏ vua nọ lập vua kia? Thánh nhân nói rằng: “Có chí như Y Doãn thì hay, bằng không có chí ấy mà làm thì là thoán nghịch”.

Trác cả giận, rút gươm sấn đến toan chém Lư Thực, quan nghị-lang là Bành Bá can rằng:

- Lư thượng-thư là người có danh vọng lớn ở trong thiên hạ, nếu đem giết đi, e rằng thiên hạ không phục!

Trác mới thôi.

Quan tư-đồ là Vương Doãn nói tiếp rằng:

- Việc phế lập không nên bàn sau khi uống rượu say. Xin để ngày khác lại bàn.

Các quan đều giải tán.

Lúc ấy Trác còn chống gươm đứng giữa cửa vườn, bỗng thấy một người cầm kích phi ngựa ở ngoài cửa. Trác hỏi Lý Nho:

- Người nào đấy?

Nho nói:

- Đây là con nuôi Đinh Nguyên, họ Lã tên Bố, chữ là Phụng Tiên, chúa công hãy nên tạm tránh đi.

Trác bèn lẩn trốn vào trong vườn.

Sáng hôm sau có tin báo Đinh Nguyên dẫn quân đến ngoài thành thách đánh. Trác nổi giận, cùng Lý Nho dẫn quân ra đối địch.

Thấy Lã Bố đầu búi tóc đội mũ kim-quan, mình mặc áo chiến-bào thêu trăm hoa, ngoài phủ giáp đường-nghe, thắt dây bảo-dối, phóng ngựa múa kích, theo Đinh Nguyên ra trước trận.

Đinh Nguyên trở vào mặt Đồng Trác mắng rằng:

- Nhà nước không may bị bọn yêm-hoạn lộng quyền, đến nỗi nhân dân lầm than. Mày không có chút công cán gì, sao dám mở mồm nói việc phế lập để loạn triều đình?

Đồng Trác chưa kịp trả lời, Lã Bố đã phi ngựa sấn sang. Đồng Trác hoảng chạy, Đinh Nguyên thúc quân đánh tràn, quân Trác thua to, phải lui hơn ba mươi dặm đóng trại. Trác bàn với các tướng rằng:

- Ta xem Lã Bố là kẻ tài giỏi phi thường, nếu được người ấy về với ta, lo gì không được thiên hạ!

Một người ở dưới trướng bước ra thưa rằng:

- Chúa công lo chi điều ấy! Tôi vốn cùng làng với Lã Bố, hắn là người chỉ có sức khoẻ mà không có mưu, thấy lợi thì quên nghĩa. Tôi quyết xin ba tác lưởi nói cho Lã Bố chấp tay về với chúa công!

Trác cả mừng nhìn xem, người ấy là hổ-bôn trung-lang-tướng Lý Túc. Trác bèn hỏi:

- Làm thế nào để dụ hắn?

Túc nói:

- Tôi nghe chúa công có một con ngựa tốt tên là Xích-thố, mỗi ngày đi ngàn dặm. Nếu được con ngựa ấy và thêm một số vàng ngọc, lấy lợi dụ hắn, hắn sẽ phản Đinh Nguyên về với chúa công.

Trác quay lại hỏi Lý Nho rằng:

- Lời nói ấy có dùng được không?

Nho nói:

- Chúa công muốn lấy thiên hạ, thì tiếc gì một con ngựa.

Trác vui vẻ cho ngựa, lại cho thêm một nghìn lạng vàng, vài chục hạt châu, và một cái đai bằng ngọc. Lý Túc nhận

các món ấy đem sang trại quân Lã Bố, bị quân canh đường vây bắt, Túc bảo rằng:

- Các người vào bẩm Lã tướng quân, có người bạn cũ đến thăm đấy.

Lã Bố sai mời vào.

Túc hỏi Bố rằng:

- Lâu nay hiền đệ vẫn được bình yên?

Lã Bố chấp tay thưa rằng:

- Lâu lắm mới gặp nhau, vậy chớ bây giờ anh ở đâu?

Túc nói:

- Tôi hiện làm chức hổ-bôn trung-lang-tướng, nghe tin hiền đệ trở tài giúp nước, tôi mừng rỡ vô cùng. Nhân có một con ngựa tốt, ngày đi ngàn dặm, lội nước trèo núi như chạy đường phẳng, gọi là ngựa Xích-thố, thành tâm đem dâng hiền đệ, thêm giúp oai hùng.

Lã Bố sai dắt lại xem, quả nhiên toàn thân con ngựa ấy một màu đỏ như lửa, tuyệt không có cái lông nào tạp, từ đầu đến đuôi dài một trượng, từ móng lên trán cao tám thước, lúc miệng gặm chân cật, có cái vể tung mây vượt bể.

Đời sau có người vịnh thơ khen ngựa Xích-thố rằng:

*Ngàn dặm mù bay tít nẻo xa,
Trèo non vượt nước khéo xông pha!
Cương tơ chắt đứt, rung chuông ngọc,
Rồng đỏ trên trời hắt mới xa!*

Lã Bố trông thấy ngựa mừng lắm, tạ rằng:

- Anh cho con ngựa hay như thế, biết lấy gì đáp lại.

Túc nói:

- Tôi vì nghĩa đến đây, dám mong gì báo đáp!

Lã Bố sai làm rượu thết đãi. Rượu đã ngà say, Túc nói:

- Tôi với hiền đệ ít khi gặp nhau, nhưng được gặp lệnh tôn luôn.

Lã Bố nói:

- Anh say rồi, cha tôi quy ẩn đã lâu, sao còn hội diện được với anh?

Túc cả cười mà rằng:

- Tôi đã say đâu, tôi nói lệnh tôn là nói Đinh thứ-sử đó!

Bố có ý hổ thẹn nói rằng:

- Tôi ở với ông Đinh kiến Dương, cũng là bất đắc dĩ.

Túc nói:

- Hiền đệ có tài ngang trời dọc đất, bốn bể ai chẳng quý trọng, phú quý công danh, coi dễ như thò tay lấy của ở trong túi, sao lại nói là bất đắc dĩ mà cam chịu khuất ở dưới người ta?

Bố thở dài nói:

- Tôi chỉ giận chưa gặp được thầy.

Túc cười nói:

- Chim khôn chọn cây mà đậu, người hiền chọn chúa mà thờ; nếu không sớm liệu cơ, ngày sau hối sao kịp?

- Anh xem ở trong triều, coi ai đáng mặt anh hùng đời nay?

- Tôi xem các quan đại thần bây giờ không ai bằng được Đồng Trác. Đồng Trác tôn người hiền, kính kẻ sĩ, thưởng phạt công minh, chắc sau này làm nên nghiệp lớn.

Bố hăm hở nói:

- Quả vậy, tôi muốn về với ông ta, chỉ hiềm chưa có đường lối.

Túc bèn đem vàng, hạt châu và cái đai ngọc bày la liệt ở trước mặt Lã Bố. Lã Bố kinh hãi hỏi rằng: "Sao có những thứ này". Túc sai tả hữu lui cả, rồi bảo Lã Bố rằng:

- Đây là Đồng-công mộ đại danh đã lâu, bảo tôi thân đem các vật này đến dâng hiến đệ; con ngựa Xích-thố cũng của Đồng-công kính tặng.

Lã Bố nói:

- Đồng-công có lòng quá yêu, tôi biết lấy gì đáp lại?

Túc nói:

- Bất tài như tôi còn làm đến chức hủ-bôn trung-lang-tướng. Nếu ông về với Đồng-công thì quý hiển chưa biết chừng nào.

Lã Bố nói:

- Nhưng tôi không có chút công gì làm lễ tiến kiến?

Túc nói:

- Muốn có công cũng dễ lắm, chỉ trở bàn tay là được. Chỉ sợ ông không chịu làm thôi!

Lã Bố ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói:

- Tôi muốn giết Đinh Nguyên, dẫn quân về hàng Đồng Trác, có nên không?

Túc nói:

- Làm được như thế, thật là công rất lớn. Nhưng việc phải quả quyết làm ngay mới được.

Lã Bố hẹn đến hôm sau thì đem quân lại hàng.

Túc từ biệt về.

Đêm hôm ấy, hồi canh hai, Lã Bố cầm dao, vào thẳng màn Đinh Nguyên. Ông này đang thắp đèn xem sách, thấy Lã Bố đến ông hỏi:

- Con đến có việc chi đó, con?

Bố nổi giận quát:

- Ta đây, đường đường một đấng trượng phu, có đâu chịu làm con mày!

Nguyên nói:

- Phụng Tiên, vì có gì thay lòng đổi dạ như thế?

Lã Bố bước thẳng lên, giơ dao chém Nguyên một nhát, chặt lấy đầu rồi gọi lớn tả hữu bảo rằng:

- Đinh Nguyên bất nhân, ta đã giết nó rồi. Ai theo ta thì ở đây, không theo thì đi!

Quân sĩ tan đi quá một nửa.

Ngày hôm sau, Lã Bố cầm đầu Đinh Nguyên đến Lý Túc, Túc đưa vào ra mắt Đồng Trác. Trác mừng lắm, làm rượu thiết đãi, sụp xuống lạy Lã Bố trước nói rằng:

- Trác nay được tướng quân, ví như lúa nắng lâu mà được trận mưa ngọt!

Lã Bố rước Trác ngồi lên, lạy mà nói rằng:

- Ngài có bụng yêu, tôi xin thờ ngài làm nghĩa-phụ.

Trác lấy áo cẩm-bào dát vàng đem ra cho Lã Bố, uống rượu vui vẻ, rồi tan.

Đồng Trác tự đẩy uy thế mỗi ngày một lớn; tự lĩnh chức tiền-tướng-quân, phong cho em là Đồng Mân làm tả-tướng-quân, tước Vu-hầu; phong Lã Bố làm kỵ-dô-ủy, trung-lang-tướng, tước Đô-dinh-hầu.

Lý Nho khuyên Trác định ngay việc phế lập.

Trác bèn đặt một tiệc yến ở trong dinh, mời cả các công khanh đến; sai Lã Bố đem hơn một nghìn quân giáp sĩ, canh gác hai bên.

Hôm ấy quan thái-phó Viên Ngỗi và trăm quan đều đến. Uống rượu được vài tuần, Trác cầm gươm nói rằng:

- Nay vua ngu yếu, không thờ được tôn-miếu; ta muốn theo Y Doãn, Hoắc Quang ngày xưa, bỏ vua cho ra làm

Hoàng nông Vương, và lập Trần lưu Vương lên nối nghiệp.
Ai không theo, ta chém!

Quần thần run sợ, không ai dám đáp lại, duy có quan
trung-quân hiệu-úy là Viên Thiệu đứng vụt lên nói:

- Thiên tử mới lên ngôi, không làm điều gì thất đức, mà
dâm bôn bỏ con đích lập con thứ, định làm phản hay sao?

Trác giặc đáp lại:

- Việc thiên hạ ở trong tay tao, nay tao làm đấy! Ai dám
không nghe? Mà xem lưỡi gươm tao sắc hay không sắc?

Viên Thiệu cũng rút gươm ra nói rằng:

- Gươm này sắc, để gươm tao không sắc hay sao?

Hai người đối địch nhau ở ngay trên tiệc rượu.

Thế rõ thực là:

Đinh Nguyên trượng nghĩa thân vừa chết,

Viên Thiệu tranh hùng thế cũng nguy!

Chưa biết tính mạng Viên Thiệu thế nào, xem hồi sau
thì biết rõ.

HỒI THỨ TƯ

**Bỏ Hán-đế, Trần Lưu lên ngôi,
Lừa Đồng-tặc, Mạnh Đức dâng kiếm.**

Đồng Trác muốn giết Viên Thiệu, Lý Nho can rằng:

- Việc chưa định xong không nên giết càn.

Viên Thiệu tay cầm thanh bảo kiếm, cáo từ các quan trở ra, treo trả cờ tiết ở cửa Đông rồi chạy về Ký-châu.

Trác bảo với quan thái-phó Viên Ngỗi rằng:

- Cháu người vô lễ, ta tha cho nó cũng là nể người... Việc bỏ vua lập Trần Lưu, người nghĩ thế nào?

Ngỗi thưa rằng:

- Thái-úy nghĩ thế phải đấy!

Trác lại nói:

- Ai dám ngăn trở việc lớn này, thì ta sẽ lấy phép quân trị tội.

Các quan sợ hãi, đều nói:

- Ngài dạy thế xin vâng!

Cuộc yến tan, Trác hỏi quan thị-trung là Chu-Bật, và quan hiệu-úy Ngũ Quỳnh rằng:

- Viên Thiệu phen này đi, rồi sẽ ra sao?

Chu Bật đáp:

- Viên Thiệu cảm giận mà đi. Hễ truy nã riết quá tất sinh biến. Vả lại họ Viên, đã bốn đời làm quan đến bậc tam công, thiên hạ được nhờ nhiều lắm; học trò, đầy tớ đâu đâu cũng có. Nếu hấn thu dùng hào kiệt, họp tập đồ đảng, rồi

những anh hùng ở trong thiên hạ nhân đó khởi lên, đất Sơn-dông sẽ không ở trong tay ông nữa. Không bằng ông tha tội hần, cho hần một chức quận thú gì đấy, thì hần mừng được khỏi tội, sẽ không gây ra hậu hoạn nữa.

Ngũ Quỳnh nói:

- Viên Thiệu là người thích mưu kế, nhưng không quyết đoán. Không đáng lo cho lắm. Bất nhược cứ cho hần một chức quận-thú để thu phục lòng dân!

Trác nghe lấy làm phải, ngay hôm ấy sai người đến phong cho Thiệu làm thái-thú quận Bột-hải.

Đến mừng một tháng chín, Trác rước vua ra ngự đến Ôn-dức, họp hết cả văn võ lại.

Trác tay cầm gương nói rằng:

- Thiên tử ngu yếu, không trị vì được, nay có một bài sách-văn đọc cho các quan nghe.

Rồi sai Lý Nho tuyên đọc:

"Vua Hiếu-linh mất sớm,

Vua sau nối ngôi, bốn bề ai ai cũng trông mong.

Nay xét ra vua ta, chất mỏng mảnh, uy nghi không được nghiêm chỉnh, ở tang biếng nhác, đức xấu đã rõ, không xứng ngôi lớn.

Hoàng thái-hậu không có mẫu-nghi, cầm chính rối loạn. Việc bà Vinh Lạc thái-hậu mất, dân chúng có nhiều dị nghị. Đối với Đạo tam cương, và giường Giời Đất, phải chăng có thiếu sót nhiều?

Trần lưu Vương tên Hiệp, đức hạnh nghiêm trang; khuôn phép kính cẩn; cư tang thương xót; nói năng chính đính; nhờ hay tiếng tốt, thiên hạ ai ai cũng biết.

Nên nối ngôi vua, làm phép cho vạn thế!

Nay phế vua ra làm Hoàng nông Vương, thái-hậu thì phải trả quyền chính.

*Xin tôn Trần lưu Vương lên làm hoàng đế,
Ứng thiên, thuận nhân, để yên bụng thiên hạ!”*

Lý Nho đọc xong bài chiếu, Trác thét tả hữu vực vua xuống điện, lột tì thụ, bắt quý, ngoảnh mặt về phương bắc, xung thần nghe chiếu: lại bắt Hà thái-hậu, cởi đồ phẩm-phục ra mà đợi chiếu.

Vua và thái-hậu kêu khóc, quần thần trông thấy ai cũng xót xa bi thảm.

Lúc ấy ở dưới thêm có một viên quan to, tức tối thét to lên rằng:

- Thăng giặc Đồng Trác kia, mày dám lập mưu lừa trời dối đất, tao lấy máu cổ họng bôi vào mặt mày bây giờ!

Nói rồi cầm cái hốt ngà xông thẳng vào đánh Đồng Trác.

Trác giận lắm, sai vũ sĩ bắt lại xem ai, thì là quan thượng-thư Đinh Quân. Trác sai đem ra chém. Quân cứ luôn mồm chửi mắng Đồng Trác cho đến lúc chết, chết rồi, thân sắc vẫn như lúc sống.

Người sau có bài thơ than rằng:

*Giặc Đồng lòng mang dạ khuyển lang;
Cơ đồ nhà Hán đổ tan hoang,
Trong triều vẫn vô môn cấm cá!
Chỉ có Đinh-công thực giỏi giang;*

Trác mời Trần lưu Vương lên điện. Quần thần làm lễ mừng xong rồi, Trác sai bắt Hà thái-hậu, vua và vợ vua là Đường-thị giam ở cung Vinh-an, khóa cửa cung, cấm quần thần không ai được vào thăm.

Thương thay! Thiếu-đế mới lên ngôi tháng tư, đến tháng chín phải phế.

Trần lưu Vương, nhờ Trác được lên ngôi trời, vốn tên là Hiệp, tên chữ là Bá Hòa, là con thứ vua Linh-đế, tức là

Hiển-đế về sau. Lúc lập lên, Hiển-đế mới lên chín tuổi, cải nguyên là Sơ Bình.

Đồng Trác làm tướng quốc, lậy vua không phải xưng tên, vào chầu không phải bước rào, lên điện được đeo guơm, tác uy tác phúc, không ai bì được.

Lý Nho khuyên Trác nên dùng những người có danh vọng để thu phục lòng người; nhân thể Lý Nho bảo Trác nên dùng Sái Ung. Trác cho vời Sái Ung, Ung không chịu đến. Trác giận sai người bảo Ung: “Hễ không đến thì giết cả họ”. Ung sợ, phải đến. Trác thấy Ung đến, mừng lắm, một tháng thăng chức ba lần, làm đến chức thị-trung, Trác rất hậu đãi.

Thiếu-đế, Hà thái-hậu và Đường-phi bị giam ở cung Vinh-an, đồ ăn, thức mặc, mỗi ngày một kém. Thiếu-đế không lúc nào ráo nước mắt.

Một hôm Thiếu-đế trông thấy hai con chim én bay ở trong sân, ngâm một bài thơ rằng:

*Xanh xanh khúm cổ dày!
Cặp én phát phơ bay!
Trong veo một dòng nước.
Xanh biếc mấy từng mây!
Tình cảnh nghĩ thêm chán.
Cung đền nhớ đâu đây.
Biết ai kẻ trung nghĩa,
Gỡ cho oán hận này?*

Đồng Trác thường thường sai người đến dò ý tứ; hôm ấy có kẻ bắt được bài thơ đem trình Đồng Trác. Trác nói rằng:

- Làm bài thơ oán vọng này, đem giết đi có cơ rồi!

Bèn sai Lý Nho và mười người vũ sĩ vào cung giết vua.

Vua và Đường-phi dương ở trên lầu, thấy người cung nữ báo rằng có Lý Nho đến, vua sợ giật mình.

Nho đem rượu thuốc độc, dâng vua.

Vua hỏi việc gì. Nho thưa:

- Ngày xuân mát mẻ, Đồng tướng quốc sai tôi đem dâng chén rượu thọ.

Thái-hậu bảo Lý Nho:

- Có phải rượu thọ thì mày thử uống trước đi!

Nho giận lắm, hỏi vua:

- Mày không uống phải không?

Rồi gọi ngay tả hữu cầm con dao với tấm lụa, để trước mặt vua, mà nói rằng:

- Rượu thọ chẳng uống, thì phải chọn hai thứ này.

Đường-phi quỳ xuống nói rằng:

- Thiếp xin thay vua uống chén rượu này, xin ngài để toàn mệnh cho hai mẹ con vua.

Lý Nho quát mắng:

- Mày là đứa nào, mà dám đòi chết thay vua?

Nho cầm chén rượu đưa cho Hà thái-hậu và bảo rằng:

- Mày phải uống trước đi!

Hà-hậu nhiec mắng Hà Tiến là đồ vô mưu, đem giắc vào kinh sư, để có cái vạ ngày nay.

Nho bức vua phải uống rượu.

Vua nói:

- Hãy khoan! Để ta cùng thái-hậu từ biệt đã.

Vua đau xót lắm, làm bài ca như sau:

Giời đất chao, giăng sao cũng đổ,

Bỏ ngôi cao, ra chỗ phiên phong.

Bởi ai nên sự lạ lùng?

Việc đời ngán ngẩm, rờn rờn châu tuôn.

Đường-phi cũng làm bài ca rằng:

Giời nghiêng đất lại lở tan!

Phận mình, cơ thiếp, trái oan lạ thường!

Tử sinh nay đã khác đường

Một người một bóng xót thương tấm lòng!

Vua và Đường-phi ca rồi, ôm nhau mà khóc, Lý Nho lại quát mắng:

- Tướng quốc đứng chờ tin! Chúng bay dùng dằng để mong ai cứu đây?

Thái-hậu thét mắng rằng:

- Thằng giặc Đông kia! Mày hại mẹ con tao, rồi trời lại hại mày! Chúng bay từng đảng làm điều ác, rồi chúng bay bị giết cả họ cho mà xem!

Nho tức lắm, hai tay lôi tuột thái-hậu xuống dưới lầu, giết chết; lại sai vũ sĩ thắt cổ Đường-phi, rót rượu độc bắt Thiếu-đế uống chết; rồi về báo Đông Trác.

Trác sai đem táng ba mẹ con ở ngoài thành.

Trác tự bấy giờ, đêm nào cũng vào cung, thông dâm với các cung nữ, đêm thì lên ngủ trên sập rồng.

Thường thường Trác hay đem quân ra ngoài thành. Một bữa đi đến Dương-thành. Bấy giờ đang tháng hai, dân xã hội hát; con trai con gái tụ họp nhau xem hội đông. Trác sai quân vây cả lại, rồi giết sạch; cướp đàn bà con gái và của cải chất đầy xe, treo hơn một nghìn đầu lâu ở dưới xe nối đuôi nhau kéo về kinh đô, nói phao lên rằng đi đánh giặc thắng trận. Đốt đầu lâu người ở dưới cửa thành, còn đàn bà con gái và của cải đem chia cho quân sĩ.

Quan Việt-ky hiệu-úy tên là Ngũ Phu, tên chữ là Đức Du, thấy Đông Trác tàn bạo quá, tức giận lắm, thường mặc áo giáp nhỏ vào trong áo đại-trào, giắt một con dao ngắn, rình tiện dịp để giết Trác.

Một hôm Trác vào châu, Phu ra đón. Lúc Trác đến dưới gác, rút dao ra đâm, không ngờ sức Trác khoẻ hơn, hai tay ôm chặt được Phu. Lã Bố trông thấy, chạy lại lôi Phu ra vật ngã xuống. Trác hỏi Ngũ Phu rằng:

- Ai xui mày làm phản?

Phu trợn mắt thét mắng rằng:

- Mày không phải là vua tao, tao không phải là tôi mày, sao lại gọi là phản được? Tội mày đầy trời, ai ai là chẳng muốn giết mày? Tao tiếc rằng không xé nhỏ được xác mày ra để tạ thiên hạ!

Trác tức lắm, sai đem Ngũ Phu ra mổ. Phu cứ mắng chửi Đồng Trác không buông miệng cho đến lúc chết.

Đời sau có thơ khen Ngũ Phu rằng:

Ngũ Phu này cũng bậc anh hùng!

Tiết liệt xem ai được thế không?

Đánh giặc, hãy còn danh tiếng để,

Nghìn thu vẫn vẹn mảnh gương "trung".

Đồng Trác từ khi ấy ra vào thường đem quân giáp sĩ để hộ vệ.

Viên Thiệu bấy giờ ở Bột-hải, nghe thấy Trác lộng quyền, sai người đưa mật thư cho tư-đồ Vương Doãn, thư rằng:

"Giặc Trác dõng trời bỏ chúa. Người ta đau xót đến nỗi không nỡ nói, thế mà ông cứ mặc kệ, để nó lãng ngược như con cá nhảy vượt qua đặng, làm thình như không nghe không thấy, sao gọi là người trung thần ái quốc? Thiệu nay chiêu tập binh mã, cũng muốn vì nhà vua, quét sạch quân giặc; nhưng chưa dám khinh động. Ông nếu cùng lòng với tôi, xin tìm cơ hội lo tính ngay đi. Có việc gì sai khiến, tôi xin vâng mệnh."

Vương Doãn được thư, nghĩ mãi không tìm được kế gì. Một hôm đang lúc chầu ở nội-các, Doãn thấy ở đó có đủ mặt các cựu thần, bèn nói với các quan rằng:

- Hôm nay là ngày sinh nhật lão phu. Đến chiều xin mời các quan quá bước đến nhà lão phu xơi rượu.

Các quan đều nhận lời, hẹn đến chiều sẽ đến chúc thọ.

Chiều hôm ấy Doãn mở tiệc ở hậu-đường. Các quan đến cả. Khi uống rượu được vài tuần, Doãn tự nhiên che mặt hu hu khóc.

Các quan giạt mình hỏi rằng:

- Nay là ngày sinh nhật của quan tư-đồ, sao ngài lại khóc như vậy?

Doãn thưa rằng:

- Nay có phải là ngày sinh nhật của tôi đâu! Vì có một việc muốn nói với các vị, nhưng sợ Đồng Trác sinh nghi, cho nên mượn cớ nói thác ra thế. Thăng Trác đối vua lộng quyền, xã tắc nay mai đổ mất. Đức Cao Hoàng ngày xưa đánh nhà Tần diệt nước Sở, bao nhiêu công phu mới nên được cơ đồ này, ngờ đâu nay mất vào tay thằng Đồng Trác. Tôi khóc là vì thế.

Các quan nghe nói cũng đều khóc cả.

Trong đám ngồi có một người, vỗ tay cười âm lên mà nói rằng:

- Các quan thủ khóc từ tối đến sáng, lại khóc từ sáng đến tối, có khóc chết được thằng Đồng Trác không?

Doãn ngoảnh lại xem ai, người ấy là kiêu-ky hiệu-úy Tào Tháo. Doãn giận nói rằng:

- Tổ tôn nhà ngươi cũng ăn lộc nhà Hán, nay ngươi không biết nghĩ báo quốc, lại nhân rằng ra mà cười à!

Tháo nói:

- Tôi cười, có phải cười gì đâu! Cười là cười các quan không biết nghĩ kế gì trừ được thằng Đổng Trác. Tháo nay tuy không có tài cán gì, nhưng xin lập tức chặt được đầu thằng Đổng Trác, treo ở cửa chợ để tạ thiên hạ.

Doãn liền đứng dậy hỏi rằng:

- Mạnh Đức có kế gì tài thế?

Tháo nói:

- Tôi lâu nay sở dĩ khuất thân thờ Đổng Trác cũng là vì muốn thừa cơ giết nó. Nay nó đã hơi tin tôi, tôi được gần nó luôn. Nghe quan tư đồ có con dao thất-bảo, xin cho tôi mượn. Tôi nguyện phen này vào tận tướng phủ đâm chết thằng giặc Đổng Trác, đầu chết cũng không oán hận gì.

Vương Doãn mừng lắm nói rằng:

- Nếu Mạnh Đức có bụng như thế, thực là may cho thiên hạ lắm!

Doãn thân hành rót chén rượu mời Tào Tháo. Tháo đổ rượu, cất lời thề, Doãn bèn đem dao thất-bảo đưa cho. Tháo uống rượu xong, giắt dao đứng dậy đi ra. Các quan ngồi một lát rồi cũng về cả.

Hôm sau Tháo giắt dao đến tướng phủ, hỏi: “Thưa tướng ngồi đâu?” Dây tó nói: “Ngồi trong gác”. Tháo vào thấy Trác ngồi trên giường; Lã Bố đứng hầu bên cạnh.

Trác thấy Tào Tháo vào hỏi rằng:

- Mạnh Đức sao nay đến chậm thế?

Tháo nói:

- Thưa, ngựa gãy hóa đi chậm.

Trác ngoảnh lại bảo Lã Bố rằng:

- Ta có ngựa tốt ở Tây-lương mới tiến. Phụng Tiên đi chọn một con đem lại đây cho Mạnh Đức.

Bố vâng lời đi lấy ngựa. Tháo thấy còn một mình Trác, bụng đã bảo dạ rằng:

- Thằng này số nó đến lúc chết đây!

Lập tức muốn rút dao đâm ngay, lại sợ Trác khỏe chưa dám đâm vội.

Trác mình mập to béo, xưa nay không ngồi được lâu, bèn ngã mình nằm xuống, ngoảnh mặt vào trong. Tháo lại nghĩ rằng:

- Thằng này thực số chết!

Liên rút dao ra, chọc đâm. Không ngờ Trác trông vào trong cái gương, thấy bóng Tào Tháo rút dao ra sau lưng, vội vàng quay đầu lại hỏi:

- Mạnh Đức làm gì thế?

Bấy giờ Lã Bố vừa dắt ngựa đến ngoài gác. Tháo tay đương cầm con dao, quỳ ngay xuống thưa:

- Tôi có con dao quý lắm, xin dâng thừa tướng.

Trác cầm lấy dao xem, thấy dao dài hơn một thước, cán bằng ngọc thất bảo, lưỡi thực sắc, quả là dao quý bèn đưa cho Lã Bố cất đi. Tháo còn đeo vỏ dao ở lưng, liền cởi ra, đưa nốt cho Lã Bố.

Trác đem Tháo ra xem ngựa. Tháo tạ rồi xin phép đem ngựa ra cưỡi thử. Trác sai đem yên, cương đóng ngựa cho Tháo. Tháo dắt ngựa ra ngoài cửa tướng phủ, lên yên, rồi ra roi đi nước đại, thẳng hướng đông nam mà chạy.

Tào Tháo đi khỏi, Lã Bố nói với Trác rằng:

- Vừa rồi tôi trông Tào Tháo hình như có ý muốn đâm trộm thái-sư! Thái-sư trông thấy, nó mới nói lảng ra là đến dâng dao!

Trác nói:

- Ta cũng hơi nghi.

Đang nói chuyện thì Lý Nho ở đâu đến. Trác hỏi Lý Nho. Nho nói:

- Tháo không có vợ con gì ở kinh, chỉ trọ một mình ở trọ, nay sai người đến gọi. Hắn đến ngay thì quả là hắn dâng dao thật, nếu thoái thác không đến, thì đích là thích khách. Lúc bấy giờ ta sẽ bắt mà hỏi.

Trác liền sai bốn người coi ngục đi gọi Tào Tháo. Lính đi một hồi lâu rồi trở về trình rằng:

- Tháo không về trọ. Có người gặp hắn cười ngựa ra cửa Đông. Lính canh hỏi đi đâu, thì hắn nói rằng thừa tướng sai đi có việc gấp, rồi tể ngựa đi thẳng.

Nho nói:

- Thôi! Không còn nghi ngờ gì nữa, nó chột dạ chạy đi trốn, tất là có bụng hành thích.

Trác nói:

- Ta tin dùng nó thế, sao nó lại muốn hại ta?

Nho thưa:

- Tất nhiên nó có người đồng mưu. Bắt được Tào Tháo thì ra cả.

Trác liền tư đi các nơi, chỗ nào cũng vẽ hình ảnh Tào Tháo, ai bắt được sẽ thưởng nghìn vàng, lại phong cho làm hầu-vạn-hộ; ai chứa chấp sẽ trị tội.

Trong khi ấy, Tháo cầm đầu cấm cố chạy. Chạy đến Tiêu-quận, đi qua huyện Trung-mâu, bị quân canh cửa thành bắt được, đem nộp quan huyện. Tháo khai là khách buôn, họ là Hoàng-phủ.

Quan huyện nhìn kỹ Tháo, nghỉ ngơi một lúc rồi nói:

- Trước ta cầu quan ở Lạc-dương đã được gặp người, chính người là Tào Tháo, người nói dối sao được? Lính đâu, hãy đem giam xuống trại, đến mai ta sẽ giải về kinh lĩnh thưởng.

Quan huyện nói thế rồi cho quân canh cửa thành cơm no rượu say rồi về.

Đến nửa đêm, quan huyện sai người thân tín, xuống gọi Tào Tháo lên, bảo đem vào nhà sau để hỏi. Đến lúc Tháo vào, quan huyện hỏi rằng:

- Ta nghe quan thừa tướng hậu đãi ngươi, sao ngươi lại tự chuốc lấy vạ vào thân?

Tháo nói:

- Ngươi như chim sẻ biết đâu được chí chim hồng! Đã bắt được ta thì cứ đem nộp mà lấy công, hà tất phải hỏi nhiều.

Quan huyện bèn đuổi cả tả hữu đi rồi bảo Tháo rằng:

- Anh đừng coi thường tôi. Tôi đây không phải là bọn tục lại đâu... Chưa gặp được chủ đây thôi!

Tháo nói:

- Ông cha ta, đời đời ăn lộc nhà Hán. Nếu không biết nghĩ báo quốc, khác gì giống muông thú! Ta phải khuất thân thờ thẳng Đồng Trác, là muốn tìm cơ hội thuận tiện giết nó. Nay việc không xong, cũng là lòng trời.

Quan huyện nói:

- Mạnh Đức bây giờ định đi đâu?

Tháo nói:

- Ta muốn về làng ta; phát tờ kiếu-chiếu⁽¹⁾, vờ cả chư hầu trong thiên hạ; khởi binh giết Đồng Trác. Ấy là sở nguyện của ta!

Quan huyện nghe nói, bèn cỡi trời cho Tháo, mời ngồi lên trên thục xuống lạy hai lạy mà nói rằng:

- Ông thực là người trung nghĩa ở đời này!

(1) Tờ chiếu tự làm ra, không phải chính tự vua ban ra.

Tháo cũng lạy đáp lại, rồi hỏi tên họ, quan huyện nói:

- Tôi họ Trần, tên Cung, tên chữ là Công Đài; tôi có mẹ già và vợ con ở Đông-quận. Nay cảm bụng trung nghĩa của ông, xin bỏ chức quan này, theo ông đi trốn.

Tháo mừng lắm. Ngay đêm hôm ấy, Trần Cung thu xếp hành trang và lộ phí, cả hai người thay quần áo, mỗi người đeo một thanh gươm, cưỡi một con ngựa, đi về quê Tào Tháo.

Đi được ba hôm đến Thành-cao, trời đã xâm xẩm tối. Tháo cầm roi ngựa, trở vào một đám cây cối bùm tum bảo Cung rằng:

- Ở trong này có Lã bá Sa là bạn kết nghĩa với cha tôi. Tôi muốn vào hỏi thăm tin nhà, rồi ngủ đây một đêm, nên không?

Cung nói:

- Thế thì hay lắm!

Hai người, đến cửa xuống ngựa vào chào Lã bá Sa. Sa hỏi Tháo rằng:

- Ta nghe triều đình tẩm nã anh cấp lăm. Cha anh phải lánh sang ở Trần-lưu rồi. Sao anh đến được đây?

Tháo bèn đem chuyện đầu đuôi kể với Lã bá Sa, rồi lại trở vào Trần Cung nói:

- Nếu không gặp được quan huyện đây, thì bây giờ đã thịt nát xương tan rồi.

Lã bá Sa vái Trần Cung rồi nói:

- Cháu nó không gặp được ngài, thì họ Tào còn gì! Đêm nay xin ngài hãy thông thả nghỉ lại đây.

Nói xong, đứng dậy vào trong nhà, một chốc trở ra, bảo Trần Cung:

- Nhà tôi không có rượu ngon. Để tôi sang xóm tây, mua một bình rượu ngon về uống.

Nói rồi lật đật cuời lửa ra đi.

Tháo với Cung ngồi ở nhà, chợt nghe thấy sau nhà có tiếng mài dao. Tháo bảo Trần Cung rằng:

- Lã bá Sa đối với tôi không thân thiết gì lắm. Chuyện này đáng nghi đấy!

Hai người sẽ rón rén bước vào sau nhà tranh, chỉ nghe thấy có tiếng người nói:

- Trói lại mà giết!

Tháo bảo Trần Cung:

- Phải rồi! Nếu ta không hạ thủ trước, thì sẽ bị bắt.

Tháo và Cung hai người cùng rút gươm đi thẳng vào, gặp người nào trong nhà giết người ấy; giết một lúc tám người. Tìm đến trong bếp, chỉ thấy một con lợn trói bốn vó sắp chộc tiết.

Cung giật mình nói:

- Mạnh Đức ơi! Đa nghi quá, giết nhầm phải người tử tế rồi.

Hai người vội vàng trở ra lên ngựa đi. Đi được độ hai dặm gặp Lã bá Sa cuời lửa về, trước yên, treo hai lọ rượu, tay xách một nắm rau quả. Sa hỏi hai người rằng:

- Hiền-diệt với sứ-quân sao lại đi?

Tháo nói:

- Tôi là người có tội, không dám ở lâu.

Lã bá Sa nói:

- Ta đã dặn người nhà làm thịt con lợn rồi. Sứ-quân với hiền-diệt ngại gì một đêm. Xin quay ngay ngựa lại cho!

Tháo cứ tể ngựa đi. Đi được vài bước, rút gươm ra, quay ngựa trở lại, gọi Lã bá Sa hỏi:

- Ai đi đằng sau ông đấy?

Sa quay đầu lại xem, Tháo chém ngay, Sa ngã xuống chết.

Cung cả sợ hỏi Tháo:

- Lúc này nhâm dã đành. Bây giờ sao lại đang tay như thế?

Tháo nói:

- Bá Sa về nhà, thấy nhiều người chết, tất nhiên không để im, nếu đem người đi đuổi thì ta bị vạ ngay.

Cung nói:

- Biết rằng mình nhâm rồi, lại còn cố ý giết người nữa, thực là đại bất nghĩa!

Tháo nói:

- Thà rằng ta phụ người, còn hơn để người phụ ta.

Cung im lặng, không nói gì nữa.

Đêm trăng sáng rọi rọi, hai người cứ phóng ngựa đi. Đi được vài dặm, vào nhà hàng ngủ. Cho ngựa ăn no, Tháo đi ngủ trước.

Cung suy nghĩ:

- Ta cũng tưởng Tào Tháo là người tốt, cho nên bỏ quan đi theo. Ai ngờ nó là hạng người tàn nhẫn. Nay để nó sống ở đời, tất có ngày gây vạ lớn.

Nghĩ vậy bèn toan rút gươm giết Tào Tháo...

Ấy rõ thực là:

Mang tâm hiểm độc người dẫu thế?

Trác, Tháo hai tên cũng một phường!

Chưa biết Tào Tháo sống chết thế nào, xem đến hồi sau sẽ tỏ.

HỒI THỨ NĂM

**Phát kiếu chiếu, các trấn ứng Tào-công;
Phá quan binh, ba ông đánh Lã Bố.**

Trần Cung muốn giết Tào Tháo, nhưng lại nghĩ rằng:

“Ta theo nó cũng là vị nước, nếu bây giờ giết nó e rằng bất nghĩa. Không bằng bỏ nó, đi nơi khác”.

Nói rồi lại cài gươm, lên ngựa không đợi trời sáng đi thẳng về Đông-quận.

Tháo dậy, không thấy Trần Cung, nghĩ bụng:

- Người này thấy ta nói mấy câu, tưởng ta là đứa bất nhân, nên bỏ ta mà đi. Ta nên đi ngay, không thể ở đây lâu.

Suốt đêm hôm ấy Tháo đi, đến Trần-lưu, tìm thấy bố, thuật lại sự tình với bố, muốn đem gia tài bán đi để mộ nghĩa binh.

Tào Tung nói:

- Gia tư nhà ta không có mấy tí. Cha e không đủ để kham nổi việc lớn. Ở đây có ông Vệ Hoảng, đỗ khoa Hiếu liêm, là người khinh tài trọng nghĩa, nhà giàu, nếu được ông ấy giúp con, thì việc lớn có thể mưu đồ được.

Tháo bèn đặt một tiệc rượu, mời Vệ Hoảng đến nhà, nói với Hoảng rằng:

- Nay nhà Hán vô chủ; Đông Trác lộng quyền; dối vua hại dân; thiên hạ ai ai cũng nghiêng rường tức giận. Tôi muốn hết lòng giúp nước, hiềm vì sức không đủ. Ngài là người trung nghĩa, rất mong ngài giúp đỡ.

Vệ Hoàng nói:

- Tôi có lòng ấy đã lâu, giận rằng chưa gặp ai là người anh hùng. Nay Mạnh Đức đã có chí lớn, tôi xin đem hết của cải ra giúp.

Tào Tháo mừng lắm làm ngay tờ kiếu chiếu phát đi các đạo, rồi dựng một lá cờ trắng, đề hai chữ: “TRUNG NGHĨA” để chiêu binh tập mã.

Không được mấy ngày, thiên hạ kéo đến ứng mộ đông như nước chảy.

Một bữa có người ở Dương-bình, tên là Nhạc Tiến, tên chữ là Văn Khiêm; lại có người ở Cự-lộc tên là Lý Điển, tên chữ là Nam Thành, hai người đến xin theo, Tháo đều cho làm chân tay dưới trướng.

Lại có người nữa, người nước Bái, tên là Hạ hầu Đôn, tên chữ là Nguyễn Nhượng, nguyên là dòng dõi Hạ hầu Anh ngày xưa; từ khi nhỏ đã tập đánh gậy; đến năm 14 tuổi đã theo thầy học võ. Có người chửi thầy, Đôn giết người ấy rồi trốn sang nơi khác ở. Bấy giờ nghe thấy Tào Tháo khởi binh, Đôn cùng với một người em họ, tên là Hạ hầu Uyên, đem một nghìn tráng sĩ lại họp với quân Tháo.

Hai người ấy vốn là anh em cùng họ với Tào Tháo, vì Tháo nguyên cũng là họ Hạ-hầu, tại bố Tháo là Tào Tung vào làm con nuôi họ Tào, nên mới đổi ra là họ Tào.

Được vài ngày nữa, lại có hai người họ Tào, Tào Nhân, Tào Hồng cũng đem hơn một nghìn quân lại giúp.

Tào Nhân, tên chữ là Tử Hiếu; Tào Hồng tên chữ là Tử Liêm, hai người cung mã đều thạo, võ nghệ tinh thông. Tháo mừng lắm, ngày ngày ở trong thôn luyện tập quân mã.

Vệ Hoàng đem hết cả gia tài, sắm sửa cờ quạt, và may



Tào Tháo

áo giáp. Bốn phương lại đưa lương thực đến, không biết ngân nào mà kể.

Bấy giờ Viên Thiệu bắt được kiêu-chiếu của Tào Tháo, bèn tụ hội văn vũ, đem ba vạn quân ở Bột-hải sang hội với quân Tào Tháo.

Tháo bèn làm một bài hịch gửi đi các quận. Hịch rằng:

"Anh em Tào Tháo chúng tôi kính đem nghĩa lớn, bá cáo cả nước:

*Tặc thân Đông Trác, lừa đất dôi trời, giết vua phá nước;
ô uế chôn cung cấm, tàn hại kẻ sinh dân. Bao ngược bất
nhân, tội ác chồng chất!*

*Nay vâng tờ mật chiếu của thiên tử, họp quân nghĩa
binh, thể rằng quét sạch cả trong ngoài, giết trừ mọi quân
hung bạo; rất mong các nơi đều dậy nghĩa binh, cùng hã
lòng công phần để giúp vua cứu chúng.*

Hịch này đến nơi, lập tức thi hành”.

Sau khi tờ hịch của Tào đã phát đi, chư hầu các trấn đều
khởi binh hưởng ứng:

- 1- Viên Thuật hậu-tướng-quân làm thái-thú Nam-dương.
- 2- Hàn Phúc, thứ-sử Ký-châu.
- 3- Khổng Du, thứ-sử Dự-châu.
- 4- Lưu Đại, thứ-sử Duyện-châu.
- 5- Vương Khuông, thái-thú Hà-nội.
- 6- Trương Mặc, thái-thú Trần-lưu.
- 7- Kiều Mạo, thái-thú Đông-quận.
- 8- Viên Dị, thái-thú Sơn-dương.
- 9- Pháo Tín, tướng ở Tế-bắc.
- 10- Khổng Dung, thái-thú Bắc-hải.
- 11- Trương Siêu, thái-thú Quảng-lãng.
- 12- Đào Khiêm, thứ-sử Từ-châu.
- 13- Mã Đằng, thái-thú Tây-lương.
- 14- Công-tôn-Toản, thái-thú Bắc-bình.
- 15- Trương Dương, thái-thú Thượng-đẳng.
- 16- Tôn Kiên, Ô-trình-hầu, thái-thú Trảng-sa.
- 17- Viên Thiệu, Kỳ-hương-hầu, thái thú Bội-hải.

Quân mã các trấn, nơi nhiều nơi ít, trấn thì ba vạn, trấn thì một hai vạn, đều đem các văn quan võ tướng, kéo đến Lạc-dương.

Đây nói chuyện thái thú Bắc-bình là Công tôn Toàn đem một vạn rưỡi quân, khi đi qua huyện Bình-nguyên, ở châu Đức, trông thấy ở đằng xa xa, trong đám cây dâu, có một lá cờ vàng, với vài người kỵ mã đến đón. Trông xem ai hóa ra Lưu Bị.

Toàn hỏi:

- Hiền đệ sao lại ở đây?

Lưu Bị thưa:

- Ngày trước em nhờ anh được cử làm huyện lệnh Bình-nguyên, nay nghe thấy đại quân qua đây, nên em lại hầu. Xin anh hãy vào thành nghỉ ngựa.

Toàn thấy có mấy người đi theo Lưu Bị, trở hỏi mấy người ấy là ai. Lưu Bị nói:

- Đây là Quan Vũ, Trương Phi, hai người anh em kết nghĩa với tôi đó.

Toàn hỏi có phải hai người ấy là hai người cùng phá giặc khăn vàng hay không? Huyền Đức nói:

- Phá giặc khăn vàng chính là công hai người này cả!

Toàn hỏi hiện bây giờ hai người làm chức gì? Huyền Đức thưa:

- Quan Vũ làm tay mã cung; Trương Phi làm tay bộ cung.

Toàn than rằng:

- Như thế quả là mai một anh hùng! Nay Đồng Trác làm loạn, chư hầu cùng đề binh đến đánh. Hiền đệ bỏ quách một chức quan nhỏ này, cùng với tôi đi đánh giặc giúp nhà Hán. Nên không?

Lưu Bị vâng xin đi ngay.

Trương Phi nghe thấy tên Đổng Trác, nói rằng:

- Khi trước giá để tôi giết ngay thành giặc ấy đi, không đến nỗi còn có việc ngày nay.

Quan Vũ nói:

- Bây giờ việc đã như thế, ta nên thu xếp đi ngay thôi.

Lưu Bị cùng Quan, Trương liền đem vài ba người lính kỵ, theo Công tôn Toản đi. Tào Tháo ra tiếp. Các chư hầu cũng lục tục kéo đến cả, mỗi người đóng trại một chỗ, liên tiếp nhau hơn ba trăm dặm đất.

Tào Tháo giết trâu mổ ngựa, hội cả mười tám chư hầu bàn việc tiến binh.

Thái thú là Vương Khuông nói rằng:

- Nay làm việc đại nghĩa, nên lập minh chủ, để mọi người vâng theo hiệu lệnh, rồi sẽ tiến binh.

Tháo nói:

- Viên Bản Sơ nhà bốn đời làm tam-công, lại có nhiều đầy tớ cũ; nguyên là con cháu danh tướng nhà Hán. Nên cử y làm minh chủ.

Thiệu hai ba lần từ chối, nhưng mọi người đều nói:

- Phi Bản Sơ không xong!

Thiệu mới vâng lời.

Hôm sau lập một cái đàn ba từng, chung quanh cắm cờ ngũ phương, từng trên dựng một lá cờ tuyết-mao trắng, một cây hoàng-việt; bình-phù tướng-ấn đủ cả; mời Thiệu lên đàn. Thiệu mặc áo chỉnh tề, đeo gươm lên đàn, đốt hương lễ hai lễ, rồi đọc lời thề:

"Nhà Hán chẳng may; giường vua đứt mối. Tặc-thần Đổng Trác, thừa thế làm ác, vạ đến ngôi vua, hại ra trăm họ.

Anh em chúng tôi là Thiệu... sợ rằng xã-tắc đâm mắt nên phải tụ họp nghĩa-binh, cùng nhau cứu nạn nước.

Phàm đã là người đồng minh, ai cũng phải dốc lòng hết sức để giữ lấy đạo làm tôi, không được hai lòng.

Ai trái lời thề này, không được toàn vẹn!

Xin trời đất tổ tôn chứng giám cho."

Thiệu đọc xong, các tướng đều uống máu ăn thề. Mọi người nghe thấy lời nói khảng khái, ai cũng nước mắt chứa chan.

Thề xong xuống đàn. Thiệu lên trưởng ngôi, chư hầu hai bên theo chúc tụng và tuổi chia định ngôi thứ. Tháo đứng dậy mời rượu. Rượu uống được vài tuần, Tháo nói:

- Nay đã lập minh chủ rồi, chúng ta đều phải vâng nghe điều khiển, cùng giúp việc nước. Không ai được cậy khoẻ cậy tài ganh tị nhau.

Viên Thiệu nói

- Thiệu tuy bất tài, nhưng đã được các quan cất làm minh chủ, xin hết sức công minh; ai có công phải thưởng; ai có tội phải phạt. Nước có hình, quân có phép, nên cùng giữ gìn, đừng ai vi phạm.

Các tướng đều nói:

- Chúng tôi xin vâng lệnh.

Thiệu lại nói:

- Em ta là Viên Thuật, coi việc lương thảo, ứng cấp các trại không được thiếu thốn. Sau nữa xin chọn lấy một người làm tiên phong, đi thẳng ngay vào cửa Dĩ-thủy khiêu chiến; còn các tướng khác phải chia nhau giữ các chốn hiểm yếu, để làm tiếp ứng.

Thái-thú Trảng-sa, tên là Tôn Kiên, bước lên, xin đi tiên phong.

Thiệu nói:

- **Phải** đấy! Văn Đài hùng mạnh, có thể đảm đang chức ấy.

Kiên liền dẫn quân mã của bản bộ mình, kéo đến cửa Di-thủy. Quân canh cửa vội vàng chạy ngựa trạm về phủ thừa tướng cáo cấp.

Đồng Trác từ khi chuyên quyền, ngày nào cũng yến tiệc vui say. Lý Nho tiếp được tờ cáo cấp, vào bẩm với Trác. Trác thất kinh vội vàng họp các tướng sĩ bàn bạc. Lã Bố thưa rằng:

- Lo chi việc ấy, thưa cha! Những chư hầu đóng ở ngoài cửa ải, con coi như cỏ rác cả. Con xin đem quân hổ lang, chém hết đầu chúng treo dưới cửa đó.

Trác mừng mà nói rằng:

- Ta được Phụng Tiên, nằm cao không lo gì nữa.

Nói chưa dứt lời, sau lưng Lã Bố có một người ra nói to lên rằng:

- Cắt tiết gà, lọ là phải dùng đến dao mổ trâu, không phải phiên đến Lã Ôn-hầu, tôi xin ra chém hết đầu chúng nó, dễ như lấy đồ ở trong túi.

Trác nhìn xem: người ấy thân cao chín thước, mình hổ lưng lang, đầu beo tay vượn, là người Quan-tây, họ Hoa, tên Hùng.

Trác nghe nói thế, thích chí lắm, cho ngay làm kiêu-ky hiệu-ủy, đem năm vạn quân mã bộ cùng với Lý Túc, Hồ Chấn, Triệu Xảo đi suốt ngày đêm ra cửa quan nghênh địch.

Trong bọn chư hầu, có Pháo Tín là tướng ở Tế-bắc, thấy Tôn Kiên được đi làm tiên phong, sợ Kiên cướp mất công đầu, bèn mật sai em là Pháo Trung, đem năm nghìn quân mã bộ đi đường tắt, ra thẳng trước cửa quan khiêu đánh. Hoa Hùng đem năm trăm quân thiết kỵ ra ngoài cửa quan,

thét lớn: “Tướng giặc chó chạy!” Pháo Trung vội lui, bị Hoa Hùng chém chết, tướng hiệu bị bắt sống rất nhiều. Hoa Hùng sai người đem đầu Pháo Trung về báo tiếp. Trác giao ngay cho Hùng làm đô-đốc.

Đây nói chuyện Tôn Kiên dẫn bốn tướng đến trước cửa Di-thủy. Bốn tướng ấy là:

1- Trình Phổ, tên chữ Đức Mưu, người Thổ-ngân, ở Hữu Bắc-bình, Phổ cầm một ngọn xà-mâu sắt;

2- Hoàng Cái, tên chữ Công Phúc, người ở Linh-lãng. Cái cầm một ngọn roi sắt;

3- Hàn Dương, tên chữ là Công Nghĩa, người Linh-chi, tỉnh Liêu-tây, cầm một con dao lớn;

4- Tổ Mậu, tên chữ là Đại Vinh, người ở Phú-xuân, quận Ngô, hai tay cầm hai dao.

Tôn Kiên mình thì mặc áo giáp bạc, đầu đội mũ chóp đỏ, cắp dao Cổ-dinh, cưỡi ngựa Hoa-tôn, trở tay lên trên cửa quan mà mắng rằng:

- Thằng tiểu nhân đi phò giặc kia! Sao không mau mau xuống hàng?

Phó tướng Hoa Hùng là Hồ Chấn, dẫn năm nghìn quân xuống dưới cửa quan nghênh địch.

Tướng Kiên là Trình Phổ vác ngọn mâu, phi ngựa ra thẳng đánh Hồ Chấn. Đánh nhau được vài hợp Phổ đâm trúng cổ họng Chấn, chết ngã từ trên ngựa xuống đất. Kiên bèn thúc quân xông đến trước cửa quan. Trên cửa bắn tên, ném đá xuống như mưa. Kiên phải lui binh về đóng ở Lương-đông, sai người đến chỗ Viên Thiệu báo tiếp và đến chỗ Viên Thuật thúc giục lương thảo.

Bấy giờ có người xui Thuật rằng:

- Tôn Kiên là một con hổ dữ ở đất Giang-đông, nếu ta

để cho nó phá được Lạc-dương, giết được Đồng Trác, thì khác gì trừ được lang mà lại gặp hổ. Nay đừng phát lương, quân hần sẽ tan vỡ.

Thuật nghe, bèn không cấp lương cho Tôn Kiên.

Kiên cạn lương, trong quân rối loạn. Quân do thám biết, về cửa quan báo tin. Lý Túc bàn với Hoa Hùng rằng:

- Đêm hôm nay ta đem một toán quân, đi lần con đường nhỏ xuống đánh đằng sau trại Tôn Kiên, tướng quân đánh đằng trước, chắc bắt được nó.

Hùng nghe kế ấy, truyền lệnh cho quân sĩ ăn no, để đêm xuống cửa quan đánh giặc.

Đêm hôm ấy, gió mát trăng trong. Quân Hùng đến trại Kiên bấy giờ độ nửa đêm, đánh trống reo kéo vào. Kiên vội vàng mặc áo cuội ngựa đi ra, vừa gặp Hoa Hùng đến. Hai bên đánh nhau được vài hợp, mặt sau Lý Túc kéo vào, sai quân sĩ phóng hoả. Quân Tôn Kiên rối loạn. Các tướng đánh lộn nhau, duy có Tổ Mậu theo Kiên phá vây chạy. Hoa Hùng từ mặt sau đuổi dồn lại. Kiên cầm cung bắn hai phát tên, Hùng đều tránh được cả, lại giương cung bắn một phát nữa, cố sức quá lỗi gây mất cung Thước-hạ, phải vứt bỏ cung, tể ngựa chạy. Tổ Mậu bảo Kiên rằng:

- Cái mũ chóp dô trên đầu chúa công, bị giặc nó nhận được. Xin cởi mũ đưa cho tôi đội.

Kiên liền cởi mũ đánh đổi cho Mậu, rồi hai người chia đường chạy ra hai ngã. Quân Hoa Hùng cứ đuổi theo người đội mũ chóp dô. Kiên chạy sang con đường nhỏ được thoát.

Tổ Mậu bị Hoa Hùng đuổi kịp lắm, bèn bỏ mũ ra, treo vào một cái cột nhà cháy dở, rồi trốn vào rừng rậm, núp một chỗ.

Quân Hùng, thấp thoáng dưới bóng trăng, trông thấy

cái chớp mũi đỏ ở chỗ nhà cháy cứ vây bọc bốn mặt lại, không dám đến gần, rồi sau lấy tên bắn mãi mới biết bị lừa. Tổ Mậu ở trong rừng lúc bấy giờ xông ra, hai tay múa đôi dao, chực chém Hoa Hùng. Hùng hét to một tiếng, đưa cho Tổ Mậu một nhát dao, Mậu chết lăn xuống dưới ngựa.

Đánh nhau vừa đến tận sáng, Hùng mới kéo quân về.

Trình Phổ, Hàn Đường, Hoàng Cái tìm thấy Tôn Kiên, thu thập quân mã lại rồi đóng trại ở.

Tôn Kiên thấy mất Tổ Mậu, thương xót lắm. Cấp tốc cho người đi báo Viên Thiệu, Thiệu thất kinh nói rằng:

- Không ngờ Tôn Văn-dài mà thua Hoa Hùng!

Thiệu họp các chư hầu để bàn bạc. Chư hầu đến cả, chỉ có Công tôn Toản đến sau. Thiệu mời các tướng vào ngồi sắp hàng trong trường, rồi nói rằng:

- Em Pháo Tín không theo điều khiển, tự tiện tiến binh, mình bị giết, quân sĩ chết nhiều. Đến nay Tôn Văn-dài cũng bị thua, mất hết nhuệ khí, các tướng định làm sao?

Chư hầu không ai nói gì cả, Thiệu ngẩng mặt lên nhìn chỉ thấy sau lưng Công tôn Toản có ba người diện mạo dị thường, đứng cười mát.

Thiệu hỏi ai. Toản gọi Lưu Bị ra và nói rằng:

- Người này là anh em bạn học với tôi thuở nhỏ, hiện đương làm quan lệnh Bình-nguyên, tên là Lưu Bị.

Tháo hỏi:

- Có phải là Lưu Huyền Đức đánh tan giặc khăn vàng khi xưa không?

Toản nói phải, rồi bảo Lưu Bị ra chào các quan, nhân thể đem công lao và tình trạng ông ấy xuất thân thế nào, nói chuyện để các quan nghe. Thiệu thấy nói Lưu Bị là tôn phái nhà Hán bèn sai lấy ghế mời ngồi.

Lưu Bị khiêm tốn không dám ngồi. Thiệu nói:

- Ta kính không phải là kính danh tước nhà ngươi, ta kính là kính người tôn thất nhà vua đấy thôi!

Lưu Bị mới ngồi xuống ghế ở hàng cuối cùng. Quan Vũ, Trương Phi chấp tay đứng hầu đằng sau.

Đương khi ấy, có quân do thám lại báo:

- Hoa Hùng dẫn quân thiết kỵ xuống cửa quan, nó lấy sào cắm cái chóp mũ của Tôn thái thú, đến trước cửa trại, hò hét thách đánh.

Thiệu hỏi:

- Ai dám ra trận?

Sau lưng Viên Thuật, có một tướng lực lưỡng, tên là Du Thiệp bước ra thưa rằng:

- Tiểu tướng xin ra.

Thiệu mừng sai Thiệp ra. Vừa ra được một lát, có người về báo:

- Thiệp đánh nhau với Hoa Hùng được ba hợp, bị Hùng chém chết.

Các tướng cả sợ.

Thái-thú Hàn Phúc nói:

- Tôi có thượng tướng Phan Phụng chém được Hoa Hùng.

Thiệu bèn sai Phan Phụng ra đánh. Phụng tay cầm một cái búa to, lên ngựa, ra được một lúc, lại bị Hoa Hùng chém chết.

Các tướng không người nào còn máu mặt.

Thiệu nói rằng:

- Tiếc thay! Tướng ta là Nhan Lương, Văn Sứ chưa đến. Giá thử được một người ấy ở đây thì sợ gì Hoa Hùng!

- Nói chưa dứt lời một người ở dưới thêm, chạy ra, nói to lên rằng:

- Tiểu tướng xin ra chém đầu Hoa Hùng, đem dâng dưới trướng.

Mọi người nhìn xem thấy người ấy cao chín thước, mắt phượng mày ngài, mặt như táo chín, tiếng giống chuông kêu.

Thiệu hỏi là người nào. Toản thưa:

- Em Huyền Đức tên là Quan Vũ đấy!

Thiệu lại hỏi hiện làm chức gì? Toản thưa:

- Vũ theo Huyền Đức làm mã cung thủ.

Viên Thuật ở trong trướng thét lên:

- Thằng này thằng nào! Mày khinh chừ hầu chúng tao không có đại tướng hay sao, thứ mày là một thằng cung thủ, dám nói khoác à? Chúng đâu, đuổi cổ nó ra ngoài kia!

Tào Tháo vội ngăn rằng:

- Công lộ hãy nguôi cơn giận. Người ấy đã nói khoác thế, tất cũng có dũng lực. Xin hãy thử cho ra, hễ không đánh được ta sẽ trị tội.

Viên Thiệu nói:

- Sai một tay cung ra đánh, giặc nó có cười cho không?

Tào Tháo nói:

- Người ấy diện mạo hùng vĩ thế kia, Hoa Hùng biết đâu là tay cung.

Quan Công nói:

- Nếu không đánh được, xin chặt đầu tôi.

Tháo sai người rót chén rượu, đưa Quan Công uống, rồi sẽ ra. Quan Công nói:

- Xin hãy để chén rượu đấy. Tôi đi rồi về ngay!

Nói rồi đi ra, vác long đao nhảy lên lưng ngựa, được một lát các chư hầu nghe thấy ngoài cửa quân trống đánh, người reo ầm ầm, tựa hồ như trời tan đất lở, núi đổ non nghiêng; chúng tướng đều thất kinh đang định sai người ra xem, đã thấy tiếng nhạc nhong nhong trở về, ngựa đã vào tới trung quân; Quan Công cầm đầu Hoa Hùng ném xuống đất, chén rượu của Tào Tháo hãy còn nóng.

Đời sau có thơ khen rằng:

Cửa quân trống trận nổi thùng thùng,

Văng vẳng tai nghe nhạc ngựa rung.

Chén rượu rót ra còn nóng hổi,

Trước màn đã thấy sỏ Hoa Hùng.

Tào Tháo mừng lắm.

Trương Phi khi ấy ở sau lưng Lưu Bị mới chạy ra nói to lên rằng:

- Kha kha đã chém chết được Hoa Hùng, sao không nhân thể đánh thốc vào cửa quan, bắt sống lấy Đồng Trác còn đợi đến bao giờ?

Viên Thuật giận quát mắng rằng:

- Thằng láo! Đại thần chúng tao đây còn phải khiêm tốn, thứ mày là tiểu tốt của một quan huyện, sao dám hỗn xược ở đây? Đuổi cả chúng nó ra ngoài kia!

Tào Tháo nói:

- Ai có công thì thưởng, cứ gì quý với tiện.

Viên Thuật nói:

- Có phải các ông chỉ trọng một người huyện lệnh, tôi xin cáo thoái.

Tháo nói:

- Sao nên nhân một lời nói, mà bỏ việc lớn?

Nói thế rồi Tháo bảo Công tôn Toàn hãy mời các ông ấy về trại.

Chư hầu tan, người nào về trại người ấy, Tháo mật sai người đem trâu và rượu đưa sang mừng và úy lạo ba anh em Lưu, Quan, Trương.

Quân Hoa Hùng thua, chạy về cửa quan báo Lý Túc. Túc vội vàng viết giấy báo Đồng Trác, Trác họp các quan lại bàn. Lý Nho nói:

- Nay ta mất thượng tướng Hoa Hùng, thế giặc to lắm. Viên Thiệu là minh chủ, có chú là Viên Ngỗi hiện đang làm thái phó, vậy nó trong ngoài ứng hợp với nhau. Để vậy nguy lắm, nên trừ trước đi. Xin thừa tướng thân cầm đại quân, chia đường ra đánh thì mới được.

Trác nghe lời Nho, gọi Lý Thôi, Quách Dĩ, lĩnh năm trăm quân đến vây nhà thái-phó Viên Ngỗi, giá trẻ đều giết sạch, đem đầu Ngỗi ra bêu trước cửa quan.

Trác khởi hai mươi vạn quân chia làm hai đường, một đường sai Lý Thôi, Quách Dĩ, đem năm vạn quân ra giữ cửa Dĩ-thủy, không khiến đánh nhau, một đường thì Trác đem mười lăm vạn quân cùng với Lý Nho, Lã Bố, Phàn Trù, Trương Tế giữ cửa quan Hổ-lao. Cửa ấy cách Lạc-dương năm mươi dặm. Đến cửa Hổ-lao, Trác sai Lã Bố lĩnh ba mươi vạn quân ra trước quan, đóng một trại lớn; Trác thì đóng đồn trên quan.

Quân lưu tinh dò được tình hình, kíp vào trại Viên Thiệu báo. Thiệu họp các tướng lại họp bàn. Tháo nói:

- Đồng Trác đóng quân ở Hổ-lao, là cốt chẹn đường chư hầu. Nay nên chia binh ra: một nửa ra đó nghênh địch.

Thiệu bèn cất Vương Khuông, Kiều Mạo, Pháo Tín, Viên Dị, Khổng Dung, Trương Dương, Đào Khiêm, Công tôn

Toản, cả thấy tám vị chư hầu đến của Hồ-lao đối địch. Tào Tháo thì dẫn quân đi lại tiếp ứng. Chư hầu đều khởi binh đến, thái thú Vương Khuông đi trước.

Lã Bố đem năm nghìn quân thiết kỵ lại, Vương Khuông đem quân mã, bày thành thế trận, cuối ngựa đứng dưới cờ, trông thấy Lã Bố ra trận, đầu đội mũ dát vàng ba chỏm, mình mặc áo gấm đỏ trăm hoa, ngoài khoác áo giáp thú-diện liên-hoàn; dưới thắt dây lưng sư man, lưng đeo một bộ cung tên; tay cầm một ngọn họa kích, cuối ngựa Xích-thố.

Khuông ngoảnh lại hỏi ai dám ra đối chiến? Đằng sau có một tướng vác ngọn giáo, tể ngựa chạy ra. Xem ai hóa ra một danh tướng ở Hà-nội, tên là Phương Duyệt. Hai ngựa giao nhau, chưa được năm hợp, Duyệt bị Lã Bố đánh một ngọn kích ngã xuống ngựa. Bố xông thẳng vào. Quân Vương Khuông thua to, chạy tán lác ra bốn mặt. Bố xông xáo vào đám quân Khuông, như chạy vào nơi không có người. May sao Kiều Mạo, Viên Dị đem hai cánh quân vừa đến, cứu được Vương Khuông, quân Bố mới lui. Chư hầu ba xứ mỗi xứ mất ít nhiều người ngựa, lui ba mươi dặm, đóng trại. Quân năm xứ đi sau cũng dần dần kéo đến cả, họp lại bàn nhau, đều cho Lã Bố là anh hùng, không ai địch nổi.

Khi đang lo nghĩ có quân vào báo rằng Lã Bố đến khiêu chiến. Chư hầu tám xứ, đều lên ngựa kéo ra cả, chia quân ra làm tám đội, bày ở trên gò cao; trông ở đằng xa xa thấy một toán quân mã, cờ bay phấp phới, Lã Bố xông đến.

Bộ tướng của Trương Dương, thái-thú Thượng-dăng tên là Mục Thuận vác ngọn giáo tể ngựa ra đánh, bị Bố đâm một ngọn kích chết lăn từ trên ngựa xuống đất.

Thấy thế, một bộ tướng của Khổng Dung, tên là Vũ An Quốc, vác một cái dùi sắt, tể ngựa chạy ra, Lã Bố đến, đánh nhau được mười hợp, Bố đưa cho một ngọn kích đánh gãy cánh tay An Quốc. An Quốc vứt dùi sắt chạy. Chư hầu tám xứ cùng đổ ra mới cứu được An Quốc. Lã Bố lui quân trở về, các chư hầu lại về trại bàn với nhau.

Tào Tháo nói:

- Lã Bố anh hùng, không địch được. Nay nên họp cả mười tám nước chư hầu để bàn nhau tìm kế gì đánh được nó. Hễ bắt sống được Lã Bố, thì giết Đồng Trác chẳng khó gì nữa.

Trong khi đang bàn bạc, Lã Bố lại kéo binh đến thách đánh. Công tôn Toàn vác ngọn giáo nhảy ra đánh Lã Bố mới được vài hợp, Toàn thua chạy. Lã Bố thúc ngựa Xích-thố xấn lại đuổi, ngựa này chạy nhanh như bay. Bố gần đuổi kịp Toàn, ở bên rìa đường, bỗng có một tướng, mắt tròn trợn ngược, râu hùm vểnh lên, vác một ngọn bát-xà-mâu, tể ngựa đến thét lên rằng:

- Thằng đi ở ba họ kia! Đừng chạy nữa! Tao là Trương Phi người đất Yên đây!

Lã Bố thấy thế bỏ Toàn, đánh nhau với Trương Phi. Trương Phi hăng hái cố đánh Lã Bố. Đánh được hơn năm mươi hợp chưa rõ bên nào thua bên nào được. Quan Công đứng ngoài thấy thế cũng múa thanh long đao đến cùng đánh. Ba con ngựa đứng ra kiêu chũ đỉnh, đánh nhau được ba mươi hợp nữa cũng vẫn không hạ được Lã Bố. Lưu Bị bấy giờ cũng cầm đôi gươm tể ngựa chạy vào đánh giúp. Ba người vây tròn lấy Lã Bố đánh chẳng khác gì quân đèn cù. Binh mã tám xứ ngày mặt ra trông.

Lã Bố cố sức chống đỡ không nổi. Bố nhào vào giữa mặt Lưu Bị phóng vờ một ngọn kích. Lưu Bị tránh được. Lã Bố

mở góc cửa trận, cấp dao ngược kích, phi ngựa chạy về. Ba người thúc ngựa xấn vào; quân mã tám xứ đều reo ầm lên, xô cả ra đánh. Quân Lã Bố chạy về trên cửa Hồ-lao. Ba người theo sau đuổi mãi.

Có người làm bài ca khen ba người. Ca rằng:

Vận Hán đến Hoàn Linh suy thế,
Vàng thái dương đã xế về đoài
Giặc đâu Đông Trác đông dài;
Trần Lưu hết vía rụng rời kinh nghi!
Hịch Tào Tháo truyền đi các trấn
Chư hầu cùng nổi giận hưng binh
Bản Sơ đâu bọn đồng minh,
Thề nhau giúp Hán yên bình non sông.
Kia Lã Bố anh hùng ai sánh?
Khắp mọi người dũng mạnh nào bằng?
Áo ngoài giáp bạc sáng choang,
Đầu trên nhấp nhoáng mũ vàng ngù bông.
Mặt thủ dữ trập trùng bảo đài,
Cánh phượng bay phấp phới cắm bào.
Vó câu gió chạy ào ào,
Kích hoa sáng quắc soi vào nước trong.
Ra cửa ải tranh hùng ai dám?
Các chư hầu thất đảm kinh hồn
Trương Phi nhảy vọt ra liền
Xà mâu một ngọn trận tiền giương uy;
Vẽ râu hổ gấm ghi thét mắng,
Xoe mắt tròn lóng lánh lông la
Đánh nhau mê mãi chưa tha
Vân trường nóng tiết nhảy ra xông vào
Nhoáng màu tuyết siêu-đao sắc sủa
Áo chiến bào sắc sỡ vẽ hoa.

*Quý thân thét tiếng ngựa ra,
Cầm cầm khi tức mắt hoa đỏ ngầu
Huyền Đức cũng giục mau ngựa nhảy
Múa đuôi gươm vùng vẫy ra oai,
Ba người vây bọc vòng ngoài;
Kẻ đâm người đỡ liên tay không rời
Tiếng quát tháo lay trời động đất
Vùng sát khí cao ngất trời xanh.
Ôn hầu núng thế nhìn quanh,
Quay đầu ngựa chạy về nhanh núi nhà
Cán họa kích cho đà tếch trước,
Cờ ngũ hành xơ xác bướm bay
Giật cương chạy rẽ đường mây
Hổ-lao trại ấy tọt ngay vào thành.*

Ba người đuổi Lã Bố đến dưới cửa quan, trông thấy trên quan có tàn lọng che, gió bay phấp phới. Trương Phi kêu to lên rằng:

- Hắn Đổng Trác đẩy rồi! Đuổi Lã Bố làm gì nữa, không bằng bắt thằng Đổng Trác mới thực là đào cây nhỏ đến tận rễ.

Vừa nói vừa tể ngựa lên quan để bắt Đổng Trác.

Thế mới thực là:

*Bắt giặc nên tìm đầu xỏ giặc;
Công kỳ lại phải đợi người kỳ.*

Chưa biết rồi chuyện ra làm sao, xem đến hồi sau mới rõ.

HẾT TẬP I

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	3
Lời nói đầu	5
HỎI THỨ NHẤT:	
<i>Yến vườn đào anh hùng kết nghĩa</i> <i>Chém khăn vàng hào kiệt lập công</i>	37
HỎI THỨ HAI:	
<i>Trương dục Đức giận đánh Đốc Bưu</i> <i>Hà quốc cứu mưu giết Hoạn Thụ</i>	53
HỎI THỨ BA:	
<i>Tiệc Ôn minh Đồng Trác mắng Đinh Nguyên</i> <i>Dùng vàng bạc Lý Túc dụ Lã Bố</i>	74
HỎI THỨ TƯ:	
<i>Bỏ Hán-đế, Trần Lưu lên ngôi</i> <i>Lừa Đồng-tặc, Mạnh Đức dâng kiếm</i>	92
HỎI THỨ NĂM:	
<i>Phát kiếu chiêu các trấn ứng Tào-công</i> <i>Phá quan binh, ba ông đánh Lã Bố</i>	107

TAM QUỐC DIỄN NGHĨA
TẬP 1

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Cừ

Biên tập:

Nguyễn Anh Vũ

Đối chiếu:

Yên Ba

Sửa bản in:

Vũ Hà

In 1000 cuốn, khổ 13 cm x 19 cm,
tại Công ty Cổ phần In và Thương mại VINA.
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 59-2009/CXB/102-146/VH, cấp ngày 31/8/2009.
In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2009.

Tam Quốc Diễn Nghĩa

- Là pho tiểu thuyết lịch sử ưu tú của nền văn học cổ Trung-quốc.
- Bản dịch này của cụ Cử Phan kế Bính đã được cụ Phó bảng Bùi Kỷ hiệu đính lại (bằng cách đem đối chiếu với nguyên bản Trung-quốc mới nhất do Nhân dân văn học xã Bắc-kinh xuất bản năm 1958) .
- Sẽ in kèm một bản địa đồ thời Tam quốc để độc giả biết được phạm vi hoạt động của các nhân vật trong truyện.
- Có bài "Lời nói đầu" của Bộ biên tập Nhà xuất bản Nhân dân văn học Trung-quốc.
- Nhà xuất bản Phổ thông sẽ lần lượt in bộ Tam quốc thành nhiều tập. Trong mỗi tập đều có tranh minh họa của các họa sĩ Trung-quốc.



8936037692890

Giá: 248.000đ
(Trọn bộ 13 tập)